

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG**



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Bình Dương)

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	TS. Cao Việt Hiếu	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	Ông Cao Việt Hưng	Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng	Phó CT	
3.	TS. Cao Thị Việt Hương	Phó Hiệu trưởng	Phó CT	
4.	PGS.TS.Nguyễn Văn Thành	Phó Hiệu trưởng	Phó CT	
5.	TS. Trần Ngọc Hội	GD Trung tâm khảo thí	Ủy viên	
6.	Bà Nguyễn Việt Thu	Trưởng phòng Tài vụ	Ủy viên	
7.	TS. Vũ Thị Phương Anh	Trưởng khoa Ngoại ngữ	Ủy viên	
8.	TS. Phan Thông Anh	Trưởng Khoa Luật học	Ủy viên	
9.	ThS. Trần Trọng Tuyên	Phó Khoa Tin học	Ủy viên	
10.	TS. Phạm Đình Anh Khôi	Phó Khoa Điện tử	Ủy viên	
11.	TS. Huỳnh Thanh Tùng	Trưởng khoa Công nghệ sinh học	Ủy viên	
12.	Ông Lê Kim Thảo	Trưởng phòng TCHC	Ủy viên	
13.	Bà Phan Thị Kiều Tiên	Phó phòng Tổ chức Hành chính	Ủy viên	
14.	Bà Nguyễn Thị Vân Anh	GD Trung tâm thư viện Tư liệu	Ủy viên	
15.	Ông Hoàng Duy Thiên	Trưởng phòng CTSV&CĐT	Ủy viên	
16.	Ông Lê Ái Phú	Q. Trưởng phòng TTTT	Ủy viên	
17.	Ông Nguyễn Ngọc Khanh	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên	
18.	Ông Đỗ Quốc Dũng	PGĐ Trung tâm GDQP-AN	Ủy viên	
19.	TS. Võ Văn Việt	Phó phòng Đào tạo	Ủy viên	
20.	Ông Nguyễn Minh Tùng	Phó phòng Đào tạo	Ủy viên	
21.	Bà Karen H. Nguyen	Trưởng phòng Hợp tác quốc tế	Ủy viên	
22.	ThS. Lê Thành Long	Phó phòng NCKH	Ủy viên	
23.	TS. Trịnh Lương Quang	GD Trung tâm Việt Nga	Ủy viên	
24.	ThS. Đoàn Thị Bẩy	Phân Hiệu phó Phân hiệu Cà Mau	Ủy viên	
25.	ThS. Đỗ Đoàn Trang	Viện phó Viện Bolt	Ủy viên	
26.	ThS. Nguyễn Ngọc Chiến	Phân hiệu phó Phân hiệu XHNV	Ủy viên	
27.	ThS. Nguyễn Thị Hoài Nam	PGĐ Trung tâm khảo thí	Thư ký	

(Danh sách này gồm có 27 người)

MỤC LỤC

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ MỤC LỤC

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
PHẦN II. TỔNG QUAN CHUNG	4
PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG.....	11
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học.....	11
Tiêu chí 1.1.....	11
Tiêu chí 1.2.....	13
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý	15
Tiêu chí 2.1.....	15
Tiêu chí 2.2.....	17
Tiêu chí 2.3.....	20
Tiêu chí 2.4.....	22
Tiêu chí 2.5.....	24
Tiêu chí 2.6.....	26
Tiêu chí 2.7.....	28
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo.....	31
Tiêu chí 3.1.....	31
Tiêu chí 3.2.....	34
Tiêu chí 3.3.....	36
Tiêu chí 3.4.....	38
Tiêu chí 3.5.....	39
Tiêu chí 3.6.....	42
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo	45
Tiêu chí 4.1.....	45
Tiêu chí 4.2.....	47
Tiêu chí 4.3.....	49

Tiêu chí 4.4.....	52
Tiêu chí 4.5.....	55
Tiêu chí 4.6.....	57
Tiêu chí 4.7.....	58
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.....	62
Tiêu chí 5.1.....	62
Tiêu chí 5.2.....	64
Tiêu chí 5.3.....	66
Tiêu chí 5.4.....	68
Tiêu chí 5.5.....	70
Tiêu chí 5.6.....	72
Tiêu chí 5.7.....	73
Tiêu chí 5.8.....	75
Tiêu chuẩn 6: Người học.....	78
Tiêu chí 6.1.....	78
Tiêu chí 6.2.....	81
Tiêu chí 6.3.....	84
Tiêu chí 6.4.....	86
Tiêu chí 6.5.....	88
Tiêu chí 6.6.....	90
Tiêu chí 6.7.....	92
Tiêu chí 6.8.....	94
Tiêu chí 6.9.....	96
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ.....	100
Tiêu chí 7.1.....	100
Tiêu chí 7.2.....	103
Tiêu chí 7.3.....	105

Tiêu chí 7.4.....	107
Tiêu chí 7.5.....	109
Tiêu chí 7.6.....	111
Tiêu chí 7.7.....	113
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế	116
Tiêu chí 8.1.....	116
Tiêu chí 8.2.....	119
Tiêu chí 8.3.....	121
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	124
Tiêu chí 9.1.....	124
Tiêu chí 9.2.....	126
Tiêu chí 9.3.....	128
Tiêu chí 9.4.....	130
Tiêu chí 9.5.....	131
Tiêu chí 9.6.....	133
Tiêu chí 9.7.....	134
Tiêu chí 9.8.....	135
Tiêu chí 9.9.....	137
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính.....	140
Tiêu chí 10.1.....	140
Tiêu chí 10.2.....	142
Tiêu chí 10.3.....	144
PHẦN IV. KẾT LUẬN.....	147
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.....	148
PHẦN V. PHỤ LỤC	
Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định CLGD	
Phụ lục 2: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách	

Phụ lục 3: Kế hoạch tự đánh giá

Phụ lục 4: Danh mục minh chứng

QUY ƯỚC VIẾT TẮT

ANTT	An ninh trật tự
BCH	Ban chấp hành
BGH	Ban Giám hiệu
CB	Cán bộ
CBQL	Cán bộ quản lý
CSVC	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV	Công tác sinh viên
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐH	Đại học
DHBD	Đại học Bình Dương
ĐTN	Đoàn thanh niên
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HSSV	Học sinh, sinh viên
HTQT	Hợp tác quốc tế
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KT - XH	Kinh tế - Xã hội
KTKĐCLGD	Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục
KTX	Ký túc xá
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NV	Nhân viên
PCCC	Phòng cháy, chữa cháy

PGS	Phó Giáo sư
SV	Sinh viên
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ
UBND	Ủy ban nhân dân
Website	Trang thông tin điện tử tổng hợp

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ ngày thành lập 24/9/1997 đến nay, Trường Đại học Bình Dương luôn xác định công tác đảm bảo chất lượng, tự đánh giá chất lượng là nhiệm vụ quan trọng, góp phần thực hiện cam kết chất lượng của Nhà trường đối với xã hội. Ngay sau khi Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học theo Quyết định số 65/2007/QĐ- BGDĐT ngày 1/11/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, vào năm 2008, Nhà trường đã thành lập Ban kiểm định chất lượng giáo dục để tiến hành triển khai công tác ĐBCL và tự đánh giá trong KĐCL. Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo như: tiến hành rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTĐT định kỳ; khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và chất lượng dịch vụ của Nhà trường và ý kiến của các bên liên quan; nâng cấp và trang bị mới cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo; phát triển đội ngũ giảng viên; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học; tăng cường hợp tác quốc tế; đa dạng hóa nguồn thu và đảm bảo hợp lý, hiệu quả nguồn chi tài chính,...

Thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT về việc triển khai công tác KĐCL giáo dục, tháng 12 năm 2014, Nhà trường đã thành lập Hội đồng Tự đánh giá với 11 thành viên. Đến tháng 7 năm 2017, Nhà trường bổ sung các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá với 27 thành viên, giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá là Ban thư ký với 7 thành viên và 10 nhóm công tác chuyên trách.

Mục đích tự đánh giá là giúp Nhà trường tự xác định những điểm mạnh, những tồn tại và từ đó xây dựng kế hoạch hành động nhằm khắc phục những tồn tại. Công tác TĐG đồng thời giúp Nhà trường duy trì, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và là điều kiện để tiến hành đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục. Ngoài ra, công tác TĐG góp phần chứng minh tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trước xã hội.

Quy trình triển khai công tác TĐG của Nhà trường gồm có 8 bước, theo Hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định tại công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 của Cục trưởng Cục KT&KĐCLGD, Bộ GD&ĐT. Dựa trên quy trình TĐG, Nhà trường triển khai tập huấn cho các thành viên chủ chốt của các đơn vị hiểu rõ mục đích, yêu cầu của công tác tự đánh giá. Trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng kế hoạch TĐG và ban hành quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá bao gồm đại diện Ban Giám hiệu, các Phòng, Khoa, các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, đại diện giảng viên, sinh viên.

Để giúp việc cho Hội đồng TĐG, Nhà trường thành lập Ban thư ký và 10 nhóm công tác chuyên trách, trong đó trưởng các đơn vị làm trưởng các tiểu ban và thành viên của các tiểu ban chuyên trách được phân công dựa trên sở trường công tác, am hiểu về các công việc liên quan đến nội hàm tiêu chí, tiêu chuẩn. Mỗi tiểu ban được phân công phụ trách từ 1 đến 2 tiêu chuẩn. Dựa trên kế hoạch tổng thể của Hội đồng TĐG, các nhóm công tác chuyên trách lập kế hoạch chi tiết và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Các thành viên được tập huấn và hướng dẫn kỹ lưỡng về việc triển khai công tác TĐG, hiểu rõ nội hàm các tiêu chí, phương pháp thu thập và xử lý thông tin, minh chứng và cách thức viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.

Để nâng cao hiệu quả công tác TĐG, Nhà trường đã cử CBGV tham dự các lớp tập huấn do Cục KT&KĐCLGD, Trung tâm KĐCLGD Đại học Đà Nẵng tổ chức về công tác TĐG, ĐBCL và KĐCL. Nhà trường đã tổ chức tập huấn về công tác ĐBCL và viết báo cáo TĐG cho CBQL từ cấp trưởng/phó bộ môn trở lên, các nhóm chuyên trách, các tiểu ban phụ trách các tiêu chí, tiêu chuẩn. Nhờ vậy, nhận thức của CBQL, CBGV về công tác ĐBCL và TĐG được nâng cao và tất cả các thành viên của Nhà trường tích cực, tự giác tham gia công tác TĐG nhằm đảm bảo thực hiện công tác TĐG của Nhà trường đúng tiến độ và đạt hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, các nhóm công tác chuyên trách và Ban thư ký tiến hành xử lý thông tin, minh chứng thu thập được; đối chiếu với nội hàm tiêu chí và mốc chuẩn để từ đó tiến hành báo cáo TĐG tiêu chí, tiêu chuẩn. Trên cơ sở đó, Hội đồng TĐG phân tích, đánh giá các điểm mạnh và những tồn tại, đề xuất các kế hoạch khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đồng thời TĐG mức độ đạt được của thực trạng Nhà trường so với yêu cầu của tiêu chí.

Dựa trên nguyên tắc khách quan, trung thực và vì mục tiêu phát triển, Nhà trường đã triển khai công tác TĐG đúng quy trình và hiệu quả. Báo cáo TĐG đã được hoàn thành với sự nỗ lực của cả tập thể Nhà trường và nhận được ý kiến đóng góp tích cực của tất cả các thành viên từ CBQL, GV, NV, SV. Báo cáo TĐG được công khai trong nội bộ Trường, đồng thời thực hiện báo cáo Bộ GD&ĐT và gửi tới Trung tâm KĐCLGD - Đại học Đà Nẵng để đăng ký tiến hành KĐCL cơ sở giáo dục Nhà trường theo quy định.

PHẦN II. TỔNG QUAN CHUNG

1. Bối cảnh chung của Nhà trường

Trong bối cảnh đất nước ta từng bước hòa nhập vào nền kinh tế mở, kinh tế tri thức và với sự kiện tách tỉnh Sông Bé để thành lập tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước, ngày 24 tháng 9 năm 1997, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 791/TTg thành lập Trường Đại học Dân lập Bình Dương (nay là Trường Đại học Bình Dương). Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân trình độ đại học và sau đại học, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung.

Trường Đại học Bình Dương là trường đại học đa ngành, thực hiện đào tạo 1 ngành tiến sĩ, 2 ngành thạc sĩ, 14 ngành đại học. Các ngành đào tạo của Nhà trường thuộc các lĩnh vực kinh tế, văn hóa – xã hội, khoa học công nghệ, với quy mô đào tạo hiện nay khoảng 6.200 sinh viên chính quy và 1.200 sinh viên không chính quy. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức đào tạo các chương trình ngắn hạn phục vụ nhu cầu nâng cao nghiệp vụ của người học và phục vụ nhu cầu các doanh nghiệp. Đặc biệt với việc thành lập Trung tâm Sejong, Nhà trường tổ chức đào tạo tiếng Việt cho sinh viên Hàn Quốc và đào tạo tiếng Hàn cho người Việt Nam.

Với quan điểm “Giáo dục là của mọi người, vì mọi người, cho mọi người, mọi người được quyền bình đẳng hưởng thụ thành quả của nền giáo dục và có nghĩa vụ đóng góp xây dựng phát triển giáo dục”, Nhà trường luôn:

“Cổ vũ tinh thần ham học hỏi
Đề cao khả năng tự đào tạo
Dấn thân vì sự nghiệp nâng cao dân trí
Đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài
Vì xã hội Việt Nam phát triển.”

Triết lý giáo dục của Nhà trường được thể hiện rõ nét trong suốt quá trình xây dựng và phát triển: “Con người sinh ra ai cũng có quyền bình đẳng tồn tại và phát

triển bền vững. Để tồn tại và phát triển, mỗi người phải tự thân lao động sáng tạo, lao động có hiệu quả để tạo ra những sản phẩm vật chất hay tinh thần có chất lượng đáp ứng nhu cầu, yêu cầu của cuộc sống bản thân, gia đình, cộng đồng xã hội, để có điều kiện bảo vệ thiên nhiên”. Đó là đạo lý, là phẩm chất đạo đức cơ bản nhất mà mỗi người cần phải có, phẩm chất đạo đức đó được lượng giá thông qua:

Trách nhiệm với bản thân

Trách nhiệm với gia đình

Trách nhiệm với xã hội

Trách nhiệm với thiên nhiên

Tinh thần trách nhiệm đó phải được giáo dục ngay từ khi con người mới ra đời cho đến khi mất đi. Để thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đó, con người phải không ngừng học tập rèn luyện, học liên tục, học suốt đời, học ở mọi nơi, học ở gia đình, học ở trường, học ở cộng đồng xã hội.

Để học tập có hiệu quả, các chương trình mục tiêu học tập được thực hiện thông qua phương pháp “Cộng học” giữa thầy và trò, giữa người học với nhau, học ở cộng đồng xã hội. Phương pháp cộng học được thực hiện trên nguyên tắc 4 chữ “H”: **Học – Hỏi – Hiểu – Hành**, trong đó:

Học là để biết cách học như thế nào.

Học là để biết cách hỏi.

Hỏi để học (để tập hợp thông tin, xử lý thông tin, khai thác thông tin để giải quyết những vấn đề của cuộc sống đặt ra).

Hỏi để Hiểu.

Hiểu phải Hiểu đúng.

Hiểu đúng thì mới Hành đúng.

Hành đúng thì mới có hiệu quả.

Hành có hiệu quả mới lo được cho bản thân, cho gia đình, cho xã hội, cho thiên nhiên được.

Với quan điểm thực hiện công tác TĐG là hoạt động quan trọng góp phần duy trì và từng bước nâng cao chất lượng, thông qua kết quả triển khai công tác TĐG mọi mặt của Nhà trường trong giai đoạn 2012 – 2017, Nhà trường xác định những điểm mạnh và tồn tại cơ bản như sau:

Điểm mạnh:

Về sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường, sứ mạng của Nhà trường được xác định cụ thể, rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương và cả nước. Việc đánh giá, rà soát, điều chỉnh, bổ sung sứ mạng được thực hiện định kỳ với sự tham gia của các bên liên quan. Bên cạnh đó, mục tiêu của Nhà trường được xây dựng phù hợp với sứ mạng, phù hợp với Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và được định kỳ đánh giá, rà soát, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp. Ngoài ra, sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường được công bố rộng rãi, công khai đến toàn thể CB, GV, NV, SV và các bên liên quan.

Về tổ chức và quản lý, Nhà trường đã xây dựng cơ cấu tổ chức phù hợp, đảm bảo tính ổn định và hoạt động có hiệu quả trong từng giai đoạn phát triển. Chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong Trường được phân định rõ ràng thông qua hệ thống văn bản được ban hành công khai. Sự phối hợp giữa Đảng ủy và các tổ chức đoàn thể với chính quyền Nhà trường giúp cho hoạt động mọi mặt của Nhà trường được thực hiện hiệu quả, thiết thực và theo đúng các kế hoạch đề ra, đóng góp vào sự phát triển chung của Trường. Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác báo cáo định kỳ và lưu trữ báo cáo đúng theo quy định. Với các kết quả đạt được, các đơn vị và các tổ chức đoàn thể của Nhà trường được nhận nhiều phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước, của các tổ chức đoàn thể trong và ngoài tỉnh.

Về chương trình đào tạo, tất cả các CTĐT của Nhà trường được thiết kế theo những quy định, quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT, có sự tham khảo các CTĐT tiên tiến của các trường ĐH trong nước và quốc tế, đồng thời có tham khảo ý kiến kiến phản hồi của các chuyên gia, CBQL, GV, doanh nghiệp sử dụng lao động, cựu

sinh viên và căn cứ theo nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội. Bên cạnh đó, các CTĐT của Nhà trường có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, không chỉ đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong quá trình tích lũy kiến thức và học tiếp các chương trình khác. Các CTĐT của Nhà trường được định kỳ, rà soát, cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Về hoạt động đào tạo, Nhà trường đã tổ chức thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ và triển khai đa dạng các hình thức đào tạo, đáp ứng nhu cầu khác nhau của người học trên cơ sở tuân thủ các quy định, quy chế hiện hành. Hằng năm, Nhà trường tổ chức đa dạng các hình thức đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, đồng thời thực hiện đánh giá chất lượng người học sau khi ra trường và khảo sát ý kiến đánh giá của doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp. Nhà trường sử dụng kết quả khảo sát làm cơ sở cải tiến CTĐT và hoạt động đào tạo. Bên cạnh đó, các cơ sở dữ liệu về công tác đào tạo được Nhà trường tổ chức xây dựng và lưu trữ đầy đủ, an toàn, chính xác, đúng quy cách, thuận tiện cho việc tra cứu và thống kê khi cần. Nhà trường thực hiện cấp phát và lưu trữ văn bằng, chứng chỉ đúng theo quy định.

Về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên, Nhà trường luôn xác định tầm quan trọng của công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, GV, NV, trong đó đã ban hành và áp dụng các chính sách, biện pháp tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ CB, GV, NV Nhà trường. Công tác tuyển dụng luôn được Nhà trường thực hiện có kế hoạch, công khai, minh bạch, đúng quy định. Bên cạnh đó, lãnh đạo Nhà trường rất quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng và các ý kiến đóng góp xây dựng Trường cũng như giải quyết kịp thời các ý kiến khiếu nại của CB, GV, NV. Hiện nay, Nhà trường có đội ngũ GV cơ hữu có năng lực chuyên môn cao, trình độ thạc sĩ, tiến sĩ

ngày càng tăng. Phần lớn đội ngũ GV có năng lực ngoại ngữ và tin học, đảm bảo áp dụng được công tác giảng dạy và NCKH. Ngoài ra, đội ngũ GV ngày càng được trẻ hóa và đảm bảo năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Về người học, với quan điểm giáo dục là của mọi người, vì mọi người nên tất cả hoạt động giáo dục của Nhà trường đều lấy người học làm trọng tâm. Các hoạt động đào tạo và rèn luyện của Nhà trường nhằm mục đích hướng đến việc đào tạo người học đảm bảo kiến thức chuyên ngành, năng lực thực tiễn, đồng thời chú trọng rèn luyện người học về phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước, các nội quy của nhà trường. Nhà trường hướng dẫn người học đầy đủ các quy định về quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện; tổ chức cho người học tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của GV và đánh giá chất lượng đào tạo trước khi tốt nghiệp. Nhà trường tổ chức đa dạng nhiều hình thức hỗ trợ SV học tập, rèn luyện và hướng nghiệp cho SV. Do vậy, kết quả khảo sát tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp thể hiện SV Nhà trường có khả năng tự tạo việc làm và tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo tăng lên qua từng năm.

Về NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ, Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định chi tiết về hoạt động KH&CN, xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH dài hạn, trung hạn, kế hoạch hằng năm và triển khai thực hiện theo đúng Quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường, phù hợp với sứ mạng phát triển của trường ĐH và theo định hướng ứng dụng. Nhà trường ban hành và áp dụng nhiều chính sách, chế độ hỗ trợ kinh phí nhằm khuyến khích CB, GV, NV, SV tham gia NCKH, đặc biệt có chính sách khen thưởng dành cho CB, GV công bố bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín. Nhờ vậy, số lượng đề tài NCKH của CB, GV Nhà trường và số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành tăng lên qua từng năm. Tất cả các đề tài NCKH của Nhà trường đều được xét duyệt, phân bổ kinh phí, kiểm tra tiến độ thực hiện và nghiệm thu theo đúng quy định của Nhà trường, đảm bảo nội dung và hiệu quả

nghiên cứu phù hợp với chương trình đào tạo, góp phần phát triển nguồn lực của Trường.

- Về hoạt động hợp tác quốc tế, Nhà trường tổ chức thực hiện các hoạt động HTQT theo đúng chủ trương, quy định của Nhà nước và trong thời gian qua không có sai phạm trong công tác đối ngoại. Các hoạt động HTQT được triển khai có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi GV, SV, đồng thời góp phần tăng cường nguồn thu cho Nhà trường. Các hoạt động HTQT về NCKH có hiệu quả, thể hiện qua việc nhiều dự án, đề án hợp tác NCKH đã được thực hiện. Nhà trường đã phối hợp với các trường ĐH đối tác tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung trên các tạp chí khoa học quốc tế.

- Về thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất, Nhà trường có thư viện, hệ thống phòng học, giảng đường đáp ứng phục vụ hoạt động dạy học, NCKH của CB, GV, SV. Các trang thiết bị phục vụ dạy học và thiết bị tin học được Nhà trường mua sắm, trang bị đầy đủ cho công tác quản lý và hoạt động đào tạo, nghiên cứu. Bên cạnh đó, Nhà trường có đủ diện tích lớp học theo quy định cho hoạt động dạy và học, có ký túc xá cho người học, có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định. Nhà trường luôn chú trọng công tác bảo vệ tài sản, đảm bảo trật tự, an toàn, an ninh trong trường học và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác ANTT, bảo vệ tài sản, phòng chống thiên tai.

- Về tài chính và quản lý tài chính, Nhà trường đã chủ động áp dụng nhiều biện pháp để tự chủ tài chính, trong đó tập trung xây dựng kế hoạch tài chính theo hướng chuẩn hóa, công khai, minh bạch, đúng quy định; đồng thời tăng nguồn thu hợp pháp cho Nhà trường. Công tác quản lý tài chính của Nhà trường luôn được thực hiện đúng quy định của Nhà nước, đồng thời đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả trong triển khai các hoạt động theo đúng kế hoạch, góp phần đáng kể vào quá trình xây dựng và phát triển của Nhà trường.

Tồn tại:

Bên cạnh những điểm mạnh nêu trên, trong quá trình TĐG, Nhà trường thẳng thắn nhìn nhận một số tồn tại cơ bản sau:

- Việc tham gia của các bên liên quan vào quá trình bổ sung, điều chỉnh sứ mạng còn hạn chế.

- Do những khó khăn nhất định trong công tác tuyển sinh nên việc thực hiện một số chỉ tiêu chiến lược về đào tạo của các Khoa còn hạn chế.

- Các CTĐT đã có SV tốt nghiệp của Nhà trường mới được tiến hành tự đánh giá và chưa tiến hành đánh giá đồng cấp và đánh giá ngoài.

- Số lượng ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp Nhà trường còn hạn chế.

- Tuy số lượng GV có học hàm học vị của Nhà trường tăng qua từng năm nhưng tỷ lệ GV có học hàm, học vị Tiến sĩ trở lên ở các Khoa chưa đồng đều.

- Số lượng SV tốt nghiệp trả lời khảo sát về tình trạng việc làm còn hạn chế do cựu SV thường xuyên thay đổi số điện thoại và địa chỉ email cá nhân.

- Nguồn thu từ các hoạt động NKCH và chuyển giao công nghệ chưa cân đối so với nguồn kinh phí Nhà trường đầu tư cho hoạt động NCKH.

- Do hạn chế về năng lực ngoại ngữ nên hoạt động HTQT của một số Khoa chưa đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường.

- Thư viện Nhà trường chưa thực hiện liên kết, khai thác nguồn tài nguyên thông tin với các thư viện nước ngoài, diện tích Nhà thi đấu đa năng còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động thể thao có quy mô lớn.

- Nguồn thu từ học phí của một số ngành đào tạo đặc thù và từ hoạt động NCKH còn hạn chế.

PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

TIÊU CHUẨN 1: SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Mở đầu:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các nguồn lực và định hướng phát triển, ngay sau khi được thành lập, Trường Đại học Bình Dương đã xác định sứ mạng rõ ràng của Nhà trường là theo định hướng ứng dụng. Dựa trên mục tiêu đào tạo trình độ đại học được quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố, Nhà trường xác định các mục tiêu phù hợp, làm định hướng cho các hoạt động của Nhà trường. Đồng thời, trong quá trình xây dựng và phát triển, sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương và cả nước.

Tiêu chí 1.1: Sứ mạng của trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Trường Đại học Bình Dương được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 1997 theo quyết định số 791/TTg của Thủ tướng Chính phủ [H1.1.1.1]. Năm 2010, Nhà trường đã xác định và ban hành sứ mạng bằng văn bản [H1.1.1.2]. Trong quá trình xây dựng và phát triển, căn cứ các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, các văn bản của Chính phủ về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020, chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 – 2020, các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Dương và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương, Nhà trường đã sửa đổi, bổ sung sứ mạng phù hợp với nguồn lực và định hướng chiến lược phát triển, trong đó nêu rõ: “Trường Đại học Bình Dương có sứ mạng tạo điều kiện để mọi người được tham gia học tập nâng cao trình độ; đào tạo cử nhân, kỹ sư thực hành; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, góp phần phát triển địa phương và đất nước” [H1.1.1.2], [H1.1.1.3], [H1.1.1.4], [H1.1.1.5], [H1.1.1.6], [H1.1.1.7]. Trong quá trình bổ sung,

điều chỉnh sứ mạng, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi của cán bộ, giảng viên, nhân viên [H1.1.1.8].

Sứ mạng của Nhà trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể là thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học cho khu vực và cho cả nước, đồng thời thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ [H1.1.1.9], [H1.1.1.10]. Sứ mạng của Nhà trường được thông báo công khai đến toàn thể CB, GV, NV, sinh viên; đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử, các bảng thông báo trong khuôn viên Trường [H1.1.1.11], [H1.1.1.12]. Ngoài ra, thông qua các hội thảo, hội nghị do Nhà trường tổ chức, sứ mạng của Nhà trường đã được phổ biến đến các bên liên quan [H1.1.1.13].

Trường Đại học Bình Dương là trường đại học ngoài công lập, tự chủ tài chính; căn cứ sứ mạng đã được xác định, Nhà trường đã tiến hành xây dựng các kế hoạch chiến lược cho từng giai đoạn phát triển, đồng thời xác định định hướng chung cho công tác đào tạo theo định hướng ứng dụng [H1.1.1.14].

2. Điểm mạnh:

Sứ mạng của Nhà trường được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phổ biến rộng rãi đến toàn thể CB, GV, NV, SV và các bên liên quan.

Sứ mạng của Nhà trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp nguồn lực và định hướng phát triển, phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương và cả nước.

3. Tồn tại:

Việc tham gia của các bên liên quan vào quá trình bổ sung, điều chỉnh sứ mạng của Nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, thông qua các Hội nghị, Hội thảo về công tác đào tạo và việc làm do Nhà trường tổ chức định kỳ, tiến hành lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về sứ mạng của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ, rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả:

Mục tiêu chiến lược của Nhà trường được xác định cho từng giai đoạn phát triển, gồm mục tiêu dài hạn, mục tiêu trung hạn và mục tiêu ngắn hạn từng năm [H1.1.2.1]. Trong quá trình xây dựng, căn cứ mục tiêu đào tạo trình độ đại học được quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố, Nhà trường bổ sung, điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp và trong kế hoạch chiến lược giai đoạn 2015 – 2020, Nhà trường đã xác định rõ mục tiêu hành động chung là: “Phát huy tiềm năng của xã hội, xây dựng và phát triển trở thành đại học kinh tế sinh thái đa lĩnh vực, đào tạo kỹ sư, cử nhân thực hành chất lượng cao với chương trình, mục tiêu đào tạo cơ bản, thiết thực, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam, khu vực và thế giới” [H1.1.2.1], [H1.1.2.2], [H1.1.2.3].

Mục tiêu chiến lược của Nhà trường được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh có sự tham gia đóng góp ý kiến của CB, GV, NV [H1.1.2.4]. Các mục tiêu chiến lược được thông báo công khai đến các đơn vị trực thuộc và đăng tải, công bố rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường [H1.1.2.5]. Căn cứ mục tiêu chiến lược của Trường, các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, để triển khai mục tiêu đã xác lập [H1.1.2.6].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hành động của từng đơn vị và kết quả hoàn thành mục tiêu chiến lược [H1.1.2.1].

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu của Nhà trường được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố; được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và triển khai thực hiện.

Mục tiêu của Nhà trường được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CB, GV, NV thông qua thông báo công khai và qua trang thông tin điện tử của Nhà trường.

3. Tồn tại:

Nhà trường chưa thường xuyên đánh giá mức độ hiểu biết của CB, GV và NV về các mục tiêu chiến lược của Trường.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2017 – 2018, Nhà trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc trong các cuộc họp giao ban thường xuyên quán triệt, đồng thời kiểm tra mức độ hiểu biết của CB, GV và NV về mục tiêu chiến lược của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Sứ mạng của Nhà trường được xác định cụ thể, rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương và cả nước. Việc đánh giá, rà soát, điều chỉnh, bổ sung sứ mạng được thực hiện định kỳ với sự tham gia của các bên liên quan.

Mục tiêu của Nhà trường được xây dựng phù hợp với sứ mạng, phù hợp với Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và được định kỳ đánh giá, rà soát, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp. Sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường được công bố rộng rãi, công khai đến toàn thể CB, GV, NV và các bên liên quan.

Tuy nhiên việc tham gia của các bên liên quan vào quá trình bổ sung, điều chỉnh sứ mạng còn hạn chế. Trong thời gian đến, thông qua các hội nghị, hội thảo, Nhà trường tăng cường tuyên truyền và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về sứ mạng của Nhà trường.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

Số tiêu chí không đạt yêu: 0

TIÊU CHUẨN 2: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mở đầu:

Với quy mô của trường đại học tư thục, Nhà trường xây dựng cơ cấu tổ chức tinh gọn, phù hợp với quy định của Điều lệ trường đại học và quy định của pháp luật. Các tổ chức, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các nội dung công việc theo chức năng, nhiệm vụ được xác định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường. Nhờ vậy, công việc quản lý của nhà trường được phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả và không có sự chông chéo trong quá trình triển khai công việc. Hệ thống văn bản được nhà trường ban hành và lưu trữ có hệ thống, khoa học, đúng quy định của pháp luật. Đảng bộ của Nhà trường giữ vai trò nòng cốt, lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động của nhà trường. Các tổ chức đoàn thể trong trường luôn phát huy vai trò giám sát, phản biện, tích cực tham gia cùng xây dựng, phát triển nhà trường theo sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược đã xác định.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả:

Công tác quản lý của Nhà trường được thực hiện theo mô hình của một trường đại học ngoài công lập theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật [H2.2.1.1]. Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Trường bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Hội đồng tư vấn, các Phòng chức năng, các Khoa, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các Trung tâm, các Viện nghiên cứu [H2.2.1.2]. Nhà trường hiện có 12 Phòng chức năng, 13 Khoa, 10 Trung tâm, 05 Viện nghiên cứu [H2.2.1.2]. Để phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong toàn Trường, căn cứ Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động và thông báo rộng rãi đến toàn thể CB, GV, NV cũng như đăng tải trên website của Nhà trường [H2.2.1.1], [H2.2.1.3],

[H2.2.1.4]. Cơ cấu tổ chức hiện có của Nhà trường tuân thủ các quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan đồng thời được thể hiện cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H2.2.1.1], [H2.2.1.2], [H2.2.1.3].

Từ năm 2002, Bộ GD&ĐT đã công nhận Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Hiệu trưởng nhà trường [H2.2.1.5]. Tiếp đến, trên cơ sở đề nghị của nhà trường, Bộ trưởng GD&ĐT đã công nhận Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Hiệu trưởng nhà trường đến khi Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi loại hình trường sang tư thục [H2.2.1.6]. Trong quá trình hoạt động và phát triển, để phù hợp với điều kiện thực tiễn, vào năm 2017, Nhà trường đã hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi trường sang loại hình trường tư thục và được Chính phủ ban hành quyết định cho phép chuyển đổi [H2.2.1.7].

Nhà trường đã thành lập các đơn vị chức năng và các đơn vị trực thuộc phù hợp với điều kiện thực tiễn và đúng với Quy chế tổ chức và hoạt động [H2.2.1.8]. Trong đó, phòng chức năng là đơn vị hành chính trực thuộc trường, có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao; khoa thực hiện quản lý công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực chuyên môn được phép; bộ môn quản lý công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên [H2.2.1.8]. Bên cạnh đó, các trung tâm, viện thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, góp phần vào hỗ trợ hoạt động đào tạo và chuyển giao công nghệ của Nhà trường [H2.2.1.8].

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường thường xuyên được rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với những định hướng, yêu cầu phát triển của Nhà trường đồng thời phù hợp với quy định của Chính phủ, Bộ GD&ĐT nhằm đảm bảo việc triển khai các hoạt động trong Nhà trường có hiệu quả [H2.2.1.9]. Để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chất lượng của trường, năm 2002, Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí đảm nhận công tác tổ chức thi cử trong toàn trường; năm

2001 thành lập Ban Thanh tra đảm nhận chức năng tham mưu, quản lý công tác thanh tra, pháp chế [H2.2.1.8].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định của trường đại học ngoài công lập và thực tiễn của Nhà trường, được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động.

- Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, trong đó quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận liên quan; quy định rõ ràng về cơ cấu tổ chức của nhà trường.

- Nhà trường đã thành lập các đơn vị mới nhằm phục vụ hoạt động quản lý và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

3. Tồn tại:

Việc rà soát Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường tuy đã triển khai nhưng chưa được thực hiện hằng năm.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 - 2018, định kỳ hằng năm tổ chức lấy ý kiến của CB, GV, NV về Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để từ đó điều chỉnh cho phù hợp tình thực tiễn, phát huy hiệu quả của công tác tổ chức và quản lý nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả:

Để triển khai hoạt động một cách có hiệu quả, trong kế hoạch của từng năm học, Nhà trường luôn chú trọng đến việc ban hành hệ thống văn bản tổ chức, quản lý đối với tất cả các mặt hoạt động của Trường [H2.2.2.1].

Năm 2003, Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, trong đó đã quy định cơ cấu bộ máy tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị trực thuộc [H2.2.2.2]. Tiếp đến, trong các năm 2016, 2017, cơ cấu tổ chức, chức năng

nhiệm vụ của từng đơn vị được rà soát, bổ sung, sửa đổi trong các quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc [H2.2.2.3].

Đối với công tác tổ chức và quản lý, Nhà trường đã ban hành Quy chế phối hợp trách nhiệm giữa Đảng ủy với Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu và ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa Công đoàn cơ sở với Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu [H2.2.2.4]. Bên cạnh đó, đã ban hành Quy chế, quy định liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự; Quy định chế độ chính sách đối với cán bộ – nhân viên, giáo viên cơ hữu; Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc và Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H2.2.2.5], [H2.2.2.6], [H2.2.2.7], [H2.2.2.8].

Trong công tác đào tạo, Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ, trình độ đại học cao đẳng theo hệ thống tín chỉ và hệ thống văn bản các quy chế đào tạo liên thông, đào tạo văn bằng hai và đào tạo từ xa [H2.2.2.9].

Về hoạt động NCKH của GV, năm 2013, Nhà trường đã ban hành Quy định nghiên cứu khoa học của Trường và năm 2014 tiếp tục ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên cơ hữu, trong đó tại chương III quy định cụ thể về định mức giờ chuẩn NCKH của giảng viên cơ hữu [H2.2.2.10].

Đối với công tác SV, năm 2008, Nhà trường ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống sinh viên, học sinh hệ Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp thuộc Trường Đại học Bình Dương và năm 2015, Nhà trường ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống sinh viên, học sinh hệ Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp thuộc Trường Đại học Bình Dương sửa đổi kèm theo Hướng dẫn thực hiện quy chế đánh giá rèn luyện học sinh sinh viên sửa đổi [H2.2.2.11]. Đồng thời, Nhà trường ban hành Quy chế giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập và phát hành Sổ tay sinh viên [H2.2.2.12], [H2.2.2.13]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập Trung tâm Tư vấn nghề nghiệp và việc làm sinh viên và Trung tâm Nghề nghiệp và Hỗ trợ doanh

ng nghiệp với chức năng, nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho SV [H2.2.2.14].

Các văn bản về hoạt động khảo thí và đảm bảo chất lượng được Nhà trường quan tâm thông qua việc ban hành Quy chế về quản lý, đảm bảo, đánh giá chất lượng; Quy định về việc đánh giá, hướng dẫn người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học và chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp; Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên, doanh nghiệp có sử dụng lao động [H2.2.2.15], [H2.2.2.16].

Năm 2001, Nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập Ban Thanh tra và năm 2013, ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ban Thanh tra – Giáo dục – Giám thị kèm theo quyết định sáp nhập Tổ Giám thị vào Ban Thanh tra [H2.2.2.17]. Nhà trường đồng thời ban hành Quy chế hoạt động của Ban Pháp chế, Quy định về công tác văn thư lưu trữ trong Trường [H2.2.2.18], [H2.2.2.19]. Các tổ chức đoàn thể của Nhà trường như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đều xây dựng và công bố Quy chế làm việc, chương trình làm việc theo từng nhiệm kỳ [H2.2.2.20], [H2.2.2.21], [H2.2.2.22].

Tất cả hệ thống văn bản nội bộ của Nhà trường được công khai trên mạng địa chỉ: <http://vanban.bdu.edu.vn> [H2.2.2.23]. Trong các cuộc họp giao ban, lãnh đạo nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị, cá nhân và đồng thời được thể hiện rõ trong các văn bản kết luận cuộc họp [H2.2.2.24]. Các đơn vị trực thuộc thường xuyên rà soát, đánh giá các văn bản tổ chức và quản lý của Nhà trường, trong đó thể hiện hệ thống văn bản của Nhà trường ban hành không trái với các quy định của pháp luật [H2.2.2.25]. Đồng thời, căn cứ kết quả rà soát, Nhà trường ban hành các quyết định điều chỉnh các văn bản tổ chức và quản lý theo các giai đoạn 2010 – 2012, 2013 - 2015 [H2.2.2.26].

Trong nhiều năm qua, Nhà trường và nhiều tập thể, cá nhân thuộc trường đã nhận được cờ thi đua, nhiều bằng khen của các cấp quản lý, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba, Huân chương lao động hạng Nhì

[H2.2.2.27]. Ngoài ra, Nhà trường được tổ chức chứng nhận Intertek (Hoa Kỳ) đánh giá và công nhận đạt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 [H2.2.2.28].

2. Điểm mạnh:

- Hệ thống văn bản tổ chức và quản lý của Nhà trường được ban hành đầy đủ trên các lĩnh vực hoạt động và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh định kỳ.
- Các văn bản được số hóa và công khai trên mạng văn bản nội bộ của Nhà trường.

3. Tồn tại:

Việc triển khai nội dung các văn bản đến GV thỉnh giảng đôi lúc còn chậm.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường kịp thời thông báo các văn bản đến GV thỉnh giảng thông qua việc gửi email đồng thời quán triệt, tăng cường trách nhiệm của các khoa, tổ bộ môn trong việc thông báo kịp thời văn bản đến GV, đặc biệt là các GV thỉnh giảng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả:

Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, trong đó phân cấp quản lý, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trực thuộc [H2.2.3.1]. Bên cạnh đó, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị được quy định cụ thể trong các quyết định thành lập của các đơn vị [H2.2.3.2]. Năm 2016, Nhà trường rà soát, ban hành các quyết định phân công trách nhiệm, quyền hạn của các thành viên Ban Giám hiệu [H2.2.3.3]. Ngoài ra, trách nhiệm và quyền hạn của thủ trưởng các đơn vị trong toàn Trường được xác định và quy định rõ ràng bằng văn bản [H2.2.3.4].

Đối với các tổ chức đoàn thể, vào từng nhiệm kỳ, Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, trong đó phân công nhiệm vụ, quyền hạn cho từng thành viên [H2.2.3.5], [H2.2.3.6], [H2.2.3.7], [H2.2.3.8].

Nhà trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV với các nội dung quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn GV theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định về nhiệm vụ NCKH của GV hằng năm [H2.2.3.9]. Ngoài ra, trách nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ, nhân viên các đơn vị được quy định rõ ràng trong bảng mô tả công việc và hợp đồng lao động của từng cán bộ [H2.2.3.10], [H2.2.3.11].

Hằng năm, Nhà trường tiến hành tổng kết các hoạt động trong đó thể hiện chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc và của các cá nhân từ Ban Giám hiệu đến lãnh đạo các Phòng Ban chức năng, Khoa chuyên môn, Trung tâm, các tổ chức đoàn thể được xác định rõ ràng và không có sự chồng chéo, không trái các quy định của pháp luật [H2.2.3.12].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy định rõ ràng chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, CBQL, GV và nhân viên.
- Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, CBQL, GV và nhân viên được xác định theo đúng quy định của pháp luật.

3. Tồn tại:

Một số văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của CBGV, NV chưa được cập nhật kịp thời.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017 – 2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường chỉ đạo tăng cường công tác pháp chế nhằm đảm bảo cập nhật hệ thống văn bản về công tác cán bộ để kịp thời ban hành các quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của CBGV, GV, NV Nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả:

Đảng bộ Trường Đại học Bình Dương là một đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Bình Dương, gồm có 03 chi bộ trực thuộc [H2.2.4.1], [H2.2.4.2]. Đội ngũ cấp ủy của trường gồm 09 đồng chí, là những cán bộ lãnh đạo, quản lý có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng, có năng lực để hoàn thành nhiệm vụ, có uy tín và khả năng tập hợp, đoàn kết nội bộ [H2.2.4.3]. Trong từng nhiệm kỳ, Đảng ủy đã xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, ban hành Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ hằng năm để chỉ đạo chung các hoạt động công tác trong năm [H2.2.4.4], [H2.2.4.5]. Hằng năm, Đảng bộ Nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá những mặt mạnh và xác định những tồn tại, chỉ ra các nguyên nhân yếu kém, từ đó xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cho hoạt động trong năm kế tiếp [H2.2.4.6]. Với những kết quả đạt được, Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Bình Dương công nhận Đảng bộ Nhà trường là tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm 2014, năm 2015, năm 2016 và các chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở nhận được nhiều hình thức khen thưởng của Tỉnh ủy Bình Dương [H2.2.4.7].

Công đoàn Nhà trường là một công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Dương, bao gồm Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ủy ban Kiểm tra, Ban Nữ công và 10 tổ công đoàn với 175 công đoàn viên [H2.2.4.8], [H2.2.4.9]. Trong từng nhiệm kỳ, BCH Công đoàn Nhà trường đã ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm tra trong đó có sự phân công nhiệm vụ cho từng thành viên [H2.2.4.10]. Hằng năm, Công đoàn Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức các chương trình hoạt động cụ thể theo kế hoạch nhằm chăm lo quyền và lợi ích chính đáng của người lao động và thu hút

đông đảo người lao động tham gia [H2.2.4.11]. Hằng năm, BCH Công đoàn Nhà trường tiến hành tổng kết công tác hoạt động và khen thưởng các cá nhân có nhiều đóng góp trong hoạt động công đoàn [H2.2.4.12]. Từ năm 2012 đến 2017, công đoàn Nhà trường luôn được công nhận là công đoàn vững mạnh và được Tổng Liên đoàn, Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Dương tặng cờ thi đua và bằng khen [H2.2.4.13].

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Bình Dương là đơn vị trực thuộc Tỉnh đoàn Bình Dương [H2.2.4.14]. Trong các nhiệm kỳ của mình, BCH Đoàn Thanh niên, Ủy ban Kiểm tra Đoàn trường đã xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch làm việc cụ thể, thể hiện rõ sự quán triệt sâu sắc và bám sát các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ đạo của Đảng và Đoàn cấp trên trong các công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo được nhiều phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao bổ ích, lành mạnh thể hiện sự sáng tạo, xung kích, tình nguyện [H2.2.4.15]. Nhằm đánh giá các hoạt động trong các năm học, hằng năm BCH Đoàn trường tiến hành báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên của Nhà trường [H2.2.4.16]. Với những kết quả đạt được, Đoàn Thanh niên Nhà trường đã đạt được rất nhiều thành tích xuất sắc, được Thủ tướng Chính phủ, Đoàn cấp trên tặng nhiều bằng khen, giấy khen [H2.2.4.17].

Hội Sinh viên Nhà trường là đơn vị trực thuộc Hội Sinh viên tỉnh Bình Dương [H2.2.4.18]. Phối hợp chặt chẽ với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trường trong các nhiệm kỳ đều xây dựng chương trình, kế hoạch làm việc cụ thể bám sát những chủ trương, kế hoạch, chỉ đạo của cấp trên nhằm gây dựng các phong trào hoạt động cho sinh viên [H2.2.4.19]. Hằng năm, Hội Sinh viên Nhà trường tổ chức tổng kết công tác Hội nhằm đánh giá các hoạt động và định hướng hoạt động cho năm học tiếp theo [H2.2.4.20]. Trong những năm học vừa qua, Hội Sinh viên trường luôn được Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam và Hội Sinh viên tỉnh Bình Dương biểu dương, ghi nhận những kết quả xuất sắc đạt được [H2.2.4.21].

Các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Nhà trường được thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo sự phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu và các tổ chức Đảng, đoàn thể của Nhà trường và trong thời gian qua không để xảy ra sai phạm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước [H2.2.4.6], [H2.2.4.12], [H2.2.4.16], [H2.2.4.20], [H2.2.4.22].

2. Điểm mạnh:

- Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Nhà trường hoạt động theo đúng điều lệ, theo kế hoạch cụ thể, đồng thời triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên; tạo được sự đoàn kết, thống nhất trong đơn vị.

- Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể của Nhà trường nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

3. Tồn tại:

Do khó khăn nhất định về cơ sở vật chất nên các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên chưa thể tổ chức cho đông đảo SV toàn trường tham gia.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Nhà trường tăng cường tổ chức nhiều hoạt động phong phú, đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu, sở thích của SV đồng thời phối hợp với các đơn vị tổ chức sự kiện nhằm tổ chức các hoạt động quy mô lớn thu hút đông đảo SV toàn trường tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả:

Để triển khai các hoạt động ĐBCL của Trường, ngay từ năm 2002, Nhà trường đã thành lập Trung tâm khảo thí nhằm thực hiện nhiệm vụ tổ chức, giám sát các kỳ thi, xử lý kịp thời các vi phạm về quy chế thi [H2.2.5.1]. Tiếp đến năm

2008, Nhà trường đã thành lập Ban Kiểm định chất lượng với 05 cán bộ (01 Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban và 03 ủy viên) nhằm triển khai các hoạt động ĐBCL, đặc biệt là công tác kiểm định chất lượng của Trường [H2.2.5.1].

Hiện nay, đội ngũ cán bộ của Trung tâm khảo thí bao gồm 08 cán bộ (01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 06 nhân viên) [H2.2.5.2]. Những cán bộ của Trung tâm khảo thí đều là các cán bộ chuyên trách, có năng lực, đạo đức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H2.2.5.2]. Đồng thời, đội ngũ cán bộ, chuyên viên của Trung tâm khảo thí và Ban Kiểm định chất lượng hằng năm được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện tham gia các lớp tập huấn trong và ngoài trường nhằm cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng tác nghiệp [H2.2.5.3]. Trung tâm khảo thí và Ban Kiểm định chất lượng Nhà trường hằng năm xây dựng kế hoạch hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ của đơn vị, trình Ban Giám hiệu Nhà trường phê duyệt và thông báo đến tất cả các đơn vị trực thuộc Trường căn cứ triển khai thực hiện [H2.2.5.4]. Trong từng học kỳ, Nhà trường tổ chức giao ban về công tác khảo thí và ĐBCL, qua đó Trung tâm khảo thí, Ban Kiểm định chất lượng, các đơn vị Phòng Khoa báo cáo tiến độ, kết quả triển khai, từ đó Ban Giám hiệu Nhà trường có những chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác khảo thí và ĐBCL [H2.2.5.5]. Đồng thời, hằng năm trong báo cáo tổng kết năm học, Nhà trường đánh giá kết quả triển khai công tác khảo thí và ĐBCL trong đó tập trung làm rõ nguyên nhân và xác định các biện pháp khắc phục các tồn tại [H2.2.5.6].

Năm 2017, Nhà trường ban hành quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung thành phần Hội đồng tự đánh giá, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục [H2.2.5.7]. Với sự nỗ lực của các thành viên trong đơn vị, Trung tâm khảo thí và Ban Kiểm định chất lượng hằng năm luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và tập thể, cá nhân được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H2.2.5.8], [H2.2.5.9].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã thành lập bộ phận chuyên trách về ĐBCL giáo dục.

- Đội ngũ cán bộ của Trung tâm khảo thí và Ban Kiểm định chất lượng đảm bảo chuyên môn nghiệp vụ và có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác khảo thí và ĐBCL.

3. Tồn tại:

Do đặc thù của trường ngoài công lập nên nguồn kinh phí chi cho các hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Nhà trường tăng cường nguồn kinh phí chi cho hoạt động ĐBCL và KĐCL trong đó có kinh phí cho các hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

1. Mô tả:

Căn cứ sứ mạng đã xác định, Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2010 – 2015 tầm nhìn đến 2020, kế hoạch phát triển giai đoạn 2016 – 2020 tầm nhìn đến 2025 phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường [H2.2.6.1], [H2.2.6.2]. Đồng thời xây dựng và ban hành các kế hoạch phát triển chiến lược trung hạn Nhà trường giai đoạn 2010 – 2012, 2013 – 2015, 2016 – 2018 [H2.2.6.3]. Nhà trường triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn thông qua việc xây dựng và ban hành kế hoạch của từng năm học, trong đó gắn kết với sứ mạng, với kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn của Trường [H2.2.6.4].

Trong nội dung kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Nhà trường đều thể hiện sự gắn kết với sứ mạng, với định hướng ứng dụng và xác lập các mục tiêu cụ thể cũng như các biện pháp thực hiện [H2.2.6.1],

[H2.2.6.2], [H2.2.6.3], [H2.2.6.4]. Thông qua các cuộc họp giao ban thủ trưởng các đơn vị, Nhà trường triển khai thực hiện các nội dung cụ thể của các kế hoạch đã được xây dựng, đồng thời đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện để từ đó bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, trong đó đối với kế hoạch năm học, trong các cuộc họp giao ban định kỳ hằng tuần, hàng tháng, hàng quý và cuối mỗi học kỳ, lãnh đạo các đơn vị báo cáo các hoạt động của đơn vị, đề xuất những ý kiến nhằm triển khai, rà soát các kế hoạch hoạt động và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng chỉ đạo, phân công việc thực hiện nhằm đạt kết quả theo kế hoạch đã xác định [H2.2.6.5].

Định kỳ Nhà trường tổ chức đánh giá nghiêm túc kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn sau một giai đoạn cũng như kế hoạch năm học [H2.2.6.6]. Ngoài ra, công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Nhà trường được thảo luận công khai tại Hội nghị Người lao động hằng năm và được thể hiện cụ thể trong báo cáo tại Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2010 – 2015, nhiệm kỳ 2015 – 2020 cũng như Nghị quyết hằng năm của Đảng bộ Trường [H2.2.6.7], [H2.2.6.8].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn và kế hoạch từng năm học gắn liền với sứ mạng và định hướng của Nhà trường.

- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch đã xác định.

3. Tồn tại:

Việc thực hiện các mục tiêu chiến lược về đào tạo của một số Khoa còn hạn chế do những khó khăn trong công tác tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, định kỳ hằng năm, Nhà trường chỉ đạo các Khoa tổ chức rà soát, đánh giá nghiêm túc, khách quan các mục tiêu chiến lược về đào tạo để có cơ sở điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.7. Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ báo cáo của nhà trường.

1. Mô tả:

Dựa trên các quy chế công tác văn thư lưu trữ, quản lý văn bản, lập hồ sơ, tài liệu, quy định chế độ mật đối với tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước trong ngành GD&ĐT cũng như tuân thủ quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động, Nhà trường đã ban hành Quy chế về công tác văn thư lưu trữ [H2.2.7.1], [H2.2.7.2]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quyết định về việc phân công nhiệm vụ văn thư, lưu trữ tại Trường với các nội dung quy định cụ thể [H2.2.7.3]. Ngoài ra, nhằm tạo sự thống nhất trong việc quản lý hệ thống văn bản, Nhà trường đã thông báo và triển khai thực hiện việc giao nhận văn bản đi – đến, giao nhận các văn bản điện tử, công tác tổng hợp của các đơn vị trong toàn Trường [H2.2.7.4].

Đối với hoạt động lưu trữ của Nhà trường do Phòng Tổ chức Hành chính đảm nhận, trong đó bố trí cán bộ chuyên trách đã được đào tạo về nghiệp vụ văn thư, lưu trữ phụ trách [H2.2.7.5]. Nhà trường đã bố trí kho lưu trữ riêng đối với hệ thống hồ sơ, sổ sách của Trường và đồng thời các đơn vị phòng ban, khoa sắp xếp, bố trí địa điểm lưu trữ phù hợp với điều kiện của đơn vị [H2.2.7.6]. Bên cạnh đó, Nhà trường bố trí hệ thống PCCC và đảm bảo an toàn cho các địa điểm lưu trữ hồ sơ [H2.2.7.6]. Ngoài ra, Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý văn bản phục vụ công tác lưu trữ của Trường [H2.2.7.7]. Nhà trường thực hiện đồng thời lưu trữ văn bản giấy và bản điện tử đối với hệ thống văn bản đến và đi [H2.2.7.4], [H2.2.7.7].

Nhà trường đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cũng như báo cáo đột xuất theo yêu cầu với cơ quan Bộ GD&ĐT, các bộ ngành liên quan và các ban ngành ở địa phương về kết quả thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch công tác của đơn vị [H2.2.7.8]. Hằng năm, Nhà trường báo cáo kết quả thực hiện các lĩnh vực công tác về hoạt động đào tạo, tổ chức cán bộ, tài chính, đảm bảo chất lượng, quản lý khoa học, hợp tác quốc tế và học sinh sinh viên [H2.2.7.9]. Bên cạnh đó, Nhà trường báo cáo thực hiện quy chế công khai, báo cáo thống kê định kỳ cho các cơ quan chức năng theo đúng yêu cầu [H2.2.7.10].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã ban hành quy định về công tác lưu trữ và thực hiện tốt công tác lưu trữ hồ sơ, sổ sách theo đúng quy định.
- Nhà trường thực hiện đầy đủ báo cáo định kỳ Bộ GD&ĐT và các cơ quan quản lý về các hoạt động của Trường.

3. Tồn tại:

Một số văn bản đi của các đơn vị phòng khoa chưa được số hóa.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Nhà trường quán triệt, yêu cầu tất cả các đơn vị phòng khoa thực hiện số hóa các văn bản đi của đơn vị nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lưu trữ cũng như thu thập minh chứng phục vụ hoạt động KĐCL của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Nhà trường đã xây dựng cơ cấu tổ chức phù hợp, đảm bảo tính ổn định và hoạt động có hiệu quả trong từng giai đoạn phát triển. Chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong Trường đều được phân định rõ ràng thông qua hệ thống văn bản được ban hành công khai. Sự phối hợp giữa Đảng ủy và các tổ chức đoàn thể với chính quyền Nhà trường giúp cho hoạt động mọi mặt của Nhà

trường được thực hiện hiệu quả, thiết thực và theo đúng các kế hoạch đề ra, đóng góp vào sự phát triển chung của Trường.

Các đơn vị và các tổ chức đoàn thể của Nhà trường đã được nhận nhiều phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước và của các tổ chức đoàn thể trong và ngoài tỉnh. Nhà trường đã thực hiện tốt công tác báo cáo định kỳ và lưu trữ báo cáo đúng theo quy định.

Tuy nhiên, việc thực hiện một số chỉ tiêu chiến lược về đào tạo của các Khoa còn hạn chế. Trong thời gian tới, Nhà trường chỉ đạo các khoa định kỳ rà soát để bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu chiến lược về đào tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

TIÊU CHUẨN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu:

Với quan điểm “Giáo dục là của mọi người, vì mọi người, cho mọi người, mọi người đều được bình đẳng hưởng thụ thành quả của nền giáo dục”, Nhà trường luôn xác định người học là trung tâm của quá trình đào tạo. Chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở tuân thủ theo những quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT, với triết lý giáo dục của Nhà trường và tham khảo ý kiến của các bên liên quan nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Để đảm bảo chất lượng CTĐT và khả năng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người học và nhu cầu nhân lực của nền kinh tế hội nhập, Nhà trường chú trọng triển khai hoạt động rà soát, đánh giá và bổ sung, điều chỉnh CTĐT trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến trong nước và quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các chuyên gia, CBQL, GV và các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội.

Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Hiện nay, Nhà trường đã xây dựng một hệ thống chương trình đào tạo phong phú, đa dạng với 14 ngành đào tạo Cao đẳng, Đại học; 02 ngành đào tạo Thạc sĩ và 01 ngành Tiến sĩ [H3.3.1.1]. Tất cả CTĐT của Trường được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, dựa trên triết lý giáo dục; sứ mạng, mục tiêu và định hướng chiến lược của Nhà trường [H3.3.1.2].

Căn cứ các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT đồng thời căn cứ theo các quyết định của Bộ GD&ĐT cho phép Trường Đại học Bình Dương mở ngành đào

tạo, Nhà trường đã xây dựng các CTĐT theo định hướng ứng dụng, đa ngành nghề, đa hệ, đa cấp – bậc học, để hướng tới thực hiện sứ mạng, mục tiêu và định hướng chiến lược phát triển Trường nhằm “tạo điều kiện để mọi người được tham gia học tập nâng cao trình độ; đào tạo cử nhân, kỹ sư thực hành; nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ, góp phần phát triển địa phương và đất nước” [H3.3.1.1], [H3.3.1.2], [H3.3.1.3].

Hoạt động xây dựng và phát triển CTĐT là hoạt động trọng tâm, thường xuyên của Nhà trường, được thể hiện rõ trong mục tiêu, sứ mạng, các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn; trong các biên bản họp Ban giám hiệu, các quy định, quy chế, quy trình xây dựng – thực hiện – cải tiến chương trình đào tạo, các biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các quyết định ban hành CTĐT của Nhà trường [H3.3.1.4], [H3.3.1.5]. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường bao gồm đội ngũ các nhà khoa học hùng hậu, uy tín (với 41 Giáo sư, PGS, TS trong đó có 6 Viện sĩ) luôn tư vấn có hiệu quả cho Nhà trường trong việc xây dựng các chương trình đào tạo có chất lượng [H3.3.1.7].

Các CTĐT của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở tham khảo CTĐT các trường ĐH của các quốc gia tiên tiến như Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Ba Lan, Belarus, Hàn Quốc và các trường ĐH có uy tín trong nước như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Kiến trúc Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ [H3.3.1.6].

Các CTĐT của Nhà trường mở mới trong vòng 5 năm trở lại đây được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và các cơ quan có liên quan, có sự tham khảo của các CTĐT tiên tiến, có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, CBQL, GV, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và cựu sinh viên [H3.3.1.8], [H3.3.1.9], [H3.3.1.10]. Đồng thời, thực hiện chủ trương xây dựng các CTĐT theo hướng thực hành, nhằm đào tạo các sinh viên tốt nghiệp có thể tham gia ngay vào thị trường lao động, Nhà trường chú trọng việc lấy kiến

của các nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên thông qua các buổi hội thảo xây dựng chương trình đào tạo ở cấp Khoa và phiếu khảo sát nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên [H3.3.1.11], [H3.3.1.12].

Tất cả các môn học có trong CTĐT đều có đề cương chi tiết, trong đó nêu rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của môn, nội dung chi tiết của môn học, danh mục tài liệu tham khảo, cũng như các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá [H3.3.1.13], [H3.3.1.14].

2. Điểm mạnh:

- Chương trình đào tạo của tất cả các ngành được xây dựng đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, tuân thủ theo các quy định hiện hành của GD&ĐT.
- Các CTĐT của Nhà trường có sự tham khảo CTĐT của các trường ĐH có uy tín trong nước và thế giới và có sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, CBQL, GV, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên.

3. Tồn tại:

Hàng năm, Nhà trường tổ chức các cuộc khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về CTĐT nhưng số lượng ý kiến phản hồi còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017-2018, Nhà trường tổ chức quán triệt nâng cao nhận thức cho SV năm cuối về việc trả lời ý kiến khảo sát của Nhà trường về đánh giá chất lượng CTĐT đồng thời chỉ đạo các Khoa tăng cường liên hệ nhằm thường xuyên cập nhật thông tin về số điện thoại, địa chỉ email của cựu SV nhằm triển khai hiệu quả hoạt động lấy ý kiến phản hồi của SV tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả:

Trong quá trình mở ngành đào tạo và xây dựng CTĐT, Nhà trường thường xuyên bám sát những quy định của Bộ GD&ĐT, đặc biệt là Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ban hành ngày 17/02/2011 của Bộ GD&ĐT quy định về điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ ĐH, trình độ cao đẳng [H3.3.2.1],[H3.3.2.4], [H3.3.2.5].

Chương trình đào tạo của Nhà trường được thiết kế hợp lý theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và định hướng nghề nghiệp của Nhà trường, trong đó mỗi CTĐT đều thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình [H3.3.2.1],[H3.3.2.2],[H3.3.2.3], H3.3.2.4], [H3.3.2.5].

CTĐT của Nhà trường được thiết kế một cách có hệ thống, các khối kiến thức bao gồm cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành với khối lượng từ 135 đến 140 tín chỉ cho ngành đào tạo 4 năm và 170 tín chỉ cho ngành đào tạo 4,5 năm (ngành Kiến trúc) [H3.3.2.2], [H3.3.2.3]. Trong mỗi CTĐT có quy định các môn học tiên quyết, môn học trước để đảm bảo tính logic, cấu trúc hợp lý và tính hệ thống, sinh viên phải học và đạt các môn tiên quyết mới học được các môn sau, trong đó, khối kiến thức liên quan đến giáo dục chính trị, gồm 10 tín chỉ, tuân thủ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3.3.2.3], [H3.3.2.4]. Bên cạnh đó, để tăng cường năng lực thực hành và kỹ năng sống của sinh viên, Nhà trường còn thiết kế các khối kiến thức bổ trợ liên quan đến các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ

năng tin học, kỹ năng ngoại ngữ để giúp SV có thể đạt được mức năng lực làm việc theo nhu cầu của thị trường lao động [H3.3.2.3].

Nhận thức được sự thay đổi của thị trường lao động, định kỳ các Khoa chuyên môn tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo, cập nhật đề cương chi tiết [H3.3.2.2], [H3.3.2.4]. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến góp ý của các bên liên quan (sau các đợt khảo sát, lấy ý đóng góp) đối với CTĐT về kết cấu chương trình, khả năng đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đào tạo trình độ đại học; khả năng đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động,... các Khoa tiến hành xây dựng, điều chỉnh CTĐT theo hướng cập nhật kiến thức cho người học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [H3.3.2.2], [H3.3.2.4], [H3.3.2.6], [H3.3.2.7], [H3.3.2.8],[H3.3.2.9], [H3.3.2.10]. Ngoài ra, trong nội dung CTĐT, SV được tham gia các chương trình thực tập thực tế tại các doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức về ngành nghề, công việc sau tốt nghiệp, từ đó hình thành năng lực thực tiễn cho SV [H3.3.2.11].

2. Điểm mạnh

- Tất cả CTĐT của Nhà trường có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ trong đó có sự chú trọng hình thành năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của người học.

- Chương trình đào tạo được thiết kế nhằm đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH và đồng thời đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

3. Tồn tại:

Hoạt động điều tra, dự báo nhu cầu nhân lực đối với một số ngành đào tạo trên phạm vi cả nước gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Nhà trường tăng cường liên hệ với các địa phương có các ngành đào tạo của Nhà trường tổ chức đào tạo nhằm xác định đúng nhu cầu

nhân lực để từ đó xây dựng cũng như thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 3.3. Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả:

Với sứ mạng “tạo điều kiện để mọi người được tham gia học tập nâng cao trình độ, đào tạo cử nhân, kỹ sư thực hành; nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ, góp phần phát triển địa phương và đất nước”, bên cạnh phương thức đào tạo chính quy, Nhà trường đã xây dựng các CTĐT theo các hình thức đào tạo giáo dục thường xuyên và giáo dục từ xa [H3.3.3.1], [H3.3.3.2], [H3.3.3.3]. Tất cả các CTĐT chính quy, giáo dục thường xuyên và giáo dục từ xa của Nhà trường được thiết kế tuân thủ theo các quy định pháp lý của Bộ GD&ĐT, định hướng ứng dụng và tùy theo loại hình đào tạo, Nhà trường ban hành các quy chế, quy định để hướng dẫn thực hiện, đồng thời có phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp, đảm bảo chất lượng đào tạo [H3.3.3.4].

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, các CTĐT giáo dục thường xuyên và giáo dục từ xa được thiết kế dựa trên CTĐT chính quy, chỉ lược bỏ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng [H3.3.3.1], [H3.3.3.2]. Mã số các môn học của CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên được sử dụng thống nhất, đảm bảo cho SV có thể linh động theo các điều kiện cá nhân để tích lũy các tín chỉ cần thiết của CTĐT để đủ điều kiện tốt nghiệp hoặc chuyển đổi tín chỉ từ các CTĐT khác nhau [H3.3.3.1], [H3.3.3.2], [H3.3.3.3], [H3.3.3.4]. Hơn thế nữa, SV thuộc chương trình giáo dục thường xuyên có thể đăng ký học và thi cùng với SV chính quy [H3.3.3.4].

Đối với các lớp liên kết đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, Nhà trường tiến hành khảo sát, thẩm định điều kiện đảm bảo chất lượng để mở lớp, có văn bản

xin phép các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo, đảm bảo thực hiện công tác quản lý đào tạo theo quy định [H3.3.3.5].

Cùng với việc không ngừng hoàn thiện chương trình đào tạo theo hướng tiên tiến, hiện đại, tuân thủ những yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT, đáp ứng đòi hỏi về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, thỏa mãn nhu cầu của người học, Nhà trường không ngừng hoàn thiện về cơ sở vật chất kỹ thuật và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cải tiến công tác quản lý đào tạo nhằm ĐBCL dạy học [H3.3.3.6]. Bên cạnh đó, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Ban Thanh tra, giáo dục, giám thị phối hợp cùng Phòng Đào tạo và các Khoa, Bộ môn các phụ trách nhiệm quản lý nề nếp của hoạt động dạy và học, đồng thời ban hành quy định về chế độ làm việc đối với GV cơ hữu, thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, đánh giá chất lượng giảng dạy; tổ chức các lớp tập huấn, các cuộc hội thảo nhằm cải tiến phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV [H3.3.3.7].

2. Điểm mạnh:

- Chương trình đào tạo chính quy, giáo dục thường xuyên và giáo dục từ xa của Nhà trường được thiết kế thống nhất, đúng quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo và tương đồng giữa các chương trình.

- Nhà trường đảm bảo đầy đủ các điều kiện ĐBCL đào tạo để tổ chức hoạt động đào tạo đúng quy định.

3. Tồn tại:

Nhà trường chưa triển khai hiệu quả việc lấy ý kiến phản hồi của người học hệ vừa làm vừa học đối với hoạt động giảng dạy của GV.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017 – 2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học hệ vừa làm vừa học đối với hoạt động giảng dạy của GV một cách hiệu quả, hệ thống và đồng bộ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả:

Căn cứ các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT [H3.3.4.1], [H3.3.4.2]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành quy định về việc xây dựng và điều chỉnh CTĐT, làm cơ sở để các khoa và bộ môn căn cứ thực hiện, trong đó quy định rõ các CTĐT phải tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước [H3.3.4.3].

Thực hiện việc tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, năm 2012, các Khoa đã rà soát CTĐT theo niên chế, trên cơ sở tham khảo các CTĐT tiên tiến, tiến hành điều chỉnh CTĐT và năm 2013 Nhà trường đã ban hành các CTĐT mới theo học chế tín chỉ [H3.3.4.4], [H3.3.4.5]. Trong năm học 2016 - 2017, với mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động và xu thế phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tăng cường khả năng hội nhập, liên kết quốc tế, Nhà trường đã triển khai bổ sung, điều chỉnh các CTĐT dựa trên cơ sở tham khảo các CTĐT tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước [H3.3.4.6], [H3.3.4.7]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã có sự điều chỉnh và ban hành các CTĐT, chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo [H3.3.4.8], [H3.3.4.9].

Nhận thức được yêu cầu của nhà tuyển dụng về năng lực ngoại ngữ, kỹ năng tin học cùng với những kỹ năng mềm cần thiết đối với người lao động, Nhà trường

đã ban hành các quyết định về chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ, đồng thời hoàn thành học phần về “Kiến tạo thương hiệu bản thân” nhằm trang bị các kỹ năng mềm, giúp SV có đủ khả năng thích ứng với môi trường làm việc ngay khi ra trường [H3.3.4.9].

2. Điểm mạnh:

- Các CTĐT của Nhà trường được rà soát định kỳ, trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan và các CTĐT tiên tiến quốc tế, đồng thời có tính đến tăng cường năng lực ngoại ngữ, tin học và trang bị các kỹ năng mềm cho SV.

- Nhà trường đã triển khai định kỳ bổ sung, điều chỉnh CTĐT trong vòng 05 năm qua.

3. Tồn tại:

Việc tham khảo các CTĐT chương trình tiên tiến quốc tế đối với các ngành đào tạo xã hội nhân văn tuy đã thực hiện nhưng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017 – 2018, Nhà trường yêu cầu các Khoa tiến hành thu thập, tổng hợp, phân tích, chọn lựa CTĐT chương trình tiên tiến quốc tế có chất lượng cao để tham khảo nhằm bổ sung, điều chỉnh CTĐT, đặc biệt là đối với khối ngành xã hội nhân văn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.5. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.

1. Mô tả:

Căn cứ trên các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT về mở ngành và xây dựng CTĐT, chuẩn đầu ra, chuẩn kiến thức và các quy chế tuyển sinh và đào tạo các hệ, Nhà trường đã thiết kế, xây dựng hệ thống CTĐT các cấp, các hệ theo hướng đảm bảo sự liên thông với trình độ đào tạo và CTĐT khác để Nhà trường thực sự là trường đào tạo đa bậc (Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ) và đa hệ (chính quy và không chính quy), với các loại hình đào tạo

khác nhau giúp người học dễ dàng bổ sung kiến thức và liên thông giữa các dọc giữa bậc học và liên thông ngang giữa các hình thức đào tạo trong và ngoài trường [H3.3.5.1], [H3.3.5.2].

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và tạo sự thuận lợi cho người học trong quá trình bổ sung, tích lũy kiến thức, Nhà trường ban hành quy định về việc áp dụng chương trình đào tạo chính quy cho các hình thức đào tạo Văn bằng 2, Vừa làm vừa học, Liên thông, đào tạo Từ xa; quy định về công nhận điểm giữa các hình thức đào tạo [H3.3.5.4], [H3.3.5.5]. Theo đó, các chương trình đào tạo giáo dục Vừa làm vừa học và giáo dục từ xa được thiết kế dựa trên chương trình đào tạo chính quy, chỉ lược bỏ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, còn Văn bằng 2 và đào tạo Liên thông học bổ sung khối lượng kiến thức còn thiếu và kiến thức cập nhật mới của chương trình theo quy định [H3.3.5.1]. Mã số các môn học của chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được sử dụng thống nhất, đảm bảo cho SV có thể linh động theo các điều kiện cá nhân để tích lũy các tín chỉ cần thiết của chương trình đào tạo để đủ điều kiện tốt nghiệp, hoặc chuyển đổi tín chỉ từ các chương trình đào tạo khác nhau [H3.3.5.1], [H3.3.5.4], [H3.3.5.5], [H3.3.5.6], [H3.3.5.7]. Thêm vào đó, sinh viên thuộc chương trình giáo dục thường xuyên có thể đăng ký học và thi cùng với sinh viên chính quy [H3.3.5.5], [H3.3.5.6], [H3.3.5.7][H3.3.5.8].

Năm học 2016 - 2017, với mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động và xu thế phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tăng cường khả năng hội nhập, liên kết quốc tế, Nhà trường triển khai kế hoạch, ban hành quy trình về xây dựng, rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đánh giá quá trình triển khai, thực hiện chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã ban hành vào năm 2013 [H3.3.5.2], H3.3.5.3].

Từ năm 2007, Bộ GD&ĐT cho phép Nhà trường đào tạo liên thông từ Trung cấp chuyên nghiệp lên Cao đẳng và từ Cao đẳng lên Đại học và năm 2008 cho phép liên thông từ Trung cấp chuyên nghiệp lên Đại học [H3.3.5.9]. Việc liên thông dọc

đã được thực hiện với các chương trình đào tạo 1.5 – 2 năm cho hệ liên thông từ cao đẳng lên đại học và 3 năm cho hệ liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp lên đại học [H3.3.5.3]. Từ năm 2016, Nhà trường được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo liên thông từ trung cấp nghề, cao đẳng nghề lên đại học chính quy [H3.3.5.9].

Nhà trường đã ban hành các CTĐT của tất cả các ngành ở các bậc học và quy chế đào tạo của các hình thức đào tạo, nhằm đảm bảo tính liên thông dọc cho ngành đúng, ngành gần và ngành khác, cũng như học lên các chương trình cao hơn, giúp SV tích lũy tín chỉ với cùng nội dung ở các bậc học, hình thức học tập khác nhau ở trong và ngoài trường được miễn học lại [H3.3.5.4] [H3.3.5.5], [H3.3.5.6], [H3.3.5.7], [H3.3.5.8], [H3.3.5.9]. Bên cạnh đó, từ năm 2004, Bộ GD&ĐT đã cho phép Nhà trường đào tạo để cấp bằng đại học thứ hai dành cho những người đã tốt nghiệp và được một bằng ĐH, có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng để phù hợp với yêu cầu công việc [H3.3.5.9].

Đối với các các chương trình đào tạo thạc sĩ, Nhà trường cho phép người học tốt nghiệp ngành gần và khác ngành được đăng ký học với điều kiện học bổ sung các kiến thức nền tảng của ngành [H3.3.5.10]. Ngoài ra, Nhà trường ký kết các văn bản thỏa thuận hợp tác với các trường ĐH quốc tế về việc triển khai các dự án đào tạo, trong đó tập trung trao đổi CTĐT, trao đổi học thuật, trao đổi GV, công nhận và chuyển tiếp kết quả học tập của SV, tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ cho người học theo hướng liên thông dọc và liên thông ngang [H3.3.5.11].

2. Điểm mạnh:

Tất cả các CTĐT của Nhà trường được thiết kế đảm bảo tính liên thông với các trình độ đào tạo và CTĐT khác, tạo điều kiện thuận lợi cho người học chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy giữa các CTĐT, giúp người học tiết kiệm thời gian và chi phí học tập.

3. Tồn tại:

Do đặc thù một số ngành nghề (Ngữ văn, Xã hội học) nên CTĐT chưa đảm bảo tính liên thông với các CTĐT quốc tế.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017 – 2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường chỉ đạo các Khoa và bộ môn tiếp tục rà soát và điều chỉnh CTĐT, đề xuất để Nhà trường trao đổi với các trường ĐH quốc tế công nhận và cho phép liên thông đối với SV của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.6. Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả:

Căn cứ theo những chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch, quy trình đánh giá và thực hiện điều chỉnh CTĐT [H3.3.6.1], [H3.3.6.2], [H3.3.6.3]. Các CTĐT của Nhà trường đã có SV tốt nghiệp đã định kỳ thực hiện tự đánh giá [H3.3.6.2], [H3.3.6.3], [H3.3.6.4]. Năm 2012, Nhà trường đã chỉ đạo các Khoa rà soát, đánh giá CTĐT theo học chế niên chế, trên cơ sở đó điều chỉnh CTĐT theo học chế tín chỉ, trong đó đảm bảo tuân thủ quy định, quy chế của Bộ GD&ĐT; có mục tiêu rõ ràng, cụ thể; cấu trúc hợp lý và có hệ thống; đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [H3.3.6.1],[H3.3.6.2], [H3.3.6.3], [H3.3.6.4]. Sau một thời gian rà soát, tự đánh giá và tiến hành điều chỉnh, năm 2013 Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo cho 14 ngành theo hệ thống tín chỉ [H3.3.6.4].

Năm 2016, thực hiện hướng dẫn tại Thông tư số 07/2015/TT - BGDĐT, ngày 16/04/2015 của Bộ GD&ĐT, quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, với mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động và xu thế phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tăng

cường khả năng hội nhập, liên kết quốc tế, Nhà trường triển khai kế hoạch rà soát, tự đánh giá các CTĐT đã ban hành năm 2013 [H3.3.6.1], [H3.3.6.2], [H3.3.6.3].

Thực hiện kế hoạch trên, Nhà trường đã tổ chức các cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa mở rộng với thành phần gồm các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng lao động, lãnh đạo các doanh nghiệp và cựu sinh viên; qua đó, những ý kiến góp ý, kết quả khảo sát, cùng các ý kiến thảo luận tại các cuộc họp này được xem xét và là những căn cứ để Nhà trường cải tiến CTĐT [H3.3.6.5], [H3.3.6.6], [H3.3.6.7], [H3.3.6.8]. Theo đó, các Khoa đã triển khai để GV tiến hành cập nhật đề cương môn học, trong đó chú trọng đến việc cập nhật các nội dung và tài liệu tham khảo mới, cải tiến phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá, cũng như bổ sung những kỹ năng cần có cho SV nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động [H3.3.6.8], [H3.3.6.9].

Nhằm thu thập những thông tin phản hồi của SV về chất lượng dịch vụ đào tạo của trường, Nhà trường triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học “Đánh giá sự hài lòng của sinh viên Đại học Bình Dương về dịch vụ đào tạo”, để đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ đào tạo [H3.3.6.10]. Những kết quả của công tác điều tra, khảo sát, nghiên cứu của đề tài và những nội dung được thống nhất trong các cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo là cơ sở quan trọng để Nhà trường tiến hành các hoạt động cải tiến chất lượng đào tạo [H3.3.6.5], [H3.3.6.9].

2. Điểm mạnh:

- Các CTĐT đã có SV tốt nghiệp được định kỳ tự đánh giá rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT dựa trên kết quả tự đánh giá.
- Nhà trường đã ban hành quy định về công tác tự đánh giá, rà soát và cải tiến CTĐT.

3. Tồn tại:

Công tác tự đánh giá CTĐT đã được Nhà trường triển khai nhưng đến nay chưa có CTĐT được đánh giá ngoài.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017 – 2018, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác tự đánh giá CTĐT; đến năm học 2018 – 2019, tất cả các CTĐT đã có SV tốt nghiệp được đánh giá đồng cấp và đến năm học 2021 – 2022, tất cả các CTĐT của Nhà trường đã có SV tốt nghiệp được KĐCL.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Chương trình đào tạo của Nhà trường được thiết kế theo những quy định, quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT, có sự tham khảo các CTĐT tiên tiến của các trường ĐH trong nước và quốc tế, đồng thời có tham khảo ý kiến phản hồi của các chuyên gia, CBQL, GV, doanh nghiệp sử dụng lao động, cựu sinh viên và căn cứ theo nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

CTĐT của Nhà trường có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, không chỉ đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong quá trình tích lũy kiến thức và học tiếp các chương trình khác. Các CTĐT của Nhà trường được định kỳ, rà soát, cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Tuy nhiên, các CTĐT đã có SV tốt nghiệp của Nhà trường mới được tiến hành tự đánh giá và chưa tiến hành đánh giá đồng cấp và đánh giá ngoài. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác tự TĐG CTĐT để đến năm học 2021 – 2022, tất cả các CTĐT có SV tốt nghiệp của Nhà trường được KĐCL.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

TIÊU CHUẨN 4: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Mở đầu:

Hoạt động đào tạo là một trong những hoạt động chính yếu và có vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động của Nhà trường. Nhằm đáp ứng yêu cầu của người học, Nhà trường đã đa dạng hóa các loại hình đào tạo bao gồm: chính quy, vừa làm vừa học, liên thông từ trình độ Trung cấp, Cao đẳng lên Đại học, văn bằng hai.

Các hoạt động đào tạo của Nhà trường luôn được quan tâm tổ chức theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT nhưng đảm bảo tính mềm dẻo, liên thông, phát huy tính tích cực của người học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện. Ngoài ra, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích lũy kiến thức và đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, Nhà trường chú trọng triển khai công tác đánh giá kết quả học tập của người học một cách nghiêm túc, phù hợp; đồng thời tăng cường đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên, học viên.

Tiêu chí 4.1: Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.

1. Mô tả:

Thực hiện sứ mạng tạo điều kiện để mọi người được tham gia học tập nâng cao trình độ, đào tạo cử nhân, kỹ sư thực hành, Nhà trường đã tổ chức thực hiện nhiều CTĐT với các hình thức đào tạo khác nhau bao gồm: 14 chương trình đào tạo đào tạo Cao đẳng, Đại học; 02 chương trình đào tạo Thạc sĩ và 01 chương trình đào tạo Tiến sĩ [H4.4.1.1], [H4.4.1.2]. Để triển khai hoạt động đào tạo một cách thống nhất, đồng bộ, đúng quy định, căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ban hành và áp dụng quy chế đào tạo đối với các hệ, các bậc của Trường [H4.4.1.3]. Ngoài ra, tất cả các quy chế đào tạo của Nhà trường được cung cấp cụ thể đến người học thông qua Sổ tay sinh viên và đăng tải công khai trên website của Trường [H4.4.1.15], [H4.4.1.16].

Hiện nay, Nhà trường triển khai đào tạo các bậc học CĐ, ĐH và thạc sĩ với các hình thức là giáo dục chính quy (tập trung toàn bộ thời gian tại trường) và giáo dục thường xuyên (vừa làm vừa học và đào tạo từ xa là hình thức đào tạo theo các lớp học, khóa học tại cơ sở chính, phân hiệu và thông qua Đài tiếng nói Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) phù hợp với các yêu cầu đa dạng của người học [H4.4.1.3], [H4.4.1.4], [H4.4.1.5], [H4.4.1.8]. Bên cạnh đó, Nhà trường đẩy mạnh hoạt động liên kết đào tạo với các trường ĐH quốc tế và triển khai nhiều chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ [H4.4.1.7], [H4.4.1.10]. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội cũng như theo yêu cầu của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh [H4.4.1.11].

Trong quá trình triển khai hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn chú trọng tạo điều kiện tối đa cho việc phát huy tính tích cực của người học, đồng thời đảm bảo các điều kiện chất lượng theo quy định về đội ngũ, chương trình đào tạo, diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo, thư viện và học liệu [H4.4.1.9]. Đồng thời, đối với tất cả CTĐT, Nhà trường yêu cầu GV xây dựng và công bố đề cương chi tiết của từng môn học [H4.4.1.9]. Việc tổ chức và quản lý các bậc đào tạo, các loại hình đào tạo được thực hiện một cách khoa học với việc sử dụng phần mềm Edusoft [H4.4.1.14]. Nhà trường có cổng thông tin chung và các cổng thông tin riêng của một số đơn vị trực thuộc để công bố công khai, kịp thời các thông tin đào tạo đến người học [H4.4.1.16].

Nhà trường thường xuyên thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CTĐT và hoạt động đào tạo của Nhà trường để từ đó cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả của công tác đào tạo [H4.4.1.12]. Ngoài ra, hằng năm Nhà trường thực hiện tổng kết công tác đào tạo, trong đó nghiêm túc đánh giá đạt được cũng như những hạn chế, tồn tại trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo để từ đó áp dụng kịp thời các biện pháp phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học [H4.4.1.13].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường tổ chức đa dạng các bậc đào tạo và các hình thức đào tạo từ giáo dục chính quy đến giáo dục thường xuyên, đáp ứng nhu cầu của người học.
- Nhà trường tổ chức các CTĐT liên kết với các trường ĐH quốc tế và nhiều khóa đào tạo ngắn hạn theo yêu cầu của doanh nghiệp.

3. Tồn tại:

Số lượng các CTĐT sau đại học còn hạn chế so với tiềm năng của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017 – 2018, Nhà trường triển khai thực hiện hồ sơ mở ngành đào tạo Thạc sĩ các ngành Luật học, Công nghệ sinh học, Kế toán và tiến đến năm 2022 có 35% các CTĐT đào tạo Thạc sĩ so với các ngành đang được đào tạo bậc đại học tại Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.2: Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

1. Mô tả:

Thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT, từ năm 2012, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi từ hệ thống đào tạo niên chế sang hệ thống đào tạo theo tín chỉ cho tất cả các bậc học (cao đẳng, đại học, thạc sĩ) của tất cả chương trình đào tạo nhằm tăng cường hội nhập quốc tế về giáo dục trong khu vực và quốc tế [H4.4.2.1], [H4.4.2.2]. Nhà trường đã tổ chức tập huấn cho đội ngũ CB, GV, NV và SV về phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ để tất cả các thành viên Nhà trường tham gia tích cực vào quá trình chuyển đổi phương thức đào tạo [H4.4.2.3]. Đồng thời, để triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ thành công, Nhà trường đã ban hành các quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho các hình thức đào tạo, trong đó quy định rõ về việc công nhận, chuyển đổi kết quả của người học theo niên chế kết hợp với

học phần [H4.4.2.4]. Đồng thời, người học có thể chuyển đổi các tín chỉ tương ứng đã tích lũy từ các hình thức đào tạo khác nhau [H4.4.2.4]. Trên bảng điểm tốt nghiệp của SV Nhà trường luôn thể hiện kết quả học tập theo niên chế và theo học chế tín chỉ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong quá trình tìm kiếm việc làm [H4.4.2.5].

Tất cả các văn bản quy định, quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ được Nhà trường cung cấp đầy đủ đến người học thông qua Tuần sinh hoạt công dân sinh viên, Sổ tay Sinh viên và đăng tải trên website của Trường [H4.4.2.6]. Ngoài ra, các Khoa phụ trách các ngành đào tạo tổ chức các hoạt động giới thiệu CTĐT và phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đến sinh viên trong Tuần sinh hoạt công dân sinh viên [H4.4.2.6].

Nhằm tạo điều kiện cho SV sắp xếp thời gian biểu hợp lý, Nhà trường đã tổ chức cho SV được chủ động đăng ký các môn học, chọn GV phù hợp với bản thân thông qua thông báo triển khai đăng ký học phần trên hệ thống đăng ký môn học online tại địa chỉ <http://sv.bdu.edu.vn/> [H4.4.2.7]. Bên cạnh đó, trong CTĐT của các ngành học còn cho phép SV linh hoạt lựa chọn khối kiến thức tốt nghiệp theo nhiều hình thức khác nhau (làm khóa luận hoặc thực tập tốt nghiệp ...) [H4.4.2.8].

Đến năm 2013, Nhà trường đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ đối với tất cả các CTĐT của Trường [H4.4.2.8]. Năm 2016, Nhà trường tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác đào tạo theo hệ thống tín chỉ, qua đó đánh giá ưu điểm và hạn chế của việc áp dụng phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ và áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm phát huy tính linh hoạt và thích hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho người học theo học chế tín chỉ [H4.4.2.9]. Ngoài ra, thông qua cuộc họp Hội đồng khoa học Trường và các cuộc đối thoại với SV hằng năm, Nhà trường thu thập các ý kiến phản hồi của GV và SV nhằm cải tiến hoạt động đào tạo của Nhà trường theo học chế tín chỉ [H4.4.2.10], [H4.4.2.11].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ với tính mềm dẻo, linh hoạt, thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.
- Nhà trường thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phân.

3. Tồn tại:

Do đặc thù của người học thuộc hệ VLVH nên Nhà trường chưa triển khai lấy ý kiến phản hồi của SV hệ VLVH đối với hoạt động chuyên đổi quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2017-2018, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của SV hệ VLVH về hoạt động đào tạo của Nhà trường trong đó có nội dung đánh giá việc áp dụng đào tạo theo học chế tín chỉ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.3: Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả:

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường quy định các hình thức đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, trong đó bên cạnh hoạt động dự giờ của tổ bộ môn, đánh giá của đồng nghiệp, đánh giá phân loại viên chức hằng năm, Nhà trường ban hành quy định về lấy kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV [H4.4.3.1]. Kế hoạch đánh giá các hoạt động giảng dạy của GV nói chung và kế hoạch lấy kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV được quy định chung trong kế hoạch năm học cũng như kế hoạch cụ thể hằng năm lấy kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV [H4.4.3.1], [H4.4.3.2]. Nhà trường triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động

giảng dạy của GV thông qua các phiếu khảo sát môn học được tiến hành vào cuối mỗi học kỳ, trước khi kết thúc môn học [H4.4.3.2]. Hiện nay, 100% GV của Nhà trường được đánh giá và khảo sát thông qua nhiều kênh khác nhau như phiếu khảo sát, qua hệ thống lấy ý kiến khảo sát online, và qua đánh giá của tổ chuyên môn [H4.4.3.1]. Kết quả khảo sát cũng được cung cấp cho giảng viên và các khoa đề tham khảo, tiếp thu ý kiến đánh giá và đưa ra ý kiến phản hồi hoặc giải trình (nếu có) về kết quả khảo sát, tạo cơ sở xây dựng chương trình và phương pháp giảng dạy thích hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H4.4.3.1], [H4.4.3.3]. Ban Thanh tra – Giáo dục – Giám thị được giao nhiệm vụ giám sát, thanh tra công tác đào tạo trong đó có các hoạt động giảng dạy của GV [H4.4.3.4]. Kết quả kiểm tra của Ban Thanh tra được thống kê và báo cáo Ban Giám hiệu để có chỉ đạo giải quyết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, cũng như tổng kết kết quả hằng năm làm cơ sở đánh giá thi đua khen thưởng [H4.4.3.4]. Ngoài ra, Nhà trường tiến hành kiểm tra, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV thông qua các sổ theo dõi tình hình học tập [H4.4.3.5].

Nhà trường ban hành quy định về chế độ làm việc của GV, trong đó yêu cầu GV đảm bảo đúng quy định về hoạt động giảng dạy và NCKH, đồng thời thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học [H4.4.3.6]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức và phối hợp với các trường ĐH trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo và các buổi tập huấn cho GV về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học, xây dựng chương trình dạy và học, biên soạn bài giảng, giáo trình [H4.4.3.7]. Bên cạnh đó, để nâng cao trình độ ngoại ngữ của giảng viên, giúp GV nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học và tham gia NCKH, Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ miễn phí do các GV bản ngữ phụ trách đứng lớp [H4.4.3.8].

Tất cả GV Nhà trường đều quán triệt tư tưởng và triết lý “4H” (Học - Hỏi - Hiểu - Hành) “4T” (Trách nhiệm với bản thân, Trách nhiệm với gia đình, Trách nhiệm với xã hội, Trách nhiệm với thiên nhiên), do đó đã tích cực triển khai phương pháp cộng học trong quá trình giảng dạy [H4.4.3.9], [H4.4.3.10]. Bên cạnh việc đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học cũng được Nhà trường chú trọng nhằm hướng đến việc phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm của SV [H4.4.3.11]. Ngoài ra, các học phần trong CTĐT của Nhà trường được thiết kế theo hướng yêu cầu SV phải tích lũy điểm từ các hoạt động tự học, thảo luận, bài tập nhóm [H4.4.3.12]. Năm 2017, Nhà trường đã ban hành quy định về việc bổ sung điểm học tập tại Thư viện, công nhận đó là một cột điểm thành phần của tất cả các môn học nhằm từng bước tạo thói quen tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm của SV [H4.4.3.13].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch và áp dụng đa dạng các hình thức đánh giá các hoạt động giảng dạy của GV.
- Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường tổ chức thường xuyên, hiệu quả, sáng tạo.

3. Tồn tại:

Năng lực tự học, tự nghiên cứu của một số SV còn hạn chế và thụ động trong học tập.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017 – 2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu cho SV đồng thời quán triệt GV thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong đó chú trọng đánh giá năng lực tự học, tự nghiên cứu SV.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.4: Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả:

Căn cứ Quy chế đào tạo do Bộ GD&ĐT ban hành đối với từng loại hình đào tạo, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, trong đó thống nhất phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá của các hệ đào tạo, các hình thức đào tạo trên cơ sở đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo [H4.4.4.1]. Đối với từng hình thức đào tạo, nhà trường quy định quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá cụ thể trong Quy chế đào tạo nhằm đảm bảo tính nghiêm túc, chính xác, công bằng và khách quan trong việc đánh giá kết quả của người [H4.4.4.1], [H4.4.4.2].

Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, thể hiện rõ trong hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần [H4.4.4.3]. Hiện nay, tất cả các học phần giảng dạy trong các CTĐT của Nhà trường đều có đề cương chi tiết theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo quy định cụ thể của trường, trong đó thể hiện rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá nhằm đánh giá được kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học trong quá trình học tập [H4.4.4.3]. Để tạo điều kiện để giảng viên phát huy tính chủ động tối đa trong đánh giá, nhà trường thống nhất cho phép các bộ môn quyết định tỷ trọng điểm đánh giá quá trình học tập và thi kết thúc học phần tùy thuộc vào mục tiêu học phần và trên cơ sở đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT [H4.4.4.2], [H4.4.4.3].

Ở tất cả các hình thức và bậc đào tạo, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá từng môn học được GV thông báo cho người học trong đề cương chi tiết của

môn học, bao gồm các điểm thành phần quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ [H4.4.4.3]. Đối với bậc sau đại học, việc kiểm tra đánh giá môn học được thực hiện công khai rõ ràng theo từng giai đoạn, trong đó vào đầu khóa học, thực hiện công khai đến học viên lịch học toàn khóa trong đó có ghi rõ thời gian đánh giá môn học, hình thức đánh giá môn học và đồng thời gửi cho giảng viên nhằm đánh giá môn học theo đúng quy chế hiện hành [H4.4.4.3].

Hiện tại, Nhà trường đang áp dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau, qua đó thể hiện được tính đa dạng hóa, bao gồm tổ chức thảo luận trên lớp, thuyết trình, làm bài tập nhóm, thực hành, thí nghiệm, bài tập, bài kiểm tra, seminar, thi viết (trắc nghiệm, tự luận), thi vấn đáp, thi thực hành, làm khóa luận/luận văn/luận án tốt nghiệp [H4.4.4.2], [H4.4.4.3] [H4.4.4.4]. Việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện trong suốt quá trình học tập thông qua các điểm tự học tại Thư viện, điểm quá trình, điểm thi giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ với nhiều hình thức như thuyết trình, thảo luận, bài tập nhóm, đồ án môn học, thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp tùy theo đặc điểm của từng môn học nhằm đảm bảo độ chính xác, công bằng và khách quan, phù hợp với từng hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học đề ra và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo, đồng thời đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề [H4.4.4.2], [H4.4.4.3], [H4.4.4.4]. Ngoài ra, từ năm 2005, Nhà trường đã từng bước lập ngân hàng đề thi trong đó có môn Toán, Lý, Ngoại ngữ và một số học phần khác và tổ chức thi trên máy tính đối với môn Toán [H4.4.4.5].

Công tác tổ chức thi được xem là một khâu rất quan trọng trong quy trình kiểm tra đánh giá của nhà trường, được thực hiện chặt chẽ, hợp lý, phân công trách nhiệm rõ ràng từ cấp trường đến cấp khoa và được thực hiện đồng bộ ở tất cả các hình thức đào tạo khác nhau [H4.4.4.6]. Từ đó, đảm bảo công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng của SV, học viên được đảm bảo tính công bằng, chính xác, khách quan và nghiêm túc [H4.4.4.6]. Năm 2001, nhà trường đã thành lập và giao Trung tâm

Khảo thí thực hiện nhiệm vụ tổ chức, giám sát các kỳ thi, xử lý kịp thời các vi phạm về quy chế thi [H4.4.4.7].

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến của người học về quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá với kết quả cho thấy người học hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá như đã công bố [H4.4.4.8]. Các ý kiến phản hồi hoặc khiếu nại của sinh viên, học viên liên quan đến kiểm tra đánh giá kết quả học tập được nhà trường giải quyết một cách kịp thời, chính xác, công bằng [H4.4.4.6], [H4.4.4.8].

2. Điểm mạnh:

- Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng cho người học và phù hợp, thống nhất đối với các hình thức đào tạo của Nhà trường.

- Giảng viên sử dụng đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá nhằm đánh giá được mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng thực hành cũng như năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề của người học.

- Nhà trường xây dựng và áp dụng ngân hàng đề thi nhằm đảm bảo tính khách quan trong đánh giá.

3. Tồn tại:

Việc thực hiện khảo sát ý kiến của người học đánh giá chất lượng đề thi còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, định kỳ từng học kỳ, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của người học đánh giá về chất lượng đề thi sau khi thi kết thúc học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.5: Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

1. Mô tả:

Việc thông báo kết quả học tập của người học được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành [H4.4.5.1]. Nhà trường thông báo đến toàn thể SV biết quy định về thời gian công bố kết quả học tập thông qua Tuần sinh hoạt công dân sinh viên, Sổ tay Sinh viên và đăng tải trên website của Trường [H4.4.5.2]. Kết quả học tập của người học luôn được thông báo kịp thời và cá nhân hóa trên trang thông tin điện tử của Nhà trường <https://sv.bdu.edu.vn/> [H4.4.5.3]. Ngoài ra, người học được cấp bảng điểm cá nhân (điểm tích lũy, điểm học kỳ...) theo yêu cầu tại Phòng Đào tạo đối với SV và Khoa Sau Đại học đối với học viên cao học [H4.4.5.4].

Để đảm bảo an toàn dữ liệu kết quả học tập của người học, Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo tách biệt hai hệ thống internet (Eduweb) và intranet (Edusoft) [H4.4.5.5]. Hệ thống Edusoft được đơn vị cung cấp phần mềm bảo hành hằng năm theo hợp đồng [H4.4.5.6]. Dữ liệu từ Edusoft được Phòng Đào tạo cập nhật định kỳ hàng tuần lên Eduweb để sinh viên tra cứu [H4.4.5.5], [H4.4.5.6]. Thêm vào đó, để có thể kiểm tra chéo, đảm bảo an toàn và chính xác điểm thi, Nhà trường quy định 2 đơn vị phụ trách các vấn đề liên quan đến điểm thi đó là Trung tâm Khảo thí (lưu trữ điểm gốc, bài thi, kiểm tra sai sót điểm thi) và Phòng Đào tạo (nhập điểm, công bố điểm) [H4.4.5.8]. Nhà trường áp dụng đồng thời việc lưu trữ kết quả thi/kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học bằng bản giấy tại Phòng Đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Khoa Sau Đại học và file mềm lưu trữ trên hệ thống dữ liệu máy tính, với độ bảo mật và có độ an toàn cao [H4.4.5.7].

Hằng năm, nhà trường có 5 đợt xét tốt nghiệp và công bố danh sách tốt nghiệp, cấp bằng cho người học [H4.4.5.9]. Tất cả thông báo, danh sách xét tốt

nghiệp, thời gian tốt nghiệp và lễ nhận bằng tốt nghiệp được Nhà trường công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường [H4.4.5.2].

Việc cấp phát văn bằng của Nhà trường tuân thủ theo đúng quy trình quản lý và cấp phát văn bằng tốt nghiệp của Bộ GD&ĐT cũng như quy trình xét, cấp bằng tốt nghiệp của Nhà trường ban hành [H4.4.5.10]. Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo và văn bằng, chứng chỉ được quản lý chặt chẽ, cấp phát theo đúng quy định, trong đó người tốt nghiệp trực tiếp đến nhận bằng tại Phòng Đào tạo và ký xác nhận vào sổ cấp bằng [H4.4.5.11], [H4.4.5.12]. Sổ cấp bằng luôn có ảnh, chữ ký và đầy đủ thông tin in trên bằng của người được cấp [H4.4.5.12]. Nhà trường có hệ thống sổ sách lưu trữ danh sách người học tốt nghiệp đồng thời dữ liệu được lưu trữ trên máy tính thuận tiện cho việc tra cứu và thống kê [H4.4.5.9], [H4.4.5.13]. Cơ sở dữ liệu liên quan đến sinh viên đã tốt nghiệp còn được công khai trên trang thông tin điện tử của trường tại địa chỉ <http://daotao.bdu.edu.vn/tracuuvb.php> tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác minh, tra cứu [H4.4.5.2].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành quy định cụ thể về thời gian thông báo kết quả học tập của người học và kết quả học tập của người học luôn được thông báo kịp thời.
- Nhà trường thực hiện công tác lưu trữ kết quả học tập của người học bằng bản giấy kết hợp với lưu trữ file điện tử trên hệ thống cơ sở dữ liệu.
- Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

3. Tồn tại:

Phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường chưa tích hợp được chức năng quản lý văn bằng, chứng chỉ.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017 - 2018, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện và tích hợp chức năng quản lý văn bằng, chứng chỉ trên phần mềm quản lý đào tạo của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.6: Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Từ năm 2004, Nhà trường đã xây dựng hệ thống phần mềm quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu do Phòng Đào tạo quản lý lưu trữ đầy đủ các thông tin về điểm chuẩn đầu vào, điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển, danh sách sinh viên nhập học, danh sách các lớp môn học; các CTĐT; các điều kiện ĐBCL về giảng viên; kế hoạch đào tạo từng năm; kết quả học tập của SV, kết quả tốt nghiệp; danh sách SV tốt nghiệp [H4.4.6.1]. Đồng thời, Phòng CTSV lưu trữ dữ liệu SV được hưởng các chế độ trợ cấp xã hội, bị kỷ luật hằng năm, tỷ lệ việc làm của SV tốt nghiệp [H4.4.6.2]. Thực hiện quy định về công tác lưu trữ, Nhà trường thực hiện đồng thời lưu trữ dữ liệu bằng văn bản giấy và dữ liệu điện tử trên hệ thống phần mềm [H4.4.6.1], [H4.4.6.3]. Cơ sở dữ liệu của Nhà trường đầy đủ, rõ ràng, chính xác, được tổ chức mã hóa và lưu trữ khoa học, hợp lý đúng quy cách, thuận tiện tra cứu khi cần thiết [H4.4.6.1]. Hằng năm, Nhà trường cập nhật số liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu chung và thống kê quy mô người học và số lượng sinh viên tốt nghiệp của tất cả các hệ đào tạo, gửi báo cáo cho Sở GD&ĐT, Bộ GD&ĐT [H4.4.6.4].

Hằng năm, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch khảo sát tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp của SV [H4.4.6.5]. Phòng CTSV là đơn vị được giao trách nhiệm chính và phối hợp với các Khoa để thực hiện khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp [H4.4.6.5], [H4.4.6.6]. Đồng thời tiến hành thu thập, xử lý, phân tích và quản lý thông tin về tình trạng việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp của SV [H4.4.6.6]. Hằng năm, kết quả khảo sát về tình trạng việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Nhà trường đồng thời gửi đến các Phòng Ban liên quan và các Khoa để thực hiện cải tiến CTĐT cho phù hợp với nhu cầu của nhà sử dụng lao động [H4.4.6.5], [H4.4.6.6].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ và rõ ràng về hoạt động đào tạo, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

- Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp của SV được lưu trữ an toàn bằng văn bản giấy và dữ liệu điện tử.

3. Tồn tại:

Cơ sở dữ liệu thông tin về tình hình việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp hằng năm chưa đầy đủ do số lượng SV phản hồi chưa đáp ứng yêu cầu.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường tăng cường vai trò của các Khoa trong việc cập nhật thông tin về số điện thoại, địa chỉ email của SV sau tốt nghiệp để xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp chính xác và đầy đủ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.7: Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả:

Hằng năm, Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng người học sau khi ra trường đối với SV tốt nghiệp và nhà tuyển dụng [H4.4.7.1]. Công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường do Phòng CTSV phụ trách và phối hợp với các khoa để thực hiện [H4.4.7.1]. Đối với SV vừa tốt nghiệp, hằng năm, Nhà trường khảo sát bằng cách phát phiếu trực tiếp cho tất cả người học và nhận lại phiếu trong buổi lễ trao bằng tốt nghiệp [H4.4.7.1], [H4.4.7.2]. Đối với cựu SV, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến bằng phiếu hỏi bằng giấy và phiếu hỏi online [H4.4.7.1] [H4.4.7.2]. Đối với bậc sau Đại học, hằng năm, Nhà trường đã triển khai khảo sát học viên tốt nghiệp thông

qua phiếu khảo sát ý kiến học viên tốt nghiệp vào ngày nhận văn bằng [H4.4.7.1] [H4.4.7.2].

Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường thể hiện đa số SV phân theo nhóm ngành đều đánh giá CTĐT phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc nhưng cần bổ sung kỹ năng nghề nghiệp thực tiễn cho SV [H4.4.7.3]. Kết quả khảo sát đồng thời góp phần xây dựng cơ sở dữ liệu để đánh giá chất lượng đào tạo, tình hình việc làm và thu nhập của người học sau tốt nghiệp [H4.4.7.3]. Bên cạnh đó, Nhà trường khảo sát ý kiến của doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ đáp ứng yêu cầu việc làm của SV tốt nghiệp của Trường [H4.4.7.4]. Tất cả các ngành đào tạo của Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ nhà sử dụng lao động đối với SV tốt nghiệp [H4.4.7.4].

Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng đào tạo của người học sau khi tốt nghiệp và ý kiến đánh giá của doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ đáp ứng yêu cầu việc làm của SV tốt nghiệp được tổng hợp gửi đến các Khoa, các phòng ban liên quan để xây dựng kế hoạch cải tiến CTĐT và hoạt động đào tạo cho phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.4.7.5]. Căn cứ kế hoạch cải tiến CTĐT và hoạt động đào tạo, các Khoa và các phòng ban liên quan tiến hành cải tiến, điều chỉnh CTĐT và hoạt động đào tạo cho phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động [H4.4.7.6]. Ngoài ra, căn cứ ý kiến của các tổ chức xã hội, đơn vị sử dụng lao động, Nhà trường đã xây dựng hồ sơ mở ngành và mở thêm nhiều chuyên ngành đào tạo để đáp ứng nhu cầu xã hội như ngành Luật kinh tế trình độ đại học, ngành Dược học trình độ đại học, ngành Quản lý Kinh tế trình độ thạc sĩ và ngành Quản trị Kinh doanh trình độ tiến sĩ.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện đánh giá chất lượng người học sau khi ra trường và khảo sát ý kiến của doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp.

- Nhà trường sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của người học sau khi ra trường và doanh nghiệp sử dụng lao động làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT và cải tiến hoạt động đào tạo của Trường.

3. Tồn tại:

Nhà trường chưa lấy ý kiến của các doanh nghiệp trên cả nước nên ảnh hưởng đến dữ liệu kết quả khảo sát.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2017-2018, Nhà trường tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo quy mô lớn với sự tham dự của các doanh nghiệp trên cả nước nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động khảo sát và tính phổ quát của dữ liệu khảo sát về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường đã tổ chức thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ và triển khai đa dạng các hình thức đào tạo, đáp ứng nhu cầu khác nhau của người học trên cơ sở tuân thủ các quy định, quy chế hiện hành. Hằng năm, Nhà trường tổ chức đa dạng các hình thức đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, đồng thời thực hiện đánh giá chất lượng người học sau khi ra trường và khảo sát ý kiến đánh giá của doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp. Nhà trường sử dụng kết quả khảo sát làm cơ sở cải tiến CTĐT và hoạt động đào tạo.

Các cơ sở dữ liệu về công tác đào tạo được Nhà trường tổ chức xây dựng và lưu trữ đầy đủ, an toàn, chính xác, đúng quy cách, thuận tiện cho việc tra cứu và thống kê khi cần. Văn bằng, chứng chỉ được cấp phát và lưu trữ đúng theo quy định. Tuy nhiên, số lượng ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp Nhà trường còn hạn chế. Trong thời gian tới, Nhà trường tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo với sự

tham dự của đông đảo các doanh nghiệp sử dụng lao động nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động khảo sát.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

TIÊU CHUẨN 5: ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

Mở đầu:

Xác định đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên là nhân tố quan trọng trong việc đảm bảo cho Nhà trường thực hiện thành công sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược, nên Trường luôn quan tâm chú trọng công tác phát triển đội ngũ. Căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước và pháp luật có liên quan đến công tác xây dựng đội ngũ, đồng thời căn cứ vào điều kiện thực tế, Nhà trường đã xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên; thực hiện tuyển dụng công khai, minh bạch; sử dụng đúng trình độ chuyên môn được đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo, học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ CB, GV, NV; thực hiện bổ nhiệm đúng quy trình và nhu cầu của vị trí công tác. Đồng thời, Nhà trường chú trọng xây dựng bầu không khí làm việc đoàn kết, phát huy quyền dân chủ của tất cả thành viên trong tất cả các hoạt động của Trường.

Tiêu chí 5.1: Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả:

Công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CB, GV, NV; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý được Nhà trường xác định là một trong những nội dung quan trọng nhằm hiện thực hóa sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, kế hoạch chiến lược của Nhà trường [H5.5.1.1]. Để thực hiện công tác tuyển dụng hiệu quả và minh bạch, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình tuyển dụng nhân sự với những tiêu chí rõ ràng và tuân thủ theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H5.5.1.2], [H5.5.1.3]. Việc tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ tại các đơn vị trực thuộc được đề xuất theo nhu cầu thực tế phù hợp với quy định và

kế hoạch phát triển nhân sự chung của Nhà trường [H5.5.1.4]. Hằng năm, Nhà trường đều có kế hoạch tuyển dụng và thông báo công khai đến các đơn vị và trên website của Nhà trường (<http://bdu.edu.vn>), thông báo tuyển dụng nêu rõ tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng [H5.5.1.5], [H5.5.1.6]. Trong giai đoạn 2012 - 2017, Nhà trường đã tuyển mới 66 giảng viên, 18 nhân viên, trong đó có 1 giáo sư, 8 phó giáo sư, 16 tiến sĩ, 41 thạc sĩ và 18 cử nhân [H5.5.1.7].

Đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên sau khi được tuyển dụng, Nhà trường tổ chức thực hiện hướng dẫn thử việc, tập sự theo quy trình đã ban hành, trong đó mỗi cán CB, GV, NC mới được tuyển dụng đều được đơn vị cử những CB, GV có năng lực, kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ, có uy tín trong đơn vị làm người hướng dẫn thử việc, tập sự [H5.5.1.8], [H5.5.1.9]. Đồng thời, GV trong thời gian tập sự phải tham gia các khóa học về phương pháp giảng dạy, kỹ năng sư phạm, soạn bài giảng và giảng dạy học phần các môn được giao, dự giờ, thao giảng, làm chủ nhiệm, cố vấn học tập, tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia đầy đủ các hoạt động khác của Nhà trường để được xét công nhận hết tập sự [H5.5.1.9]. Hoàn thành thời gian tập sự, GV thực hiện các thủ tục, hồ sơ theo quy định và Nhà trường ban hành quyết định công nhận GV chính thức của Trường [H5.5.1.10].

Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn được Nhà trường chú trọng và hằng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV [H5.5.1.11]. Đồng thời, Nhà trường ban hành các chế độ hỗ trợ trong Quy chế chi tiêu nội bộ nhằm tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H5.5.1.12]. Trong giai đoạn từ năm 2012 – 2017, Nhà trường đã hỗ trợ thời gian và kinh phí cho 17 lượt cán bộ, giảng viên tham gia học cao học, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước; 78 lượt CB, GV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước [H5.5.1.13].

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý của Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm lãnh đạo phòng, ban, khoa, viện các đơn vị thuộc Trường [H5.5.1.14]. Nhờ đó, công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được thực hiện một cách công khai, đúng quy định đáp ứng nhu cầu thực tiễn của Nhà trường [H5.5.1.15]. Trong giai đoạn 2012 – 2017, Trường đã bổ nhiệm 15 vị trí quản lý cấp đơn vị trực thuộc Trường, đạt trình độ đúng theo quy định (6 thạc sĩ, 7 tiến sĩ, 2 phó giáo sư) [H5.5.1.16].

Hằng năm, công tác tuyển dụng, bồi dưỡng cán bộ, GV, NV cũng như bổ nhiệm CBQL được nhà trường báo cáo công khai, minh bạch tại Hội nghị Hội đồng quản trị và Hội nghị Công đoàn hằng năm của Nhà trường [H5.5.1.17], [H5.5.1.18].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường xác định và ban hành kế hoạch, tiêu chí và quy trình tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với nhu cầu công tác thực tế.
- Nhà trường luôn tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Tồn tại:

Số lượng cán bộ, giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư đã tuyển dụng trong thời gian qua còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng những chuyên gia, giảng viên có học hàm phó giáo sư, giáo sư công tác tại Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.2: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.

1. Mô tả:

Nhà trường luôn chú trọng đến việc tạo môi trường dân chủ để cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham đóng góp ý kiến vào chiến lược phát triển, các

chính sách cũng như các mục tiêu chiến lược của Nhà trường [H5.5.2.1]. Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động để các đơn vị trực thuộc biết rõ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đồng thời để CB, GV, NV giám sát hoạt động của Nhà trường [H5.5.2.2]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành Quy chế dân chủ cơ sở nơi làm việc và thông báo rộng rãi đến đội ngũ CB, GV, NV biết và thực hiện nhằm phát huy quyền dân chủ trong Trường [H5.5.2.3].

Hằng năm, Nhà trường phối hợp với Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động nhằm tạo môi trường dân chủ để cán CB, GV, NV tham gia đóng góp ý kiến xây dựng cho các chủ trương, chiến lược, kế hoạch hành động và hoạt động đào tạo của Nhà trường [H5.5.2.4].

Nhà trường đã thành lập Ban Thanh tra vào năm 2001 và ban hành quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Thanh tra Giáo dục – Giám thị vào năm 2013, trong đó quy định rõ chức năng nhiệm vụ của Ban để tham mưu cho Ban Giám hiệu công tác thanh tra nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị và cá nhân [H5.5.2.5]. Nhà trường chú trọng đến công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo dựa trên các quy định hiện hành của Nhà nước, nội quy quy định của Nhà trường, trong đó, giai đoạn 2012-2017, 100% các đơn thư khiếu nại, tố cáo hợp pháp đều được xử lý kịp thời, dứt điểm theo đúng luật pháp [H5.5.2.6].

Hằng tuần, Nhà trường đều họp giao ban giữa Ban Giám hiệu với Công đoàn và các đơn vị chức năng trong toàn Trường để nắm bắt các công việc đã thực hiện trong tuần qua và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường cần thực hiện trong tuần [H5.5.2.7]. Bên cạnh đó, Ban Giám hiệu Nhà trường thực hiện lịch tiếp công dân định kỳ nhằm giải quyết kịp thời các kiến nghị của công dân, của CB, GV, NV Nhà trường [H5.5.2.7]. Ngoài ra, Nhà trường có các hộp thư góp ý để CB, GV, NV và SV có thể gửi phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo lên Ban Giám hiệu Trường; đồng thời có thể đóng góp, khiếu nại trực tiếp qua đường dây nóng trên website: <http://bdu.edu.vn>. [H5.5.2.8], [H5.5.2.9]. Ngoài ra, thông qua kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV hằng năm, Nhà trường có thể đánh giá được mức

độ hài lòng của CB, GV, NV về môi trường làm việc tại Trường, để từ đó áp dụng các biện pháp nhằm xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hợp tác, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường [H5.5.2.10].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện để đội ngũ CB, GV, NV và SV được đảm bảo và phát huy các quyền dân chủ trong trường đại học.
- Tất cả các ý kiến khiếu nại, tố cáo được Nhà trường giải quyết kịp thời và theo đúng quy định của pháp luật.

3. Tồn tại:

Nhà trường chưa bố trí phòng tiếp công dân riêng biệt.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường bố trí phòng tiếp công dân riêng biệt tại cơ sở chính để Ban Thanh tra Giáo dục – Giám thị thực hiện lịch tiếp công dân thường xuyên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.3: Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

1. Mô tả:

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL và GV, đáp ứng nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học với yêu cầu ngày càng cao của xã hội, Nhà trường đã ban hành “Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dân lập Bình Dương”, “Quy định chế độ chính sách đối với cán bộ - nhân viên, giáo viên cơ hữu Trường Đại học Dân lập Bình Dương”, “Quy định chế độ làm việc đối với Giảng viên cơ hữu Trường Đại học Bình Dương” nhằm quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quyền lợi của CBQL, GV trong quá trình thực hiện công tác quản lý, giảng dạy cũng như các chế độ hỗ trợ của Nhà trường về thời gian, tài chính cho CBQL, GV tham gia học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham

gia các lớp ngắn hạn, hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước [H5.5.3.1], [H5.5.3.2], [H5.5.3.3]. Bên cạnh đó, trong các văn bản ký kết với các trường ĐH đối tác nước ngoài, Nhà trường luôn chú trọng đề cập đến nội dung trao đổi giảng viên, hợp tác nghiên cứu và đã tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ CB, GV tham gia học tập, đào tạo, nghiên cứu ở các trường ĐH ở nước ngoài [H5.5.3.4]. Nhà trường đồng thời áp dụng chính sách hỗ trợ thời gian, kinh phí cho CB, GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước cũng như áp dụng chế độ khen thưởng đối với CB, GV đạt thành tích xuất sắc trong NCKH [H5.5.3.5]. Ngoài ra, Nhà trường đã ban hành và áp dụng chính sách thu hút CB, GV giỏi chuyên môn nghiệp vụ về công tác tại Trường [H5.5.3.6].

Trong giai đoạn 2012 – 2017, đã có 82 lượt CB, GV đi công tác nước ngoài nhằm mục đích tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; 17 CB, GV tham gia học tập sau đại học ở trong và ngoài nước [H5.5.3.7], [H5.5.3.8]. Bên cạnh đó, đã hỗ trợ kinh phí cho 12 lượt CB, GV tham gia thực hiện các công trình NCKH, khen thưởng 17 lượt CB, GV đã đạt thành tích trong học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI và Scopus [H5.5.3.9], [H5.5.3.10].

Hàng năm, trong báo cáo tổng kết năm học, Nhà trường đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ CB, GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước, đồng thời xác định các biện pháp cụ thể trong phương hướng năm học mới nhằm nâng cao số lượng CB, GV tham gia học tập, đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H5.5.3.11].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã ban hành và áp dụng các chính sách, biện pháp hỗ trợ đội ngũ CB, GV tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu trong và ngoài nước.
- Số lượng CB, GV Nhà trường tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu trong và ngoài nước tăng dần qua từng năm.

- Nhà trường ban hành và áp dụng chính sách thu hút CB, GV giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tại Trường.

3. Tồn tại:

Với đặc thù là một Trường ngoài công lập nên nguồn kinh phí để thu hút CB, GV giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Nhà trường xây dựng chính sách thu hút nhân tài hợp lý và tăng cường kinh phí hỗ trợ CB, GV về công tác tại Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.4: Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả:

Nhằm đảm bảo phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ CBQL, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với Lãnh đạo các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm [H5.5.4.1]. Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và tính đến ngày 30/9/2017, Nhà trường có tổng số 48 cán bộ quản lý từ cấp Hội đồng quản trị, Ban Giám hiệu đến cấp Trường, phó đơn vị, trong đó có 2 giáo sư, 5 phó giáo sư, 21 tiến sĩ, 12 thạc sĩ, 15 trình độ đại học [H5.5.4.2]. Hồ sơ đội ngũ CBQL của Nhà trường được lưu trữ đầy đủ tại Phòng Tổ chức Hành chính [H5.5.4.3].

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch đánh giá CBQL và triển khai đánh giá đối với CBQL với quy trình trong đó bản thân tự đánh giá, đánh giá của đơn vị nơi CBQL công tác (khoa, phòng, ban, trung tâm) và Lãnh đạo Nhà trường đánh giá [H5.5.4.4]. Tất cả CBQL Nhà trường hàng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không có CBQL bị vi phạm đạo đức nghề nghiệp [H5.5.4.4], [H5.5.4.6]. Đối với CBQL là đảng viên hàng năm đều được đánh giá và trong 5 năm qua không có CBQL của Nhà trường vi phạm Điều lệ Đảng [H5.5.4.5].

Đội ngũ CBQL của Nhà trường dưới sự chỉ đạo, lãnh đạo quản lý của Đảng bộ, Hội đồng quản trị, Ban Giám hiệu đã phối hợp tốt, nội bộ đoàn kết thống nhất trên cơ sở hỗ trợ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và trong thời gian qua, Nhà trường đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng bao gồm: Bộ GD&ĐT tặng bằng khen cho đơn vị hoàn thành xuất sắc năm học; Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương tặng bằng khen cho đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học, Cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu khối các Trường Đại học - Cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Ủy Ban nhân dân tỉnh Cà Mau tặng bằng khen vì đã có nhiều đóng góp tích cực trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Cà Mau; Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam tặng bằng khen vì đã có nhiều năm đào tạo nguồn nhân lực bậc cao có chất lượng, đồng thời tích cực góp phần vào việc củng cố phát triển hiệp hội; Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng III, II cho Nhà trường [H5.5.4.7], [H5.5.4.8].

2. Điểm mạnh:

- Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Cán bộ quản lý đã thực hiện và phát huy năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và có những đóng góp thiết thực vào quá trình phát triển của Nhà trường.

3. Tồn tại:

Tỷ lệ cán bộ quản lý là đảng viên ở các đơn vị còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018 và những năm học tiếp theo, Đảng ủy Nhà trường phân công đảng viên tăng cường theo dõi, giúp đỡ các CB, GV trong diện quy hoạch nhằm đẩy mạnh việc kết nạp đảng viên là CBQL của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.5: Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; Đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

1. Mô tả:

Trong quá trình triển khai hoạt động đào tạo, đến nay Nhà trường triển khai đào tạo đa dạng trên nhiều lĩnh vực từ kinh tế, văn hóa xã hội đến khoa học công nghệ với 1 ngành đào tạo bậc tiến sĩ, 2 ngành đào tạo bậc thạc sĩ và 14 ngành bậc đại học [H5.5.5.1]. Tất cả các ngành đào tạo của Nhà trường đảm bảo có đủ thành phần GV cơ hữu theo quy chuẩn mở ngành, đó là mỗi ngành đào tạo trình độ ĐH đảm bảo tối thiểu có 01 TS và 03 ThS và được giảng dạy bởi lực lượng giảng viên cơ hữu của Nhà trường, trong đó đảm bảo số lượng và trình độ của đội ngũ giảng viên cơ hữu để thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học [H5.5.5.2], [H5.5.5.3]. Bên cạnh đó, Nhà trường mời các GV, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao, có uy tín ở các cơ sở giáo dục ĐH khác về thỉnh giảng tại Trường [H5.5.5.4].

Hiện tại, Nhà trường có tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên là 362 người; Đội ngũ GV cơ hữu của Nhà trường là 305 người với 7 GS, 22 PGS, 92 TS, 108 ThS, 105 ĐH; với tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ từ thạc sĩ trở lên chiếm tỷ lệ 65,6% [H5.5.5.2]. Số lượng sinh viên hệ đào tạo chính quy của Nhà trường là 4.850 và tỷ lệ SV/GV quy đổi là 12,663 đáp ứng theo đề án mở ngành, quy định về điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ GD&ĐT [H5.5.5.2], [H5.5.5.5]. Kết quả thống kê ở bảng 5.1 thể hiện tỷ lệ SV/GV quy đổi của Nhà trường giảm dần qua từng năm.

**Bảng 5.1: Bảng thống kê tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi của Trường
từ năm học 2012 - 2013 đến 2016 - 2017**

Năm học	Số lượng quy đổi		Tỷ lệ sinh viên/ giảng viên quy đổi
	Sinh viên	Giảng viên	
2012 - 2013	10621	717	14.813
2013 - 2014	9358	718.4	13.026
2014 - 2015	6769	529	12.795
2015 - 2016	6626	518.1	12.789
2016 - 2017	4850	383	12,663

Hiện nay, Nhà trường có đủ số lượng giảng viên cơ hữu đáp ứng tiêu chuẩn giảng viên theo quy định của Điều lệ Trường Đại học và Luật Giáo dục đại học [H5.5.5.2], [H5.5.5.6]. Hằng năm, Nhà trường vẫn tiếp tục cử cán bộ, giảng viên có đủ điều kiện tham gia chương trình đào tạo cao học và nghiên cứu sinh, khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học và công nghệ cũng như cử cán bộ tham gia hợp tác nghiên cứu khoa học [H5.5.5.7], [H5.5.5.8].

2. Điểm mạnh:

- Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Nhà trường có đủ năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Tỷ lệ SV/GV quy đổi của Nhà trường giảm dần qua từng năm.

3. Tồn tại:

Tỷ lệ giảng viên có học hàm GS, PGS và học vị Tiến sĩ ở các Khoa chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường đánh giá và hoạch định chiến lược tuyển dụng và kế hoạch đào tạo sau đại học nhằm hướng đến sự đồng đều về tỷ lệ GV học hàm GS, PGS và học vị Tiến sĩ ở các Khoa của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.6: Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả:

Xác định đội ngũ giảng viên là một trong những nhân tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của một trường đại học, Nhà trường đã ban hành Quy định chế độ chính sách đối với cán bộ - nhân viên, giáo viên cơ hữu Trường Đại học Dân lập Bình Dương, Quy định chế độ làm việc đối với Giảng viên cơ hữu Trường Đại học Bình Dương [H5.5.6.1]. Tính đến ngày 30/9/2017, tổng số giảng viên cơ hữu hiện tại của Trường là 305 người, trong đó 7 giảng viên là giáo sư chiếm tỷ lệ 2.3%, 22 giảng viên là phó giáo sư chiếm tỷ lệ 7.21% , 92 giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm tỷ lệ 30.2%, 108 giảng viên có trình độ thạc sĩ chiếm tỷ lệ 35.40% và 105 giảng viên có trình độ đại học chiếm tỷ lệ 34.42% [H5.5.6.2]. Các thông tin liên quan đến lý lịch khoa học và bản sao bằng cấp, các công nhận văn bằng của giảng viên được lưu tại Phòng Tổ chức Hành chính Nhà trường [H5.5.6.3].

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Nhà trường đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga, Đức) và tin học để ứng dụng trong giảng dạy [H5.5.6.4]. Nhiều GV Nhà trường đã phát huy năng lực ngoại ngữ trong việc tham gia học tập sau đại học ở nước ngoài và công bố các bài báo tên các tạp chí quốc tế [H5.5.6.5]. Để nâng cao năng lực ngoại ngữ của đội ngũ CB, GV, Nhà trường đã tổ chức nhiều lớp đào tạo ngoại ngữ cho GV cũng như cử GV tham gia các khóa đào tạo về ngoại ngữ trong và ngoài nước [H5.5.6.6].

Trong việc thực hiện hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn phân công GV tham gia giảng dạy phù hợp với trình độ và chuyên môn được đào tạo, theo đúng chương trình đào tạo, trong đó bố trí 100% GV có học vị từ thạc sĩ trở lên tham gia giảng

dạy lý thuyết và các GV có trình độ đại học được giao nhiệm vụ tham gia trợ giảng và giảng dạy thực hành [H5.5.6.7], [H5.5.6.8].

Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV và để từ đó áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong toàn Trường [H5.5.6.9].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường có đội ngũ GV đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ, được phân công giảng dạy phù hợp với chuyên môn đào tạo.

- Đội ngũ GV Nhà trường có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH.

3. Tồn tại:

Tuy đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ nhưng số lượng GV áp dụng ngoại ngữ trong giảng dạy các môn chuyên ngành còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường tăng cường cử GV của các ngành đào tạo, đặc biệt là các GV trẻ tham gia đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài nhằm nâng cao số lượng các môn chuyên ngành được giảng dạy bằng ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.7: Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.

1. Mô tả:

Trong công tác phát triển đội ngũ nói chung và GV nói riêng, Nhà trường luôn quan tâm đến việc cố gắng cân bằng về độ tuổi và kinh nghiệm nhằm đảm bảo thực hiện đạt kết quả tốt kế hoạch hằng năm của Trường [H5.5.7.1]. Hằng năm, Nhà trường chú trọng tuyển dụng đội ngũ GV ở các độ tuổi, trong đó bổ sung GV trẻ, có học hàm học vị, phẩm chất đạo đức tốt và có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ [H5.5.7.2].

Hiện nay, tính đến ngày 30/9/2017, tổng số GV cơ hữu hiện tại của Nhà trường là 305 người, trong đó về học hàm học vị, GV có học hàm giáo sư là 7 người (chiếm tỷ lệ 2.3%), học hàm phó giáo sư là 22 người (chiếm tỷ lệ 7.21%), học vị tiến sĩ là 92 người (chiếm tỷ lệ 30.2%), thạc sĩ 108 người (chiếm tỷ lệ 35.40%) [H5.5.7.3]. Về độ tuổi, giảng viên dưới 30 tuổi chiếm 10.82%, từ 30 - 40 tuổi chiếm 39.43%, từ 41 - 50 tuổi chiếm 17.7% và trên 50 tuổi chiếm 32.13% [H5.5.7.4]. Số lượng giảng viên trẻ dưới 35 tuổi trên toàn bộ số lượng giảng viên của Trường chiếm tỷ lệ 28.2% trên tổng số giảng viên [H5.5.7.5]. Đội ngũ giảng viên của Nhà trường đang dần trẻ hóa và đảm bảo kinh nghiệm công tác giảng dạy để đáp ứng yêu cầu về chuyên môn cũng như tham gia NCKH [H5.5.7.4], [H5.5.7.5]. Bên cạnh đó, độ tuổi trung bình của GV Nhà trường có xu hướng giảm qua từng năm và ở độ tuổi trung bình hợp lý là 44,6 tuổi [H5.5.7.6].

Song song với việc đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá đội ngũ GV, Nhà trường quan tâm đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, trong đó Nhà trường đã cử hơn 16 lượt giảng viên tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, đồng thời chú trọng đến nội dung sinh hoạt chuyên môn của Khoa, của tổ bộ môn với yêu cầu tăng cường hỗ trợ nghiệp vụ sư phạm đối với GV trẻ [H5.5.7.7], [H5.5.7.8]. Ngoài ra, Nhà trường phân công GV tham gia giảng dạy đúng chuyên ngành đào tạo nhằm tạo điều kiện để GV, đặc biệt là GV trẻ phát huy năng lực chuyên môn được đào tạo [H5.5.7.9].

2. Điểm mạnh:

- Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Nhà trường dần được trẻ hóa và có kinh nghiệm trong công tác chuyên môn, đảm bảo thực hiện và hoàn thành kế hoạch đào tạo hàng năm.

- Độ tuổi trung bình của GV Nhà trường có xu hướng giảm qua từng năm và ở độ tuổi trung bình hợp lý.

3. Tồn tại:

Cơ cấu đội ngũ giảng viên về độ tuổi chưa đồng đều ở một số Khoa, bộ môn.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường định kỳ hằng năm rà soát đội ngũ và nhu cầu tuyển dụng GV của các Khoa để từ đó có chính sách tuyển dụng phù hợp nhằm đảm bảo kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa đội ngũ GV từng khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.8: Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả:

Để triển khai thực hiện tốt hoạt động đào tạo và các hoạt động khác của Nhà trường, song song với việc tuyển chọn, phát triển đội ngũ GV, Nhà trường chú trọng tuyển dụng đội ngũ kỹ thuật viên, NV đảm bảo cơ cấu phù hợp, đủ số lượng theo ngành đào tạo và nhu cầu thực tế của Trường [H5.5.8.1], [H5.5.8.2].

Tính đến ngày 30/9/2017, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên Nhà trường gồm 135 người, trong đó 19 thạc sĩ, 95 đại học, 01 cao đẳng, 20 trình độ khác, đảm bảo số lượng phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và NKCH của Nhà trường [H5.5.8.3]. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên Nhà trường có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và được bố trí ở các đơn vị trong toàn Trường từ trợ lý, thư ký các khoa, nhân viên các đơn vị hỗ trợ đào tạo, nhân viên khối hành chính văn phòng, đội ngũ kỹ thuật viên, đội ngũ phục vụ [H5.5.8.3]. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được quy định cụ thể trong Quy định chế độ chính sách đối với cán bộ - nhân viên, giáo viên cơ hữu Trường Đại học Dân lập Bình Dương [H5.5.8.4]. Để quản lý và vận hành có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin, Nhà trường đã thành lập Tổ quản trị công nghệ thông tin với quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ [H5.5.8.5].

Nhà trường luôn khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian, tài chính để đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ

chuyên môn nhằm cập nhật kiến thức và các quy định mới để phục vụ hiệu quả cho công việc [H5.5.8.6].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của người học, GV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên nhằm đánh giá năng lực thực tiễn trong đó thể hiện đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên Nhà trường phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, đồng thời qua đó có cơ sở để điều chỉnh, khắc phục những hạn chế và hoàn thành các nhiệm vụ được giao [H5.5.8.7], [H5.5.8.8].

2. Điểm mạnh:

- Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phục vụ tốt công tác đào tạo, giảng dạy, học tập và NCKH của Nhà trường.
- Nhà trường quan tâm tạo điều kiện để đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Tồn tại:

Công tác bồi dưỡng cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, tiếp cận với những kỹ thuật mới chưa được thực hiện định kỳ hàng năm.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường tăng cường nguồn kinh phí hàng năm chi cho hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường luôn xác định tầm quan trọng của công tác phát triển đội ngũ CBQL, GV, NV, trong đó đã ban hành và áp dụng các chính sách, biện pháp tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ CB, GV, NV Nhà trường.

Công tác tuyển dụng luôn được Nhà trường thực hiện có kế hoạch, công khai, minh bạch, đúng quy định. Lãnh đạo Nhà trường rất quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng và các ý kiến đóng góp xây dựng Trường cũng như giải quyết kịp thời các ý kiến khiếu nại của CB, GV, NV.

Hiện nay, Nhà trường có đội ngũ GV cơ hữu có năng lực chuyên môn cao, trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ngày càng tăng. Phần lớn đội ngũ GV có năng lực ngoại ngữ và tin học, đảm bảo áp dụng được công tác giảng dạy và NCKH. Bên cạnh đó, đội ngũ GV ngày càng được trẻ hóa và đảm bảo năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Tuy nhiên, tỷ lệ GV có học hàm, học vị Tiến sĩ trở lên ở các Khoa chưa đồng đều. Trong thời gian đến, Nhà trường định kỳ hằng năm rà soát đội ngũ GV của các Khoa để từ đó áp dụng chính sách đào tạo, tuyển dụng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đội ngũ ở từng Khoa của Trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 8/8

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

TIÊU CHUẨN 6: NGƯỜI HỌC

Mở đầu:

Với quan điểm “Giáo dục là của mọi người, vì mọi người, cho mọi người, mọi người đều được bình đẳng hưởng thụ thành quả của nền giáo dục”, Nhà trường luôn xác định “người học” là trung tâm của quá trình đào tạo. Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, chuẩn mực, có chất lượng, uy tín; đồng thời có những biện pháp cụ thể để làm tốt công tác đối với người học, nhằm đảm bảo quyền lợi, thúc đẩy, tạo điều kiện cho người học tu dưỡng, rèn luyện và đạt kết quả cao nhất trong học tập, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động.

Trong quá trình học tập tại Trường, người học được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá; được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và chăm sóc sức khỏe theo qui định của y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao; được đảm bảo an toàn trong trường học; được rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống; được tham gia các hoạt động đoàn thể và khuyến khích các hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội; được tư vấn hỗ trợ về việc làm; được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, khi kết thúc môn học và tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường trước khi tốt nghiệp.

Tiêu chí 6.1: Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả:

Nhằm giúp cho người học hiểu rõ các quy chế quy định về chương trình đào tạo, các quy định quy chế về kiểm tra, đánh giá của Nhà trường và Bộ GD&ĐT, từ giai đoạn gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh, Nhà trường tiến hành đính kèm tờ rơi hướng dẫn nhanh cho các thông tin chung về Nhà trường, các địa chỉ liên lạc, cách sử dụng đăng ký môn học và cách xem thời khóa biểu [H6.6.1.1]. Khi người

học nhập học, Nhà trường cung cấp Sổ tay sinh viên, trong đó thể hiện các nội dung về triết lý giáo dục, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Nhà trường, các quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, chuẩn đầu ra đối với môn tiếng Anh và Tin học, chuẩn đầu ra của từng ngành để người học chủ động sắp xếp kế hoạch học tập cho bản thân [H6.6.1.2].

Hằng năm, căn cứ hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu năm, đầu khóa [H6.6.1.3]. Trong tuần sinh hoạt công dân, người học được giới thiệu về Trường; sứ mạng, mục tiêu, tầm nhìn của Trường, triết lý đào tạo của Nhà trường, các quy chế đào của Bộ GD&ĐT, các yêu cầu về chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, quy chế đào tạo của trường, quy chế kiểm tra thi cử, hệ thống website của Trường; về phương pháp học tập và NCKH; các yêu cầu các nội quy Nhà trường, quy chế sinh viên, quy chế rèn luyện sinh viên [H6.6.1.3]. Bên cạnh đó, Nhà trường phổ biến đến SV những chính sách hỗ trợ sinh viên; các thông tin về tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội của tỉnh Bình Dương; tình hình thời sự trong nước và quốc tế; các văn bản quy phạm pháp luật; các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống trong sinh viên [H6.6.1.3]. Đồng thời, Ban chủ nhiệm các khoa giới thiệu về mục tiêu đào tạo của từng ngành học và nêu khái quát về các học phần, đề cương chi tiết học phần cũng như các hình thức kiểm tra và đánh giá cụ thể [H6.6.1.3]. Kết thúc tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, tất cả SV tham gia làm bài thu hoạch để kiểm tra mức độ tiếp nhận các thông tin liên quan đến các nội dung Nhà trường đã triển khai [H6.6.1.4]. Hằng năm, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá và báo cáo Bộ GD&ĐT về tình hình SV tham gia tuần sinh hoạt công dân [H6.6.1.5].

Nhà trường công khai và thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của Trường tất cả các thông tin về quy chế đào tạo của GD&ĐT, qui chế tín chỉ của Nhà trường, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và các thông tin cần thiết khác để người học có thể tham khảo trong quá trình học tập [H6.6.1.6], [H6.6.1.7]. Đồng thời, trên website của Phòng Đào tạo, Trung tâm Khảo thí, Phòng Công tác Sinh

viên có đầy đủ các văn bản hướng dẫn người học về thực hiện các qui định theo học chế tín chỉ trong kiểm tra đánh giá, các qui định qui chế trong tổ chức thi cử, các qui định tính điểm thành phần, điểm Thư viện, điểm rèn luyện đối với SV Nhà trường [H6.6.1.8]. Ngoài ra, các thông tin về CTĐT, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo cũng như các thông tin khác đều được cung cấp đầy đủ tới SV thông qua các bảng biểu thông báo đặt trong khuôn viên Trường, trên nội dung của các tờ rơi, cẩm nang giới thiệu tuyển sinh để SV dễ dàng tìm kiếm thông tin cần thiết khi có nhu cầu [H6.6.1.9].

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức gặp gỡ, đối thoại với với cán bộ Đoàn, Hội, Lớp; với đại diện sinh viên các lớp và với tân sinh viên trường để Đảng ủy, Ban Giám hiệu và lãnh đạo các phòng, khoa trong trường lắng nghe nguyện vọng của người học, giải đáp các thắc mắc của người học để tạo môi trường tốt nhất cho sinh viên học tập, rèn luyện và an tâm khi học tại trường [H6.6.1.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến của GV và SV về rà soát, điều chỉnh CTĐT, đồng thời định kỳ hằng năm Trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chất lượng đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, chuẩn đầu ra của môn học, quy chế kiểm tra, đánh giá để từ đó có những điều chỉnh cho phù hợp nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người học [H6.6.1.11], [H6.6.1.12].

2. Điểm mạnh:

- Người học được hướng dẫn đầy đủ và kịp thời về CTĐT, qui định kiểm tra, đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT.
- Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức nhằm phổ biến CTĐT, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT.

3. Tồn tại:

Việc thông báo các văn bản, thông tin tuyển dụng việc làm trên các bảng thông báo của các Khoa đôi lúc còn chậm so với việc cập nhật lên trang thông tin điện tử.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường quán triệt và tăng cường kiểm tra, giám sát việc cập nhật văn bản trên các bảng thông báo của các đơn vị trực thuộc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.2: Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường.

1. Mô tả:

Hàng năm, ngay từ khi tiếp nhận tân sinh viên, Nhà trường luôn quan tâm phổ biến các quy định về các chế độ chính sách xã hội đến người học thông qua việc cấp phát kịp thời Sổ tay sinh viên cũng như phổ biến các văn bản quy định về các chế độ chính sách xã hội trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa và đăng tải trên trang thông tin điện tử Nhà trường [H6.6.2.1], [H6.6.2.2].

Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường hướng dẫn thực hiện việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội, miễn, giảm học phí đối với SV và thông báo đến SV, các lớp lập danh sách trình lên Nhà trường xem xét ra quyết định [H6.6.2.3]. Trên cơ sở danh sách người học thuộc diện chính sách, diện có hoàn cảnh khó khăn, căn cứ kết quả học tập theo năm học được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước, Nhà trường áp dụng các chính sách học bổng cũng như cơ chế hoãn học phí cho người học trong một số trường hợp cụ thể [H6.6.2.3]. Hàng năm, Phòng Công tác Sinh viên tổng kết tình hình thực hiện chăm sóc chế độ cho người học, trong đó luôn đảm bảo 100% các đối tượng chính sách được giải quyết đúng qui định [H6.6.2.4], [H6.6.2.5].

Công tác chăm sóc sức khỏe người học luôn được Nhà trường quan tâm thực hiện với việc thành lập Trạm Y tế của Trường và bổ nhiệm 01 bác sĩ làm Trạm trưởng thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cơ sở đào tạo cho người học [H6.6.2.6]. Hằng năm, Trạm Y tế Trường phối hợp các cơ sở y tế khám sức khỏe tổ chức khám sức khỏe đầu năm cho người học [H6.6.2.7]. Đồng thời, tiến hành mua bảo hiểm tai nạn cho người học hằng năm, trong đó từ năm 2016, Nhà trường tiến hành mua bảo hiểm toàn diện cho người học [H6.6.2.8]. Bên cạnh đó, Trạm Y tế Trường tham gia các chương trình tuyên truyền cho người học về vệ sinh môi trường chống dịch sốt xuất huyết của tỉnh Bình Dương [H6.6.2.9]. Trạm Y tế Trường định kỳ báo cáo tình hình thực hiện và kết quả công tác chăm sóc sức khỏe người học để từ đó Nhà trường áp dụng các phương án nhằm đảm bảo người học được chăm sóc tốt về sức khỏe trong thời gian học tập rèn luyện tại Trường [H6.6.2.11]. Ngoài ra, với kết quả quan tâm hỗ trợ người học là người khuyết tật, các đối tượng dễ bị tổn thương và Nhà trường đã được nhận bằng khen của Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam [H6.6.2.10].

Nhà trường rất quan tâm đến các hoạt động văn nghệ, thể thao của người học sau giờ lên lớp thông qua việc đầu tư nhà hát sinh viên, phòng tập võ thuật, sân bóng chuyền và một số môn thể thao khác [H6.6.2.12]. Nhà trường đồng thời thành lập đội văn nghệ, câu lạc bộ khiêu vũ, đội bóng đá, bóng chuyền, câu lạc bộ võ thuật để định hướng cho người học có các sân chơi lành mạnh sau giờ học trên giảng đường [H6.6.2.13].

Công tác bảo vệ an ninh của Nhà trường luôn đảm bảo tính nghiêm túc và sẵn sàng khi có sự cố, trong đó hằng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên trường [H6.6.2.14]. Nhà trường đã ký hợp đồng với lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp với các phương án bảo vệ an ninh cụ thể cho người học, cán bộ giảng viên, cơ sở vật chất [H6.6.2.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thành lập Ban Thanh tra Giáo dục – Giám thị để giám sát chung tình hình thực hiện nội qui Nhà trường [H6.6.2.16]. Nhà trường đã lắp đặt hệ thống camera giám sát an

ninh ở các lối đi, giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, khu văn phòng và các nơi trọng yếu khác [H6.6.2.17]. Trong 5 năm vừa qua, Nhà trường không có trường hợp người học bị đe dọa hoặc bị hại về sức khỏe, tính mạng, không có các vụ việc trộm cắp tài sản lớn của người học và Nhà trường đã được UBND tỉnh Bình Dương công nhận trường đại học đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” năm 2014 và năm 2016 [H6.6.2.18].

Nhà trường đã ban hành nội qui phòng cháy chữa cháy và thành lập đội phòng cháy chữa cháy tại chỗ [H6.6.2.19]. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng, tập huấn công tác PCCC cho CB, GV và người học [H6.6.2.20]. Bên cạnh đó, Nhà trường phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC lập các phương án chữa cháy, hồ sơ quản lý công tác PCCC [H6.6.2.21]. Các khối nhà văn phòng, khu giảng đường, khu thí nghiệm thực hành của Nhà trường được bố trí hệ thống báo cháy, hệ thống vòi rồng, bình xịt chữa cháy và được Phòng Cảnh sát PCCC kiểm tra định kỳ [H6.6.22].

2. Điểm mạnh:

- Người học được đảm bảo đầy đủ kịp thời các chế độ chính sách xã hội theo quy định.
- Nhà trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người học và triển khai các loại hình bảo hiểm.
- Công tác đảm bảo an ninh trật tự, PCCC luôn được đảm bảo và tạo cho người học môi trường học tập, rèn luyện an toàn.

3. Tồn tại:

Trang thiết bị phục vụ các hoạt động thể dục thể thao chưa đáp ứng được nhu cầu của tất cả SV.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Nhà trường tăng cường bổ sung các trang thiết bị thể dục thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu tập luyện của SV đồng thời mở rộng khu vực tập luyện thể dục thể thao.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.3: Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả:

Đối với công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện lối sống và lối sống cho người học, hằng năm ngoài sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV khóa mới, Nhà trường lập kế hoạch tổ chức giáo dục chính trị tư tưởng cho tất cả SV đang học tại Trường, trong đó nội dung tập trung vào việc phổ biến, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nội dung về đạo đức, lối sống [H6.6.3.1].

Công tác đánh giá rèn luyện chính trị, đạo đức, lối sống của người học thực hiện trên cơ sở Quy chế ban hành kèm Quyết định số 42/2002/QĐ-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H6.6.3.2]. Năm 2008, Nhà trường đã ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống người học, học sinh hệ Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp và đến năm 2015, Nhà trường ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học chính quy sửa đổi [H6.6.3.3]. Hằng năm, Phòng Công tác Sinh viên là đơn vị tổ chức đánh giá từng học kỳ theo quy định mỗi năm 2 lần và ban hành quyết định công nhận kết quả rèn luyện cho người học [H6.6.3.4].

Để đảm bảo cho việc đánh giá kết quả rèn luyện hiệu quả, trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Phòng Công tác Sinh viên đã phổ biến và hướng dẫn cho người học hiểu rõ quy chế đánh giá kết quả rèn luyện, hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện, các mẫu phiếu tự đánh giá kết quả rèn luyện người học; đồng thời Nhà trường tăng cường phổ biến rộng rãi đến SV quy chế đánh giá kết quả rèn luyện thông qua các bảng thông báo của Phòng Công tác Sinh viên và của các Khoa, trên website của Nhà trường và trong Sổ tay Sinh viên [H6.6.3.5]. Tỷ lệ đánh giá kết quả rèn luyện hằng năm của SV Nhà trường thể hiện có trên 80% số SV đạt kết quả rèn luyện từ khá trở lên [H6.6.3.6].

Công tác giáo dục rèn luyện thể chất, lối sống lành mạnh cho người học được thể hiện đồng thời thông qua việc tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ trong Nhà trường, trong đó Phòng Công tác Sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên thường xuyên tổ chức Hội diễn văn nghệ sinh viên, Tiếng hát sinh viên, Hội thao sinh viên, Giải bóng chuyền truyền thống, Giải bóng đá truyền thống [H6.6.3.7].

Kết quả tổ chức các hoạt động rèn luyện chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức, lối sống cho người học của Nhà trường đã góp phần thiết thực vào các hình thức khen thưởng Trường đã được nhận từ Chính phủ, Bộ GD&ĐT cũng như UBND tỉnh Bình Dương [H6.6.3.8]. Hằng năm, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Nhà trường tổ chức tuyên dương các gương người học tiêu biểu trong các lĩnh vực rèn luyện chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức, lối sống [H6.6.3.9], [H6.6.3.10].

Nhà trường luôn chú trọng nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động tạo môi trường cho người học rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống nên trong 5 năm vừa qua không có trường hợp người học nào nào vi phạm đạo đức, lối sống, pháp luật phải chịu sự xử lý của cơ quan chức năng [H6.6.3.11].

2. Điểm mạnh:

- Công tác giáo dục chính trị tư tưởng và rèn luyện đạo đức, lối sống cho người học được Nhà trường triển khai thường xuyên với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và đồng bộ.

- Tỷ lệ đánh giá kết quả rèn luyện hằng năm của SV Nhà trường thể hiện có trên 80% số SV đạt kết quả rèn luyện từ khá trở lên.

3. Tồn tại:

Vẫn còn một số SV chưa đạt kết quả rèn luyện hằng năm đạt loại khá trở lên.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017 – 2018, Nhà trường chỉ đạo Phòng Công tác Sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các Khoa tăng cường và đa dạng hóa các hình thức giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức và lối sống cho người học, đồng

thời đẩy mạnh hoạt động cố vấn học tập nhằm nâng cao kết quả đánh giá rèn luyện đạt từ loại khá trở lên của SV Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.4: Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả:

Nhằm phát huy tính tiên phong, gương mẫu của người Đảng viên đồng thời tham gia tích cực vào quá trình rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học, Đảng bộ Nhà trường đã có thành lập Chi bộ Sinh viên và hiện nay có 44 Đảng viên là SV [H6.6.4.1]. Trong kế hoạch công tác Đảng hằng năm, Nhà trường luôn chú trọng triển khai nội dung giáo dục và tạo điều kiện để người học rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống từ đó phấn đấu trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam [H6.6.4.2]. Đồng thời trong nội dung báo cáo tổng kết hằng năm, Đảng ủy Nhà trường tiến hành đánh giá kết quả và hiệu quả công tác giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học [H6.6.4.3].

Đối với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Nhà trường, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức và lối sống cho người học được triển khai thực hiện cụ thể thông qua nhiều hoạt động phong trào đa dạng như tổ chức các hoạt động xã hội tình nguyện, trong đó nổi bật là chiến dịch Mùa hè tình nguyện, Chương trình tiếp sức đến trường được tổ chức thường xuyên hằng năm, mọi năm tổ chức 02 đợt hiến máu tình nguyện, tổ chức Trung thu cho trẻ em nghèo, các đợt phát động quyên góp ủng hộ người nghèo vùng thiên tai lũ lụt, giúp đỡ đồng bào vùng sâu vùng xa,...[H6.6.4.4]. Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Nhà trường luôn chủ động xây dựng kế hoạch và chương trình hoạt động hằng năm một cách hợp lý, tạo điều kiện và môi trường cho người học tham gia sinh hoạt, học tập và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống [H6.6.4.5]. Hằng năm, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Nhà trường tổ chức tổng kết kết quả hoạt

động Đoàn và Phong trào Sinh viên, trong đó thể hiện các tổ chức đoàn thể của Nhà trường đã tạo cơ hội, điều kiện cho người học rèn luyện bản thân, nhiều người học đã thực sự trưởng thành khi tham gia các hoạt động Đoàn, Hội và nhìn chung đã tổ chức thực hiện hiệu quả, góp phần tích cực trong công tác giáo dục, rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của người học [H6.6.4.6].

Nhà trường đồng thời tổ chức cho SV đăng ký, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và qua tổng kết, đánh giá kết quả tích cực đối với công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học [H6.6.4.7].

Đảng bộ Nhà trường luôn quan tâm chú trọng đến công tác phát triển Đảng trong Sinh viên và đây là một nội dung quan trọng trong kế hoạch công tác hằng năm của Đảng bộ [H6.6.4.2]. Hằng năm, thông qua kết quả đánh giá rèn luyện Đoàn viên và kết quả học tập, Nhà trường cử các đoàn viên ưu tú đi học các lớp học bồi dưỡng nhận thức về Đảng do Đảng ủy Khối Các cơ quan tỉnh tổ chức và hầu hết các học viên tham gia đều đạt từ khá giỏi trở lên [H6.6.4.8]. Chi bộ Sinh viên Nhà trường phân công Đảng viên theo dõi, giúp đỡ giới thiệu Đoàn viên ưu tú phấn đấu trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam và trong giai đoạn 2012 – 2017, Nhà trường đã kết nạp 23 Đảng viên là sinh viên [H6.6.4.9].

2. Điểm mạnh:

- Công tác Đảng, đoàn thể trong Nhà trường đã tạo được nhiều tác động tích cực trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.
- Nhà trường không có sinh viên bị kỷ luật do vi phạm quy định về rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống.

3. Tồn tại:

Công tác phát triển Đảng trong sinh viên còn hạn chế so với số lượng người học tại Trường.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Nhà trường tăng cường tổ chức các hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho

sinh viên và qua đó phát hiện, bồi dưỡng nhằm tạo nguồn phát triển Đảng trong SV đồng thời đẩy mạnh hoạt động của Chi bộ Sinh viên trong công tác phát triển Đảng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.5: Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả:

Để triển khai công tác hỗ trợ người học trong quá trình học tập và rèn luyện, Nhà trường đã ban hành quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập [H6.6.5.1]. Hằng năm, Nhà trường ban hành quyết định phân công các GV cơ hữu của các khoa làm cố vấn học tập, chủ nhiệm các lớp để theo dõi và hướng dẫn người học trong suốt thời gian học tập và rèn luyện tại Trường [H6.6.5.2]. Đồng thời, Phòng Công tác Sinh viên thường xuyên theo dõi, kiểm tra giờ sinh hoạt lớp để đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập [H6.6.5.3].

Đầu khóa học, các khoa tổ chức gặp mặt, hướng dẫn và cung cấp cho người học những quy định đào tạo của từng ngành, về phương pháp học đại học, phương pháp NCKH và cơ hội nghề nghiệp tương lai [H6.6.5.4]. Bên cạnh đó, trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, người học được hướng dẫn đăng ký làm thẻ Thư viện, nội quy Thư viện, cách sử dụng tra cứu tài liệu tại Thư viện bằng phần mềm quản lý của Thư viện trong đó tài liệu Thư viện được quản lý bằng phần mềm Libol 6.0, được nối mạng trên trang thông tin điện tử Nhà trường nên tạo thuận lợi cho người học trong việc tra cứu tìm kiếm thông tin phục vụ học tập và nghiên cứu [H6.6.5.5], [H6.6.5.6]. Ngoài ra, Nhà trường quan tâm tạo điều kiện phát triển hoạt động của câu lạc bộ nhằm giúp cho người học có môi trường rèn luyện và nâng cao kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, các hoạt động học thuật như câu lạc bộ Kiến Đất Thủ của Khoa Kiến trúc, câu lạc bộ Robot của Khoa Điện - Điện tử, câu lạc bộ Lập trình Lego Robot của Khoa Tin học, câu lạc bộ Phiên tòa giả định của Khoa Luật học, câu lạc bộ Ngoại ngữ của Khoa Ngoại ngữ [H6.6.5.7].

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Nhà trường thường xuyên hỗ trợ người học tìm kiếm công việc làm thêm nhằm giúp người học có thêm thu nhập trang trải cuộc sống trong quá trình học tập tại Trường cũng như có điều kiện áp dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế [H6.6.5.8]. Bên cạnh đó, Phòng Công tác Sinh viên tích cực hỗ trợ và hướng dẫn người học có hoàn cảnh khó khăn làm thủ tục vay vốn học tập [H6.6.5.9]. Đồng thời, trong năm học, Phòng Công tác Sinh viên thường xuyên tổ chức các chuyên đề về kỹ năng tìm kiếm việc làm cho người học như kỹ năng viết hồ sơ xin việc, kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng chinh phục nhà tuyển dụng và các chuyên đề kỹ năng mềm [H6.6.5.10].

Đối với việc bố trí, hỗ trợ người học tìm kiếm chỗ trọ luôn được Nhà trường quan tâm giải quyết, trong đó Nhà trường đã kết hợp với người dân trên địa bàn xây dựng hệ thống ký túc xá trong dân theo mô hình Ký túc xá “03 Nhà” (Nhà nước, Nhà dân, Nhà trường) và hệ thống có thể đáp ứng được nhu cầu ở của 4000 người học, đảm bảo 100% người học có nhu cầu tìm chỗ ở đều được giới thiệu bố trí ký túc xá [H6.6.5.11].

Tất cả các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt của người học đều được các phòng, ban và khoa định kỳ thống kê báo cáo, đồng thời khảo sát lấy ý kiến của người học để Nhà trường áp dụng kịp thời các biện pháp nhằm hỗ trợ tích cực việc học tập và sinh hoạt của người học [H6.6.5.12].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tích cực nhằm hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.
- Tất cả SV của Nhà trường được bố trí chỗ ở ký túc xá và hỗ trợ tìm kiếm chỗ trọ.

3. Tồn tại:

Việc thành lập các câu lạc bộ đã triển khai, nhưng chưa đồng đều ở tất cả các khoa.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017 – 2018, Nhà trường triển khai và yêu cầu tất cả các Khoa đều thành lập câu lạc bộ học tập và tối thiểu một câu lạc bộ về sở thích nhằm tổ chức hiệu quả các hoạt động hỗ trợ tích cực cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.6: Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Nhà trường cho người học.

1. Mô tả:

Thông qua các nội dung của Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, đầu năm học, Nhà trường đã phổ biến cho người học đầy đủ các văn bản quy định, hướng dẫn về giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các quy định của Nhà trường đồng thời lồng ghép tuyên truyền các chuyên đề về pháp luật an toàn giao thông đường bộ, pháp luật phòng chống ma túy, pháp luật an toàn trật tự trong trường học [H6.6.6.1]. Bên cạnh đó, Phòng Công tác Sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các chuyên đề sinh hoạt chính trị, các buổi nói chuyện chuyên đề về tình hình thời sự, biển đảo, an ninh chính trị xã hội, an ninh trường học, thời sự quốc tế thông qua chương trình hoạt động của Phòng Công tác Sinh viên, chương trình công tác Đoàn Thanh niên, chương trình công tác Hội và phong trào sinh viên của Hội Sinh viên cũng như kế hoạch giáo dục chính trị tư tưởng người học hằng năm của Nhà trường [H6.6.6.2], [H6.6.6.3], [H6.6.6.4], [H6.6.6.5]. Ngoài ra, các tổ chức đoàn thể, Phòng Công tác Sinh viên Nhà trường và các Khoa của Nhà trường hằng năm đã thường xuyên mời các báo cáo viên báo cáo cho người học tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương,

đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; các nội quy, quy chế của Nhà trường [H6.6.6.6].

Nhằm giáo dục nếp sống văn hóa, văn minh cho người học với mục đích tạo nên một môi trường giáo dục thân thiện và lành mạnh, Nhà trường đã ban hành, công khai và thông báo rộng rãi nội quy học đường đến toàn thể người học [H6.6.6.7]. Để phục vụ cho công tác tuyên truyền của Nhà trường, Phòng Công tác Sinh viên, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên đã sưu tầm và soạn thảo nhiều tài liệu về giáo dục đạo đức, lối sống, luật pháp của Nhà nước, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng để cung cấp cho người học và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H6.6.6.8]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức đối thoại với SV nhằm tạo điều kiện cho SV đề đạt những ý kiến và nguyện vọng thiết thực của cá nhân, đồng thời giáo dục cho SV ý thức tôn trọng các quy định, quy tắc trong Nhà trường và ngoài xã hội [H6.6.6.9].

Phòng Công tác Sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên định kỳ thống kê số lượng người học tham gia các buổi sinh hoạt công dân và các buổi tuyên truyền, giáo dục để từ đó đề xuất Nhà trường áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm đảm bảo tất cả SV Nhà trường được tuyên truyền, phổ biến giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Nhà trường [H6.6.6.10]. Kết quả công tác giáo dục chính trị, đạo đức, lối sống cho người học được thể hiện thông qua số liệu SV được khen thưởng trong học tập, rèn luyện và tham gia hoạt động phong trào tăng qua từng năm học [H6.6.6.11].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Nhà trường cho người học.

- Số lượng các buổi nói chuyện chuyên đề cho người học tăng qua từng năm học với các báo cáo viên giàu kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền.

3. Tồn tại:

Hình thức tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Nhà trường cho người học chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Nhà trường chỉ đạo Phòng Công tác Sinh viên, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đa dạng dạng hóa các hoạt động tuyên truyền thông qua các hoạt động văn hóa văn nghệ, trò chơi dân gian, các hoạt động teambuilding, các hoạt động về nguồn, các hoạt động tình nguyện xã hội,... nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Nhà trường cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.7: Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả:

Trong công tác hỗ trợ việc làm cho người học nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo, Trung tâm Hỗ trợ việc làm sinh viên trước đây và hiện nay là Trung tâm Nghề nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp là đơn vị có chức năng hỗ trợ người học tiếp cận các thông tin việc làm, bao gồm toàn thời gian, bán thời gian, thực tập, cập nhật các thông tin tuyển dụng hàng ngày thuộc nhiều lĩnh vực đến người học [H6.6.7.1]. Nhà trường hiện có 2 trang thông tin điện tử hỗ trợ tìm kiếm việc làm của người học Tuyển dụng và Hướng nghiệp, đồng thời trong xu hướng phát triển của mạng xã hội số lượng người học trường truy cập mạng xã hội thường xuyên nên Nhà trường đã xây dựng một trang mạng

xã hội về hỗ trợ cung cấp thông việc làm cho người học [H6.6.7.2]. Trung tâm Nghề nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp thường xuyên tuyển sinh viên thực tập dành cho các người học năm cuối, giúp người học có điều kiện trải nghiệm môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp [H6.6.7.3].

Nhà trường luôn chủ động liên hệ, ký kết các thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp trên địa bàn nhằm tìm kiếm các cơ hội việc làm và thông báo rộng rãi, kịp thời đến SV với mục đích hỗ trợ SV trong việc tìm kiếm việc làm đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng được nguồn nhân lực theo yêu cầu [H6.6.7.4]. Hằng năm, Nhà trường phối hợp với các Trung tâm giới thiệu việc làm, các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tổ chức ngày hội việc làm trong lễ trao bằng tốt nghiệp nhằm giúp người học có cơ hội được gặp gỡ, ứng tuyển, phỏng vấn trực tiếp với các doanh nghiệp để tìm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo [H6.6.7.5].

Trong quá trình triển khai hoạt động đào tạo, Nhà trường đồng thời chú trọng đào tạo các kỹ năng mềm cho người học về soạn thảo văn bản, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phỏng vấn xin việc, trong đó các đề cương kỹ năng mềm được xây dựng theo hướng bổ sung cho người học khả năng đáp ứng công việc tại doanh nghiệp bên cạnh kiến thức chuyên ngành [H6.6.7.6]. Bên cạnh đó, các khoa đã xây dựng chuẩn khả năng thực hành nghề nghiệp cho người học cũng như xác định vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp và được thể hiện trong CTĐT [H6.6.7.7].

Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát người học trước khi tốt nghiệp và sau tốt nghiệp nhằm thu thập tình hình việc làm của SV, các góp ý và đề xuất của SV và cựu SV để có cơ sở rút kinh nghiệm trong công tác dự báo, xây dựng chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra phù hợp yêu cầu xã hội, đồng thời đổi mới công tác quản lý đào tạo, tổ chức giảng dạy nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo [H6.6.7.8]. Kết quả khảo sát thể hiện tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo của Nhà trường tăng qua từng năm [H6.6.7.10].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã hợp tác với nhiều tổ chức, doanh nghiệp và xây dựng nhiều mối quan hệ với các nhà tuyển dụng nhằm tăng cường năng lực thực tiễn của người học và nâng cao cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

- Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp cụ thể nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

- Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo của Nhà trường tăng qua từng năm.

3. Tồn tại:

Nhà trường chưa tổ chức đánh giá hiệu quả các hoạt động nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Nhà trường định kỳ hằng năm tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các hoạt động hướng nghiệp để từ đó áp dụng kịp thời các biện pháp nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.8: Người học có khả năng tìm kiếm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng với ngành được đào tạo.

1. Mô tả:

Nhằm theo dõi tỉ lệ người học có việc làm và tự tạo được việc làm sau khi tốt nghiệp, Nhà trường đã xây dựng và ban hành qui trình thực hiện khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp [H6.6.8.1]. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về tình trạng việc làm, khả năng tự tạo việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu việc làm của SV, trong đó Phòng CTSV là đơn vị chức năng chủ trì và phối hợp với các Khoa triển khai lấy ý kiến [H6.6.8.2].

Trước khi người học tốt nghiệp, hằng năm các Khoa triển khai thu thập các thông tin cần thiết của SV, trong đó chú ý thông tin về số điện thoại liên hệ và địa chỉ email cá nhân [H6.6.8.3]. Định kỳ vào 6 tháng và 1 năm sau khi người học tốt nghiệp, Nhà trường tiến hành khảo sát việc làm người học tốt nghiệp qua dữ liệu người học đã cung cấp trước khi tốt nghiệp thông qua hình thức điện thoại trực tiếp và gửi biểu mẫu khảo sát đến địa chỉ email của cựu SV [H6.6.8.4]. Đồng thời, Phòng CTSV phối hợp với các Khoa khảo sát ý kiến của doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ SV tốt nghiệp Nhà trường đáp ứng yêu cầu của công việc [H6.6.8.4].

Kết quả khảo sát cho thấy người học của Nhà trường sau khi tốt nghiệp có khả năng tự tạo việc làm và thích ứng với môi trường cao, trong đó có trên 50% người học được khảo sát tìm được việc làm đúng với ngành được đào tạo sau 01 năm tốt nghiệp [H6.6.8.5].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng, ban hành qui trình, kế hoạch khảo sát tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp và triển khai thực hiện hằng năm.
- Kết quả khảo sát tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp thể hiện SV tốt nghiệp của Nhà trường có khả năng tự tạo việc làm và trên 50% người học được khảo sát tìm được việc làm đúng với ngành được đào tạo sau 01 năm tốt nghiệp.

3. Tồn tại:

Công tác khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp còn hạn chế do nhiều người học sau khi tốt nghiệp thay đổi số điện thoại và địa chỉ email liên hệ.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017 – 2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tổ chức nâng cao nhận thức cho SV về việc thường xuyên cập nhật dữ liệu sau khi tốt nghiệp và đẩy mạnh hoạt động gắn kết giữa Khoa và cựu SV để kịp thời cập nhật thông tin cũng như tình trạng việc làm của cựu SV.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.9: Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Nhằm đánh giá chất lượng đào tạo đồng thời thông qua đó điều chỉnh các hoạt động giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường ban hành quy định về việc người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học và chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp, trong đó quy định 100% người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học và 100% người học được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Trường trước khi tốt nghiệp [H6.6.9.1]. Phòng CTSV là đơn vị chịu trách nhiệm chính và phối hợp với các Khoa trong việc thực hiện lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học và người học trước khi tốt nghiệp đánh giá chất lượng đào tạo [H6.6.9.1].

Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học và ý kiến đánh giá chất lượng đào tạo của SV Nhà trường trước khi tốt nghiệp [H6.6.9.2]. Để nâng cao nhận thức cho GV và SV về hoạt động lấy ý kiến phản hồi, trong kế hoạch triển khai thực hiện, Nhà trường yêu cầu các khoa tổ chức phổ biến, quán triệt để GV, người học hiểu được ý nghĩa và lợi ích của hoạt động này, đồng thời được tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của GV theo đúng quy định [H6.6.9.2]. Nội dung chủ yếu của các mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV tập trung khảo sát về mức độ hài lòng của người học với việc cung cấp thông tin về môn học và tài liệu môn học của GV, tác phong sư phạm của GV, nội dung giảng dạy, hoạt động giảng dạy, kiểm tra, đánh giá SV [H6.6.9.3]. Đối với hoạt động đánh giá của người học trước khi tốt nghiệp đối với chất lượng đào tạo, nội dung phiếu khảo sát tập trung đánh giá chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo và chương trình đào tạo; mức độ đáp ứng các kiến thức và kỹ năng cần thiết; chất lượng các hoạt

động dạy và học; mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu; mức độ đáp ứng của đội ngũ giảng dạy và đội ngũ phục vụ; chất lượng phục vụ và các dịch vụ hỗ trợ học thuật; mức độ đáp ứng của môi trường học thuật và các ý kiến góp ý khác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H6.6.9.3].

Phòng CTSV phối hợp với các khoa thực hiện lấy ý kiến đánh giá của SV đối hoạt động giảng dạy của GV vào tuần cuối cùng khi kết thúc môn học [H6.6.9.2]. Các Khoa là đơn vị xử lý kết quả khảo sát và gửi kết quả về Phòng CTSV để tổng hợp [H6.6.9.1], [H6.6.9.2]. Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá khảo sát của SV đối hoạt động giảng dạy của GV được gửi đến Ban Giám hiệu và Ban Kiểm định chất lượng Nhà trường, đồng thời gửi đến Ban chủ nhiệm các Khoa để thông báo đến từng cá nhân GV [H6.6.9.1], [H6.6.9.4]. Đối với các trường hợp GV có nhiều ý kiến đánh giá không tích cực của SV, GV được yêu cầu xem xét và xây dựng kế hoạch cải tiến [H6.6.9.1], [H6.6.9.5].

Đối với hoạt động đánh giá chất lượng Nhà trường trước khi tốt nghiệp, Phòng CTSV triển khai đối với SV năm cuối trước khi tốt nghiệp [H6.6.9.1], [H6.6.9.2]. Kết quả khảo sát sau khi xử lý dữ liệu được gửi đến Ban Giám hiệu Nhà trường, các Phòng Ban, các Khoa để xem xét, rút kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại theo ý kiến đánh giá của SV [H6.6.9.6].

Những thông tin người học cung cấp qua hoạt động khảo sát giúp Nhà trường đánh giá thực tế chất lượng đào tạo và công tác phục vụ người học để từ đó có những điều chỉnh, đổi mới hợp lý về chương trình đào tạo, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động học tập nhằm phát huy các mặt tích cực, giảm thiểu các mặt tiêu cực trong quản lý giáo dục và đào tạo của Nhà trường [H6.6.9.7].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành quy định và các biểu mẫu phục vụ hoạt động lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của GV khi kết thúc môn học và ý kiến của người học tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường trước khi tốt nghiệp.

- 100% người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học và 100% người học được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường trước khi tốt nghiệp.

3. Tồn tại:

Một bộ phận người học chưa chú trọng đến việc trả lời các nội dung khảo sát đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của GV.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Phòng CTSV phối hợp với các Khoa tăng cường tuyên truyền để người học hiểu rõ về tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, đồng thời định kỳ rà soát, điều chỉnh nội dung câu hỏi các phiếu khảo sát cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận Tiêu chuẩn 6

Với quan điểm giáo dục là của mọi người, vì mọi người nên tất cả hoạt động giáo dục của Nhà trường đều lấy người học làm trọng tâm. Các hoạt động đào tạo và rèn luyện của Nhà trường nhằm mục đích hướng đến việc đào tạo người học đảm bảo kiến thức chuyên ngành, năng lực thực tiễn, đồng thời chú trọng rèn luyện người học về phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước, các nội quy của Nhà trường.

Nhà trường hướng dẫn người học đầy đủ các quy định về quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện; tổ chức cho người học tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của GV và đánh giá chất lượng đào tạo trước khi tốt nghiệp. Nhà trường tổ chức đa dạng nhiều hình thức hỗ trợ SV học tập, rèn luyện và hướng nghiệp cho SV. Do vậy, kết quả khảo sát tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp thể hiện SV Nhà trường có khả năng tự tạo việc làm và tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo tăng lên qua từng năm.

Tuy nhiên, việc cựu SV thay đổi số điện thoại và địa chỉ email cá nhân là khó khăn lớn nhất của hoạt động khảo sát tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp. Trong thời gian đến, Nhà trường chú trọng công tác phổ biến, quan triệt nhằm nâng cao nhận thức của SV đồng thời chỉ đạo các Khoa tăng cường liên hệ với cựu SV nhằm cập nhật kịp thời và chính xác thông tin của cựu SV để từ đó có được dữ liệu đầy đủ về tình trạng việc làm của SV Nhà trường sau 1 năm tốt nghiệp.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

TIÊU CHUẨN 7: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ

Mở đầu

Đào tạo và nghiên cứu khoa học - chuyên giao công nghệ được xác định là hai nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu “phát huy tiềm năng của xã hội, quyết tâm xây dựng và phát triển trở thành đại học kinh tế - sinh thái, đa lĩnh vực, đào tạo kỹ sư, cử nhân thực hành chất lượng cao với chương trình mục tiêu đào tạo cơ bản thiết thực, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam, khu vực và thế giới”. Để thực hiện mục tiêu đặt ra trong công tác NKCH và chuyên giao công nghệ, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển khoa học công nghệ dài hạn, trung hạn và ngắn hạn phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường và nhu cầu của xã hội. Nhà trường đã không ngừng khai thác tiềm năng của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cơ sở vật chất và trang thiết bị nghiên cứu của Trường cũng như tăng cường mở rộng các mối quan hệ hợp tác trong và ngoài nước để thực hiện định hướng và chiến lược nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ đã đề ra.

Tiêu chí 7.1: Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học

1. Mô tả:

Căn cứ vào các văn bản định hướng cho Khoa học & Công nghệ hằng năm của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng và ban hành chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn, trong đó có hoạt động nghiên cứu khoa học [H7.7.1.1], [H7.7.1.2], [H7.7.1.3]. Để đảm bảo triển khai hoạt động NKCH theo đúng chiến lược, kế hoạch đã được xây dựng, từ năm 2006, Nhà trường đã thành lập Phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học với chức năng là đơn vị tham mưu cho Ban Giám hiệu về các hoạt động Nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ, đến năm 2009 đổi tên thành phòng nghiên cứu khoa học [H7.7.1.3]. Nhiệm vụ của Phòng Nghiên cứu khoa học Nhà trường được quy định rõ là: Quản lý hoạt động khoa học công nghệ trong sinh

viên và giảng viên; xây dựng chiến lược nghiên cứu khoa học công nghệ của Đại học Bình Dương; tổ chức kiểm tra, đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ ra bên ngoài; bản tin khoa học, đưa thông tin Nghiên cứu khoa học vào bản tin truyền thông, tiến đến xuất bản Tập san khoa học kỹ thuật và công nghệ - Trường Đại học Bình Dương; liên hệ, tạo cầu nối về các hoạt động khoa học công nghệ cơ sở đào tạo, sản xuất trong nước và ngoài nước; thiết kế và tổ chức triển lãm hội chợ, hội nghị, hội thảo và hội thi các cấp [H7.7.1.3]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2011 – 2016 và nhiệm kỳ 2017 – 2022 với các thành viên là lãnh đạo Nhà trường, các đơn vị trực thuộc, các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục và lãnh đạo các doanh nghiệp [H7.7.1.4].

Dựa trên kế hoạch chiến lược về hoạt động NCKH của chuyển giao công nghệ của Trường, các văn bản hướng dẫn, định hướng cho các hoạt động KH-CN hằng năm của Bộ GD&ĐT, nhu cầu trong công tác NCKH do các Khoa xác định, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch NCKH theo từng năm học, trong đó chú trọng ưu tiên các đề tài nghiên cứu theo định hướng ứng dụng phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường [H7.7.1.5]. Trong kế hoạch NCKH hằng năm của Nhà trường luôn đề cập đến hoạt động NCKH của SV và là cơ sở để triển khai hoạt động NCKH đối với SV nhằm gắn chặt công tác đào tạo với NCKH [H7.7.1.5].

Các văn bản về hoạt động KH-CN, kế hoạch NCKH dài hạn, trung hạn và hằng năm của Nhà trường được thông báo đến cán bộ, GV, SV theo đường công văn, niêm yết tại bảng thông báo và đăng tải trên website của Nhà trường, của Phòng Quản lý khoa học và các Khoa [H7.7.1.6].

Để có cơ sở triển khai hoạt động NCKH thống nhất trong toàn Trường, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động NCKH, đồng thời ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên cơ hữu [H7.7.1.7]. Hằng năm, Phòng Quản lý nghiên cứu khoa học phối hợp với các phòng chức năng, các khoa triển khai thực hiện các hoạt động NCKH theo đúng kế hoạch từ đề xuất, phê duyệt danh mục, tuyển

chọn, phân bổ kinh phí và tổ chức đánh giá nghiệm thu theo quy định và hướng dẫn của các cấp quản lý [H7.7.1.8], [H7.7.1.9], [H.7.7.1.10]. Bên cạnh đó, hoạt động NCKH của SV luôn được Nhà trường chú trọng và triển khai thực hiện theo quy định, từ khâu xét chọn, phê duyệt, phân công giảng viên hướng dẫn đến tổ chức nghiệm thu [H.7.7.1.8], [H.7.7.1.10].

Nhà trường đã xây dựng và ban hành các chính sách về việc phân bổ kinh phí và khen thưởng đối với hoạt động NCKH của GV và SV nhằm động viên, phát huy tinh thần tích cực tham gia NCKH trong toàn Trường [H7.7.1.11], [H7.7.1.12], [H7.7.1.13]. Nhờ vậy, hoạt động NCKH trong thời gian qua của Nhà trường đã đạt được những kết quả khả quan với số lượng các đề tài tham gia NCKH của GV và SV phù hợp với kế hoạch hoạt động KH&CN hằng năm [H7.7.1.5], [H7.7.1.10].

Hằng năm và trong từng giai đoạn, Nhà trường tiến hành tổng kết và báo cáo tình hình hoạt động KH&CN, qua đó xây dựng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của KH&CN của giai đoạn cũng như năm học tiếp theo [H7.7.1.14], [H7.7.1.15].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động KH & CN phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học và theo định hướng ứng dụng.

- Nhà trường đã ban hành và áp dụng nhiều chính sách khen thưởng đối với hoạt động NCKH để khuyến khích GV và SV tích cực tham gia NCKH.

3. Tồn tại:

Việc thông tin, thông báo kế hoạch hoạt động NCKH của SV hằng năm đến SV Nhà trường đôi lúc còn chưa kịp thời.

4. Kết quả hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Nhà trường tăng cường và đa dạng hóa các hình thức thông báo đến SV, trong đó bên cạnh việc niêm yết, đăng tải kế hoạch hoạt động NCKH của SV hằng năm trên website, đồng thời chú trọng thông báo tại những buổi sinh hoạt lớp cũng như gửi đến địa chỉ email của SV.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.2: Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.

1. Mô tả:

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ và triển khai thực hiện dựa trên quy định về quản lý hoạt động NCKH của Trường cũng như quy định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong GV [H7.7.2.1], [H7.7.2.2].

Căn cứ danh mục đề tài NCKH GV đăng ký, Hội đồng khoa học lựa chọn các đề tài phù hợp với kế hoạch khoa học hàng năm để trình Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt đề tài, kinh phí thực hiện [H7.7.2.3]. Các đề tài NCKH được Nhà trường cấp kinh phí thông qua quyết định phê duyệt định mức khoán kinh phí cho các đề tài KH&CN cấp Trường hàng năm để các chủ nhiệm đề tài có kinh phí thực hiện nhằm đảm bảo kết quả nghiệm thu theo đúng sản phẩm dự kiến của đề tài [H7.7.2.4]. Nhà trường đã đáp ứng đủ 100% nguồn lực cho các đề tài được thực hiện thông qua việc phê duyệt kinh phí cho mỗi đề tài theo đề xuất nhu cầu kinh phí của các chủ nhiệm đề tài [H7.7.2.5].

Bảng 7.1. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và tổng kinh phí thực hiện đề tài
(Kinh phí: đơn vị triệu đồng)

Loại đề tài	Năm 2012-2013		Năm 2013-2014		Năm 2014-2015		Năm 2015-2016		Năm 2016-2017	
	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí
Cấp Bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Cấp Tỉnh	0	0	0	0	0	0	01	443,8	0	0
Cấp Trường (GV)	06	200.0	02	39.78	02	52.0	02	48.0	03	131.0
Cấp Trường (SV)	41	145.0	16	73.0	07	35.0	04	20.0	05	20.8

Trong quá trình thực hiện, các chủ nhiệm đề tài phải báo cáo tiến độ theo từng giai đoạn thực hiện theo quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường [H7.7.2.2]. Sau khi hoàn thành các đề tài sẽ được Hội đồng nghiệm thu đánh giá và ban hành quyết định công nhận [H7.7.2.6]. Nhờ thực hiện tốt công tác kiểm tra tiến độ và đúng quy định quản lý hoạt động NCKH, từ năm 2012 đến tháng 9/2017, đã có 88 đề tài của GV và SV được thực hiện và nghiệm thu đúng quy định, đảm bảo 100% các đề tài NCKH nghiệm thu đúng kế hoạch [H7.7.2.5], [H7.7.2.7].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá hoạt động KH&CN để có cái nhìn tổng quan về hiệu quả thực hiện các kế hoạch đã đề ra, chất lượng các công trình NCKH và định hướng kế hoạch hoạt động KH&CN của Nhà trường trong năm tiếp theo [H7.7.2.8].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường tổ chức thực hiện tốt quy định quản lý hoạt động KH&CN và kế hoạch hoạt động NCKH hàng năm.
- Các đề tài NCKH của Nhà trường được thực hiện và nghiệm thu đúng quy định, đảm bảo nghiệm thu đúng kế hoạch.

3. Tồn tại:

Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ của Trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Nhà trường tăng cường động viên, khuyến khích, giao nhiệm vụ cho các Khoa và các giảng viên có học vị từ tiến sĩ trở lên tích cực đầu tư để đăng ký và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ trở lên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 7.3: Số lượng bài báo đăng trên các Tạp chí chuyên ngành trong nước và Quốc tế tương ứng với số đề tài Nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường Đại học

1. Mô tả:

Nhà trường luôn chú trọng tới hoạt động công bố các công trình NCKH của CB, GV trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế, trong đó quy định về việc hỗ trợ kinh phí cho các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế theo số điểm công trình bài báo đạt được, đặc biệt các bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học có trong danh mục SCI, SCIE, SSCI, Scopus [H7.7.3.1].

Trong giai đoạn 2012 – 2017, Nhà trường có tất cả 75 bài báo khoa học đăng trên các Tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, trong đó có 15 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học quốc tế thuộc ISI, Scopus và 09 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học quốc tế không thuộc ISI, Scopus [H7.7.3.2], [H7.7.3.3]. Tất cả các bài báo được đăng có nội dung đa dạng trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề, phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường, gắn kết với các ngành, chương trình đào tạo của Trường [H7.7.3.2], [H7.7.3.3].

Bảng 7.2. Thống kê số lượng các bài báo khoa học từ 2012 - 2017

Năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Số lượng bài báo quốc tế (Đăng trên Tạp chí quốc tế thuộc ISI, Scopus)	0	0	2	0	3	10
Số lượng bài báo quốc tế (Đăng trên Tạp chí quốc tế không thuộc ISI, Scopus)	0	1	0	4	4	0
Số lượng bài báo đăng trên Tạp chí trong nước	1	5	6	12	11	11
Số lượng bài báo đăng trên Tạp san/Đặc san của Trường	42	21	20	18	16	18 (dự kiến xuất bản trong năm 2017)

Số lượng bài báo của CBGV được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế nhiều hơn số lượng đề tài mà Trường chủ trì thực hiện và tăng dần hằng năm [H7.7.3.2], [H7.7.3.3], [H7.7.3.4].

Nhằm tạo điều kiện để CB, GV công bố các bài báo khoa học và các công trình nghiên cứu, Nhà trường đã quan tâm thực hiện, đề xuất và được Cục Thông tin khoa học và Công nghệ Quốc gia đồng ý cấp Mã số chuẩn quốc tế ISSN 1859-4336 [H7.7.3.6]. Nhà trường đã thành lập Ban biên tập Tạp chí khoa học – Đại học Bình Dương và ban hành Quy định về hoạt động của Tạp chí Khoa học – Đại học Bình Dương để nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học [H7.7.3.7]. Đồng thời, Nhà trường ban hành quy định mức tiền nhuận bút cho Tạp chí Khoa học - Đại học Bình Dương nhằm động viên CB, GV Nhà trường cũng như các nhà khoa học trên toàn quốc tham gia viết bài [H7.7.3.8]. Năm 2017, Nhà trường đã được Bộ GD&ĐT chấp thuận cấp phép hoạt động báo chí in, tạo điều kiện để cán bộ giảng viên tham gia viết bài báo khoa học, góp phần đẩy mạnh và nâng cao số lượng bài báo khoa học được công bố của Nhà trường [H7.7.3.9]. Tính đến tháng 9 năm 2017, Tập san Khoa học - Đại học Bình Dương đã xuất bản được 8 số với 117 bài báo khoa học được đăng [H7.7.3.5].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường áp dụng chính sách khuyến khích CB, GV toàn Trường tích cực tham gia viết bài cho các Tạp chí khoa học trong và ngoài nước.
- Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước tương ứng với số đề tài NCKH và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường.
- Trường có Tập san Khoa học để công bố các kết quả nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài Trường.

3. Tồn tại:

Tỷ lệ các công trình nghiên cứu được công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành phân bố không đồng đều trong các lĩnh vực đào tạo của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 - 2018, hằng năm Nhà trường xác định chỉ tiêu về số lượng các bài báo cần công bố đối với các Khoa, các GV có học vị TS trở lên; đồng thời nâng cao chế độ khen thưởng, vinh danh đối với GV công bố nhiều bài báo trên các tạp chí chuyên ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 7.4: Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của đại phương và cả nước

1. Mô tả:

Trong giai đoạn 2012 – 2017, CB, GV Nhà trường đã thực hiện và nghiệm thu 81 đề tài NCKH các cấp, trong đó có 80 đề tài NCKH cấp Trường [H7.7.4.1]. Tất cả các đề tài NCKH nghiệm thu đều được Hội đồng nghiệm thu đánh giá có đóng góp mới cho khoa học và đặc biệt là những đóng góp trong việc phát triển nền giáo dục mở, cung cấp thêm tư liệu học tập cho Nhà trường [H7.7.4.2].

Các đề tài NCKH do CB, GV Nhà trường thực hiện đều xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của địa phương và xã hội, phù hợp với định hướng ứng dụng của Trường như: Khảo sát tình trạng vẩy nhiễm vi sinh vật trên thịt heo tươi và đề xuất biện pháp an toàn cho sản phẩm thịt heo tươi tại cơ sở giết mổ thuộc địa bàn tỉnh Bình Dương” do TS. Nguyễn Thanh Bình chủ nhiệm, “Nghiên cứu quy trình chiết xuất Chitosan có độ DeAcetyl từ 80 – 90% từ phế liệu tôm tại các nhà máy chế biến thủy sản thuộc tỉnh Bình Dương” do Th.S Hoàng Ngọc Cương chủ nhiệm, “Thí điểm xây dựng bờ kè chống sạt lở bờ sông Cái Tàu, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau” do PGS.TS Nguyễn Xuân Mãn làm chủ nhiệm [H7.7.4.3]. Các đề tài NCKH đã đề xuất các giải pháp cụ thể, có tính ứng dụng trong cuộc sống và góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách của tỉnh Bình Dương và tỉnh Cà Mau về kinh tế, xã hội, vệ sinh an toàn thực phẩm [H7.7.4.3], [H7.7.4.4]. Bên cạnh đó, các đề tài NCKH xuất phát từ thực tiễn giảng dạy và học tập của GV, SV toàn trường

nư: “Đánh giá sự hài lòng về chất lượng dịch vụ đào tạo của sinh viên Đại học Bình Dương” do TS. Võ Văn Việt chủ nhiệm, “Xây dựng website hỗ trợ lưu trữ và quản lý đề tài tốt nghiệp khoa Tin học Trường Đại học Bình Dương” do GV. Mai Trung Thành chủ nhiệm, “Những luận điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên và sự vận dụng ở Trường Đại học Bình Dương” do TS. Hoàng Trung chủ nhiệm [H7.7.4.5].

Các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng cao của Nhà trường đã được chuyển giao công nghệ cho các trường đại học và địa phương tỉnh Cà Mau [H7.7.4.3]. Hơn thế nữa, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau đã đặt hàng Trường Đại học Bình Dương thực hiện các dự án “Thí điểm xây dựng bờ kè chống lở sông Cái Tàu, thị trấn U Minh – huyện U Minh, tỉnh Cà Mau” [H7.7.4.4].

Ngoài ra, trong giai đoạn 2012 – 2017, CB, GV Nhà trường đã công bố 15 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học quốc tế thuộc ISI, Scopus và được cộng đồng học thuật đánh giá cao về chất lượng [H7.7.4.6]. Đặc biệt, hoạt động NCKH của Nhà trường đã thu hút được nhiều SV tham gia và SV Nhà trường đã đạt giải Hội đồng Giải thưởng Loa thành về chuyên ngành Kiến trúc [H7.7.4.7].

2. Điểm mạnh:

- Tất cả các đề tài NCKH của Nhà trường được Hội đồng nghiệm thu đánh giá là có đóng góp mới cho khoa học và gắn với nhu cầu thực tế của địa phương, của Nhà trường.

- Nhà trường có các đề tài NCKH được chuyển giao công nghệ, ứng dụng vào thực tiễn địa phương và mang lại hiệu quả cao.

3. Tồn tại:

Các đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ của Nhà trường chưa đa dạng, còn tập trung ở một số lĩnh vực.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường xây dựng kế hoạch, quan tâm đầu tư kinh phí và tăng cường chế độ khen thưởng để GV ở tất cả các Khoa tích cực thực

hiện các đề tài NCKH nhằm đa dạng hóa đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 7.5: Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này

1. Mô tả:

Xác định nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quá trình phát triển, hằng năm, Nhà trường dành một khoản kinh phí chi cho hoạt động NCKH, đặc biệt là phê duyệt kinh phí đối với mỗi đề tài nghiên cứu khoa học [H7.7.5.1], [H7.7.5.2]. Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện chi kinh phí cho hoạt động của Tạp chí Khoa học – Đại học Bình Dương [H7.7.5.2].

Bảng 7.3. Thống kê cơ cấu nguồn chi cho hoạt động KHCN
giai đoạn 2012 – 2016

Đơn vị tính: tỷ đồng

Nội dung	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Tổng chi	%	Tổng chi	%	Tổng chi	%	Tổng chi	%	Tổng chi	%
Chi cho NCKH	0.92	0.98	0.31	0.39	0.1	0.16	0.3	0.38	0.09	0.13
Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, Hội thảo, tập huấn...	1.05	1.12	0.49	0.63	0.59	0.94	0.54	0.7	0.62	0.84

Nhằm tăng cường nguồn thu từ hoạt động NCKH, Nhà trường luôn khuyến khích cán bộ, giảng viên thực hiện tư vấn, hợp đồng chuyển giao công nghệ để tăng nguồn thu cho Nhà trường [H7.7.5.1]. Trong những năm qua, GV Nhà trường

đã thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ theo đặt hàng của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau đặt hàng [H7.7.5.3].

Bảng 7.4. Thống kê nguồn thu từ hoạt động KHCN
giai đoạn 2012 - 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Tổng thu	%	Tổng thu	%	Tổng thu	%	Tổng thu	%	Tổng thu	%
Thực hiện đề tài NCKH			3.6						305.36	
Chuyển giao công nghệ	58									

Hằng năm, căn cứ các văn bản quy định của Nhà nước, Nhà trường thực hiện báo cáo tài chính chi tiết về các khoản chi từ ngân sách nhà trường cho hoạt động NCKH cũng như về các nguồn thu từ bên ngoài từ hoạt động NCKH [H7.7.5.4], [H7.7.5.5].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường dành nguồn kinh phí hằng năm chi cho hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ.
- GV Nhà trường thực hiện đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ với các địa phương nhằm tăng nguồn thu cho Nhà trường từ hoạt động NCKH.

3. Tồn tại:

Nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ chưa cân đối với kinh phí Nhà trường đầu tư cho hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Nhà trường tập trung tìm kiếm các đối tác trong việc thực hiện các đề tài NCKH đặt hàng và chuyển giao công nghệ nhằm tăng cường nguồn thu cho Trường.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 7.6: Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào nguồn phát triển của các nguồn lực của trường

1. Mô tả:

Trong giai đoạn 2012 – 2017, các công trình NCKH của CB, GV Nhà trường được thực hiện theo định hướng ứng dụng, gắn liền với nhiệm vụ đào tạo và nhằm tìm kiếm các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H7.7.6.1], [H7.7.6.2], [H7.7.6.3]. Kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH trở thành nguồn tư liệu quý giá cho GV, SV tham khảo [H7.7.6.3]. Nhiều kết quả nghiên cứu của đề tài đã được sử dụng trong giảng dạy, gắn với hoạt động đào tạo của Nhà trường như “Đánh giá sự hài lòng về chất lượng dịch vụ đào tạo của sinh viên Đại học Bình Dương” do TS. Võ Văn Việt chủ nhiệm, “Xây dựng website hỗ trợ lưu trữ và quản lý đề tài tốt nghiệp khoa Tin học Trường Đại học Bình Dương” do GV. Mai Trung Thành chủ nhiệm, “Những luận điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên và sự vận dụng ở Trường Đại học Bình Dương” do TS. Hoàng Trung chủ nhiệm [H7.7.6.3].

Để triển khai các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ một cách có hiệu quả, đồng thời nhằm tận dụng nguồn lực của các bên liên quan, Nhà trường đã triển khai ký kết hợp tác với các trường Đại học, Viện nghiên cứu chuyên ngành trong và ngoài nước như: Trường Đại học Cần Thơ, Đại học Quốc Gia Belarus, Viện Công nghệ sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam, Viện kỹ thuật vô tuyến điện (thuộc Viện Hàn Lâm Khoa học Công nghệ liên bang Nga), Viện Cơ học và Tin học ứng dụng [H7.7.6.4], [H7.7.6.5].

Thông qua các hợp đồng hợp tác, Nhà trường đã tạo điều kiện cho CB, GV tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn tại các đơn vị khác ở nước ngoài để nâng cao

năng lực nghiên cứu và chuyên môn nghiệp vụ của CB, GV [H7.7.6.6]. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên phối hợp với các trường ĐH nước ngoài tổ chức các Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế nhằm tạo điều kiện cho CB, GV, NV, SV nâng cao trình độ, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ và thu hút đông đảo CB, GV, NV, SV toàn Trường tham dự như: Hội thảo cấp Trường “20 năm vì một nền giáo dục mở”; Hội thảo quốc tế “Thực tiễn gia nhập Công ước viên 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế - Kinh nghiệm cho Việt Nam” do Trường Đại học Bình Dương phối hợp với Trường Đại học Belarus tổ chức [H7.7.6.7].

Cán bộ, giảng viên Nhà trường trong giai đoạn 2012 – 2017 đã công bố 15 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học quốc tế thuộc ISI, Scopus [H7.7.6.8]. Đồng thời, tất cả các đề tài NKCH trong 05 năm qua đã đóng góp phát triển nguồn lực chung cho Nhà trường, đặc biệt là trong công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của CB, GV và vào việc tăng nguồn thu của Trường [H7.7.6.9].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện nhiều chương trình hợp tác với các trường Đại học, Viện nghiên cứu trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy hoạt động KH&CN cũng như phát triển các nguồn lực của Nhà trường.

3. Tồn tại:

Hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ chưa có những đóng góp đáng kể vào nguồn lực tài chính của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp ở trong và ngoài nước để thực hiện các đề tài NKCH, dự án nhằm phát triển các nguồn lực của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 7.7: Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định, có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ

1. Mô tả:

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ NKCH phù hợp với sứ mạng, mục tiêu phát triển của Nhà trường trước yêu cầu hội nhập quốc tế, căn cứ các văn bản quy định về hoạt động NCKH của Bộ GD&ĐT, Trường đã xây dựng và ban hành các văn bản quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực, đạo đức trong hoạt động NCKH [H7.7.7.1.], [H7.7.7.2], [H7.7.7.4]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành văn bản về hoạt động quản lý sở hữu trí tuệ để bảo vệ quyền lợi của người nghiên cứu cũng như tuân thủ theo các quy định hiện hành của Luật sở hữu trí tuệ [H7.7.7.3].

Các văn bản quy định về tiêu chuẩn năng lực, đạo đức trong hoạt động NCKH và các quy định về quyền sở hữu trí tuệ như đăng ký bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KH&CN, khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được Nhà trường đăng tải công khai trên website cũng như thông báo rộng rãi đến toàn bộ CB, GV, NV, SV trong toàn Trường [H7.7.7.5], [H7.7.7.6].

Việc tuyển chọn chủ nhiệm đề tài NCKH các cấp được Nhà trường triển khai theo đúng quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường và được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và đạo đức [H7.7.7.2], [H7.7.7.7]. Cho đến nay, không có phản ánh, khiếu nại gì về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ các công trình khoa học của CB, GV Nhà trường [H7.7.7.8]. Trong giai đoạn 2012 – 2017, CB, GV Nhà trường đã đăng ký và được chứng nhận đăng ký nhãn hiệu và kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN với công trình nghiên cứu [H7.7.7.9].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành đầy đủ các văn bản quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động NCKH, quy định về đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ

trong hoạt động KH&CN và công bố rộng rãi trong toàn Trường thông qua hệ thống văn bản và trên Website của Trường.

- Nhà trường không có khiếu kiện, khiếu nại về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến CB, GV của Nhà trường

3. Tồn tại:

Số lượng các đề tài khoa học công nghệ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ còn hạn chế so với tổng số đề tài NCKH của CB, GV Nhà trường thực hiện.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2017 – 2018, Nhà trường tăng cường tổ chức các khóa tập huấn cho CB, GV, SV các quy định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và hỗ trợ kinh phí đối với các công trình đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Kết luận Tiêu chuẩn 7

Nhằm tổ chức thực hiện hoạt động KH&CN của Nhà trường phù hợp với sứ mạng phát triển của trường ĐH và theo định hướng ứng dụng, Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định chi tiết về hoạt động KH&CN, xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH dài hạn, trung hạn, kế hoạch hằng năm và triển khai thực hiện theo đúng Quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường. Nhà trường có nhiều chính sách, chế độ hỗ trợ kinh phí nhằm khuyến khích CB, GV, NV, SV tham gia NCKH, đặc biệt có chính sách khen thưởng dành cho CB, GV công bố bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín. Nhờ vậy, số lượng đề tài NCKH của CB, GV Nhà trường và số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành tăng lên qua từng năm.

Tất cả các đề tài NCKH của Nhà trường đều được xét duyệt, phân bổ kinh phí, kiểm tra tiến độ thực hiện và nghiệm thu theo đúng quy định của Nhà trường, đảm bảo nội dung và hiệu quả nghiên cứu phù hợp với chương trình đào tạo, góp phần phát triển nguồn lực của Trường.

Tuy nhiên, nguồn thu từ các hoạt động NKCH và chuyển giao công nghệ vẫn chưa cân đối so với nguồn kinh phí Nhà trường đầu tư cho hoạt động NCKH. Trong thời gian đến, Nhà trường tăng cường tìm kiếm các đề tài NCKH đặt hàng và chuyển giao công nghệ nhằm tăng cường nguồn thu từ hoạt động NCKH.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/7.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 1

TIÊU CHUẨN 8: HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Mở đầu:

Trong xu hướng hội nhập toàn cầu, Nhà trường luôn xác định hợp tác quốc tế là một trong những hoạt động trọng tâm và chú trọng mở rộng quan hệ hợp tác với các trường đại học của các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, thông qua hoạt động hợp tác quốc tế trong việc thực hiện liên kết đào tạo, trao đổi cán bộ và giảng viên, hợp tác nghiên cứu với các trường đại học đối tác, tổ chức giao lưu với sinh viên quốc tế đã đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho Nhà trường và đội ngũ cán bộ, giảng viên, sinh viên trong thời kỳ hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao vị thế và học hiệu Trường Đại học Bình Dương trong khu vực và trên thế giới.

Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

1. Mô tả:

Căn cứ các văn bản quy định của Nhà nước và của tỉnh Bình Dương về hoạt động hợp tác quốc tế, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định hoạt động HTQT về đào tạo, KHCN, dịch vụ giáo dục phù hợp với các quy định của nhà nước và điều kiện thực tiễn của Nhà trường [H8.8.1.1]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế lưu trữ hình ảnh, thông tin về hợp tác quốc tế, Quy trình tiếp đón khách quốc tế, Quy trình tổ chức Hội thảo quốc tế tại Trường Đại học Bình Dương [H8.8.1.2]. Các văn bản quy định về hoạt động HTQT được thông báo, phổ biến rộng rãi trên hệ thống văn bản Nhà trường và kết hợp thông báo trên website [H8.8.1.3].

Trong giai đoạn 2012 – 2017, Nhà trường đã chú trọng thực hiện hoạt động HTQT theo đúng các quy định của Nhà nước và Bộ GD&ĐT trong việc ký kết hợp tác với các trường đại học trên thế giới, quản lý xuất nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam như: xin phép visa, đăng ký tạm trú, xin phép Sở Ngoại vụ khi đón tiếp đoàn khách nước ngoài đến, thực hiện báo cáo kết quả đón tiếp các

đoàn khách nước ngoài cho Sở Ngoại vụ và theo yêu cầu của các cơ quan chức năng, quản lý việc đi công tác nước ngoài của cán bộ Nhà trường [H8.8.1.4]. Nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với Ủy Ban Nhân Dân, Sở Ngoại vụ và Công an tỉnh Bình Dương để đảm bảo an ninh, an toàn cho các giáo viên, sinh viên và chuyên gia nước ngoài trong thời gian công tác tại trường, thông qua việc xin phép tiếp đón các đoàn đối tác nước ngoài đến nghiên cứu, giảng dạy và học tập tại trường theo quy định của pháp luật [H8.8.1.4]. Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện đúng các khoản chi thường xuyên, chính sách ưu đãi và học bổng dành cho đào tạo đối với lưu học sinh theo quy định Bộ Tài chính [H8.8.1.10].

Nhà trường đã thành lập Phòng HTQT là đơn vị tham mưu BGH về lĩnh vực HTQT và là đầu mối điều phối các hoạt động đối ngoại của Trường và các đơn vị trong Trường theo chỉ đạo của BGH [H8.8.1.5]. Đồng thời, để triển khai và đẩy mạnh hoạt động HTQT, Nhà trường đã thành lập các Trung tâm trực thuộc, bao gồm: Trung tâm Việt Nga, Trung tâm Anh ngữ, Trung tâm Hàn Ngữ học, Trung tâm Nhật ngữ học, Trung tâm Tin Y Sinh [H8.8.1.6]. Nhà trường đã thực hiện phân cấp quản lý cụ thể đối với các đơn vị trực thuộc trong công tác HTQT nhằm tạo sự chủ động cho các đơn vị cũng như thực hiện tốt cơ chế phối hợp nâng cao hiệu quả hoạt động HTQT của Nhà trường [H8.8.1.1].

Tính đến ngày 30/6/2017, Nhà trường ký 44 bản ghi nhớ với các trường đại học của các nước: Liên Bang Nga, Belarus, Ba Lan, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Trung Quốc, Campuchia, Úc và Thái Lan [H8.8.1.7]. Các chương trình liên kết với trường đại học đối tác được thể hiện trong nội dung bản ghi nhớ như là liên kết hệ Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ Giáo dục, chương trình cấp bằng kép, liên kết đào tạo ngắn hạn trong một năm hoặc vào kỳ hè, đào tạo các ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Tin học, Ngoại ngữ gồm có ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Nga và tiếng Việt và liên kết ứng dụng công nghệ thông tin trong Y học [H8.8.1.8]. Thông qua hoạt động HTQT, Nhà trường đã thu hút giảng viên nước ngoài, các tình nguyện viên quốc tế đến tham gia giảng dạy, học tập và

hỗ trợ công tác chuyên môn [H8.8.1.9]. Đồng thời, thông qua các chương trình liên kết với các trường đại học quốc tế, Nhà trường đã tuyển sinh sinh viên quốc tế [H8.8.1.10].

Nhà trường thực hiện đầy đủ các thủ tục đối với việc cử cán bộ, GV đi công tác nước ngoài theo chương trình liên kết với các trường đại học đối tác nhằm tìm hiểu cơ hội ký kết các văn bản hợp tác, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, học hỏi kinh nghiệm quản lý cũng như cử GV đi giảng dạy ở nước ngoài [H8.8.1.11]. Cán bộ, GV được cử đi công tác, học tập ở nước ngoài thực hiện các báo cáo trước và sau khi đi theo đúng quy định của nhà trường [H8.8.1.12].

Nhà trường thực hiện chế độ báo cáo trực tiếp và bằng văn bản các hoạt động HTQT định kỳ và báo cáo đột xuất về số lượng khách nước ngoài, nội dung và thời gian làm việc của khách nước ngoài đối với các cơ quan chức năng [8.8.1.13]. Hằng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo kết quả hoạt động HTQT trong báo cáo tổng kết năm học và từng học kỳ tổ chức giao ban HTQT với mục đích đẩy mạnh hoạt động HTQT của Nhà trường [8.8.1.14]. Đến nay, Nhà trường không có bất kỳ vi phạm trong hoạt động hợp tác quốc tế và thông qua hoạt động HTQT, Nhà trường được nhận các hình thức khen thưởng như: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương năm 2017, Giấy khen của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương năm 2015 [8.8.1.15].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành văn bản quy định về hoạt động HTQT theo các quy định của Nhà nước và phù hợp với điều kiện của nhà trường.
- Nhà trường đã quy định và thực hiện phân cấp, phối hợp đối với các đơn vị trực thuộc trong hoạt động HTQT.
- Trong giai đoạn 2012 – 2017, Nhà trường không có bất kỳ trường hợp vi phạm trong hoạt động HTQT.

3. Tồn tại:

Nhà trường chưa thực hiện đánh giá mức độ hiểu biết của GV về các quy định của hoạt động HTQT.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2017- 2018 và những năm học tiếp theo, bên cạnh việc thường xuyên đăng tải, cập nhật các văn bản về hoạt động HTQT trên website Trường, Khoa; Nhà trường triển khai khảo sát mức độ hiểu biết của GV đối với quy định của hoạt động HTQT.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.2: Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả:

Tính đến ngày 30/6/2017, Nhà trường đã ký 44 Bản ghi nhớ hợp tác với trường Đại học, Cao Đẳng của các nước: Liên Bang Nga, Belarus, Ba Lan, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Trung Quốc, Campuchia, Úc và Thái Lan với nội dung hợp tác thể hiện lĩnh vực nghiên cứu khoa học, tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyên môn của đối tác với nước ngoài, tuyển sinh, đào tạo nghề, trao đổi học viên, nhân viên nghiên cứu, giảng dạy và phát triển các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi thông tin [H8.8.2.1]. Nhà trường đã quan tâm thực hiện và triển khai có hiệu quả với các trường ĐH đã ký kết bản ghi nhớ hợp tác về tổ chức các chương trình liên kết đào tạo phù hợp với nhu cầu của xã hội trong đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ khoa Quản trị kinh doanh; cử nhân Tài chính ngân hàng; Tin học, khoa Ngoại ngữ, Điện vô tuyến [H8.8.2.2]. Đồng thời, thông qua hoạt động HTQT, Nhà trường đã cử nhiều lượt CB, GV, SV tham gia đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn tại nước ngoài với số lượng tăng dần qua từng năm [H8.8.2.3]. Trong đó, nhiều CB, GV của Nhà trường đã đạt được học vị Tiến sĩ, Thạc sĩ các trường ĐH ở nước

ngoài [H8.8.2.4]. Bên cạnh đó, SV Nhà trường được cử đi học tập ở các trường ĐH ở nước ngoài dựa trên quan hệ hợp tác quốc tế của Nhà trường [H8.8.2.5]. Các báo cáo kết quả đi công tác, học tập ở nước ngoài của CB, GV, SV thể hiện hoạt động HTQT đồng thời giúp cho đội ngũ CB, GV, SV Nhà trường có cơ hội tham quan, học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như năng lực ngoại ngữ [H8.8.2.6].

Trong quá trình triển khai hoạt động hợp tác quốc tế với các trường ĐH đối tác, Nhà trường đã nhận được những gói tài trợ giáo dục cho sự phát triển của Nhà trường và nhiều quỹ học bổng giúp giảng viên, sinh viên có điều kiện nâng cao chất lượng dạy học, cụ thể như: Hiệp hội VESAMCO tặng học bổng 102 triệu đồng năm 2013, học bổng 101 triệu đồng năm 2014 và học bổng 93 triệu đồng năm 2015; Trường Đại học Shizuoka Sanyo tặng tài trợ 20.000 Yen; Trường Đại học Chosun tặng tài trợ 15,954.19 đô la Mỹ năm 2016 và 31,562.35 đô la Mỹ năm 2017 [H8.8.2.7]. Ngoài ra, Nhà trường và Trường Cao Đẳng Tài chính Nam Lào thỏa thuận về việc lắp đặt cầu truyền hình để triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác và giáo dục và đào tạo [H8.8.2.8].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ký kết nhiều văn bản ghi nhớ hợp tác với các trường ĐH đối tác nước ngoài.
- Hoạt động hợp tác quốc tế được Nhà trường triển khai thường xuyên, liên tục và đem lại những kết quả thiết thực trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CB, GV và tăng cường nguồn lực cho Nhà trường.

3. Tồn tại

Việc triển khai các chương trình liên kết đào tạo với các trường ĐH đối tác nước ngoài còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 – 2018, Nhà trường tiến hành rà soát các bản ghi nhớ hợp tác đã ký với trường ĐH đối tác nước ngoài và tập trung triển khai thực hiện liên kết đào tạo theo mô hình 2 + 2 và 3 + 1.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 8.3: Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả:

Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học trong thời gian qua được Nhà trường triển khai hiệu quả với việc thực hiện các dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, tổ chức các buổi hội thảo khoa học chung giữa Nhà trường với các trường ĐH đối tác nước ngoài dựa trên nội dung Bản ghi nhớ hợp tác [H8.8.3.1].

Trong 5 năm qua, các dự án nghiên cứu với các trường ĐH đối tác nước ngoài được thực hiện trên nhiều lĩnh vực: Tin học ứng dụng trong y tế, Tin học ứng dụng trong giảng dạy, các giải pháp cải thiện môi trường sống, ứng dụng trong công nghệ sinh học [H8.8.3.2]. Các dự án hợp tác nghiên cứu giữa Nhà trường với các trường ĐH đối tác nước ngoài đã được ứng dụng kết quả cụ thể vào thực tiễn như: Điều chế tín hiệu sóng mạng của SEFDM - Tín hiệu FFT/IFFT do giảng viên cơ hữu Nhà trường phối hợp với Trường Đại học Bách khoa Saint Petersburg; Thu nhận sản phẩm lên men từ trái cây Việt Nam do GV Khoa Công nghệ sinh học Nhà trường phối hợp với Trường Đại học Quốc gia Belarus [H8.8.3.2].

Hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường trong nghiên cứu khoa học được thể hiện qua việc phối hợp tổ chức các hội thảo chuyên ngành nhằm chia sẻ thông tin và công bố các kết quả nghiên cứu khoa học với các trường ĐH đối tác như: Hội

thảo về Tin học trong Y học được tổ chức năm 2012 với sự tham gia tổ chức của Trường Đại học Quốc gia Belarus; Hội thảo về Công trình ngầm và chống sạt lở được tổ chức năm 2012 cùng với Trường Đại học Quốc gia Mỏ Matxcova; Hội thảo về Quản lý và điều hành dự án trong doanh nghiệp vừa và nhỏ được tổ chức năm 2014 phối hợp với Trường Đại học Benedictine, Hoa Kỳ; Hội thảo khoa học về Cơ hội và sự phát triển chương trình dạy tiếng Nga tại Việt Nam được tổ chức năm 2014, phối hợp Đại học Quốc gia Belarus [H8.8.3.3]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tổ chức nhiều hội thảo cùng các đối tác đến từ các nước tiên tiến như: Hội thảo về Quản lý và điều hành dự án trong Doanh nghiệp vừa và nhỏ tổ chức cùng trường Đại học Benedictine Hoa Kỳ; Hội thảo tổ chức tại Trường Wonkwang - Hàn Quốc, Hội thảo về Công nghệ Blockchain- Nhật Bản (Cardano Labo Vietnam); Hội thảo về SSIF; Hội thảo VAST về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Hàn Quốc năm 2015 [H8.8.3.3]. Ngoài ra, Trung tâm Tin Y Sinh thuộc Trường Đại học Bình Dương cùng Đại học Quốc Gia Belarus tổ chức Hội thảo khoa học Ứng dụng Tin học trong Y tế về việc Triển khai phần mềm ứng dụng Tin học trong điều trị xương khớp, xây dựng mô hình khám chữa bệnh từ xa; từ đó mở rộng việc liên kết về nghiên cứu khoa học, trao đổi và chuyển giao công nghệ [H8.8.3.3].

Bên cạnh việc hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã có chính sách khen thưởng nhằm khuyến khích các nhà nghiên cứu gửi bài đăng ở các tạp chí quốc tế, điển hình là GV Khoa Công nghệ sinh học, Khoa Điện - Điện tử đã công bố chung nhiều bài báo khoa học với các đối tác nước ngoài trên các tạp chí quốc tế chuyên ngành có uy tín [H8.8.3.4].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã phối hợp với các trường ĐH đối tác tổ chức nhiều hội thảo khoa học quốc tế, công bố chung nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế.

- Các công trình nghiên cứu chung với các trường ĐH đối tác đã được ứng dụng trong thực tiễn.

3. Tồn tại:

Thời gian qua, các hoạt động về nghiên cứu khoa học phát triển mạnh nhưng chưa đồng đều ở các Khoa, do những rào cản về ngoại ngữ.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2017 - 2018, Nhà trường tăng cường tổ chức các lớp đào tạo ngoại ngữ cho GV đồng thời áp dụng chính sách khen thưởng đối với GV đạt thành tích cao trong học tập ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường được thực hiện theo đúng chủ trương, quy định của Nhà nước và trong thời gian qua không có sai phạm trong công tác đối ngoại. Các hoạt động hợp tác quốc tế được triển khai có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên, đồng thời góp phần tăng cường nguồn thu cho Nhà trường.

Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc nhiều dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đã được thực hiện. Nhà trường đã phối hợp với các trường ĐH đối tác tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung trên các tạp chí khoa học quốc tế.

Tuy nhiên, hoạt động HTQT chưa đồng đều giữa các Khoa. Trong thời gian tới, Nhà trường tăng cường tổ chức các lớp đào tạo ngoại ngữ cho GV nhằm đẩy mạnh và phát triển hoạt động HTQT trong toàn Trường

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

TIÊU CHUẨN 9: THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC

Mở đầu:

Thư viện, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học là những điều kiện đảm bảo chất lượng quan trọng cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường đại học. Nhà trường có Thư viện được trang bị đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài; có Thư viện điện tử được nối mạng phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở vật chất khá khang trang, hiện đại với đầy đủ phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm và hệ thống phòng làm việc của cán bộ giảng viên đạt chuẩn theo quy định; trang thiết bị tin học đồng bộ và hiện đại cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Ngoài ra, Nhà trường đã đầu tư xây dựng hệ thống nhà tập đa năng, sân bãi chuyên dùng cho các hoạt động thể dục thể thao nhằm đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập, rèn luyện của sinh viên và cán bộ giảng viên.

Tiêu chí 9.1: Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả:

Thư viện Trường được thành lập vào năm 2001 với tên gọi ban đầu là Thư viện Trường Đại học Dân lập Bình Dương và đến tháng 12/2015 được đổi tên thành Thư viện – Tư liệu Trường Đại học Bình Dương với diện tích sàn là 774m²; Đồng thời trong khoảng thời gian này, Nhà trường đã thành lập Thư viện – Tư liệu Trường Đại học Bình Dương – chi nhánh Cà Mau, diện tích 288m² [H9.9.1.1], [H9.9.1.2].

Hàng năm Thư viện – Tư liệu Nhà trường có kế hoạch bổ sung tài liệu nhằm cập nhật đầy đủ số lượng đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu

sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học [H9.9.1.3] [H9.9.1.4]. Thư viện – Tư liệu Nhà trường tại cơ sở chính hiện có 10.372 nhan đề/26.760 bản giáo trình, tài liệu tham khảo; 631 nhan đề/648 bản luận văn, luận án; 377 nhan đề/433 bản báo cáo nghiên cứu khoa học; 2.365 nhan đề khóa luận tốt nghiệp; 65 tên báo - tạp chí; 2.129 CD; 20.763 nhan đề tài liệu điện tử [H9.9.1.5] [H9.9.1.6]. Thư viện tại Phân hiệu Cà Mau hiện có 1.404 nhan đề/4.886 bản giáo trình, tài liệu tham khảo; 16 nhan đề luận văn, luận án; 1.426 nhan đề khóa luận tốt nghiệp; 28 CD-ROM [H9.9.1.5] [H9.9.1.6]. Thư viện – Tư liệu Nhà trường đã phục vụ trên 5.000 lượt bạn đọc mượn tài liệu và nhu cầu mượn tài liệu tham khảo tăng thêm hằng năm [H9.9.1.7].

Nhằm giúp CB, GV, SV có thể tiếp cận được nhiều nguồn tài liệu chuyên ngành phong phú và đa dạng, Nhà trường đã tham gia Hiệp hội Thư viện các tỉnh phía Nam và liên kết với Thư viện tỉnh Bình Dương, Thư viện Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thư viện tỉnh Cà Mau [H9.9.1.8]. Đồng thời, nhằm phục vụ tốt hoạt động đào tạo của các chuyên ngành, căn cứ đề cương môn học của các Khoa/Bộ môn, Thư viện – Tư liệu Nhà trường thường xuyên rà soát và cập nhật tài liệu nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu môn học, đáp ứng nhanh chóng, kịp thời, chính xác nhu cầu của người học [H9.9.1.9].

Nhằm tạo thuận lợi việc tra cứu của bạn đọc, Thư viện – Tư liệu Nhà trường đã triển khai quản lý tài liệu và bạn đọc bằng phần mềm Libol 6.0 [H9.9.1.10]. Thư viện – Tư liệu Nhà trường đã ban hành và áp dụng nội quy, qui định về việc sử dụng và thời gian mở cửa, tài liệu hướng dẫn sử dụng thư viện và tra cứu các tài liệu điện tử nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của bạn đọc [H9.9.1.11]. Đồng thời, toàn bộ khuôn viên tại các cơ sở được phủ sóng wifi, hệ thống máy tính tại phòng Internet được nối mạng hỗ trợ việc truy cập thư viện điện tử qua phần mềm, cũng như tra cứu thông tin từ gói cơ sở dữ liệu điện tử ProQuest Central [H9.9.1.12].

Nhà trường thường xuyên tạo điều kiện cho phép cán bộ thư viện tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng phục vụ, chuyên nghiệp hóa các

hoạt động của Thư viện nhằm đáp ứng nhanh chóng, kịp thời, chính xác nhu cầu của bạn đọc [H9.9.1.13]. Hằng năm, Thư viện – Tư liệu Nhà trường tổ chức hướng dẫn tra cứu tài liệu cũng tổ chức các hoạt động dành cho CB, GV, SV [H9.9.1.14], [H9.9.1.15]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng của Thư viện – Tư liệu đối với yêu cầu sử dụng của CB, GV, SV với kết quả đánh giá hài lòng về mức độ đáp ứng của Thư viện – Tư liệu của Nhà trường [H9.9.1.16].

2. Điểm mạnh:

- Thư viện – Tư liệu của Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV và SV.
- Thư viện – Tư liệu của Nhà trường sử dụng phần mềm Libl0l 6.0 tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu và quản lý.
- Nhà trường liên kết với các thư viện khác nhằm tăng cường nguồn dữ liệu, phục vụ tốt nhất nhu cầu của bạn đọc.

3. Tồn tại:

Thư viện – Tư liệu của Nhà trường chưa có sự liên kết, trao đổi nguồn tài nguyên thông tin với các thư viện nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017-2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường hợp tác với các tổ chức nước ngoài nhằm trao đổi và chia sẻ các cơ sở dữ liệu với mục đích đa dạng hóa dữ liệu Thư viện – Tư liệu của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.2: Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả:

Nhà trường hiện có 06 cơ sở đào tạo với 121 phòng học lớn, nhỏ từ 30 chỗ ngồi đến trên 150 chỗ ngồi/phòng và 09 hội trường, phục vụ hoạt động dạy học của

các lớp hệ chính quy và không chính quy [H9.9.2.1], [H9.9.2.2]. Với số phòng học hiện có, Nhà trường đáp ứng đủ phòng học cho các lớp, các ngành và các hệ theo yêu cầu của từng ngành đào tạo, bao gồm giờ giảng lý thuyết, bài tập, thực hành, thảo luận,... [H9.9.2.2], [H9.9.2.3]. Bên cạnh đó, Nhà trường có hệ thống phòng thí nghiệm, phòng máy tính với 21 phòng thí nghiệm thực hành và 15 phòng máy tính thực hành được xây dựng, bố trí theo từng chuyên ngành khác nhau nhằm phục vụ hiệu quả cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH [H9.9.2.2]. Tất cả các phòng học, phòng thực hành/thí nghiệm được sử dụng với công suất 2 ca/ngày; tỷ lệ bình quân diện tích phòng học $3.5\text{m}^2/1$ sinh viên và được bố trí hợp lý tập trung bằng phần mềm quản lý đào tạo cho từng chuyên ngành đào tạo [H9.9.2.3]. Ngoài ra, đối với lớp học tập trung có khối lượng sinh viên đông, Nhà trường bố trí tại các hội trường có sức chứa 200 - 800 sinh viên [H9.9.2.3].

Các khu giảng đường và khu thí nghiệm/thực hành được quy hoạch thành từng khu riêng biệt và Nhà trường có quy định về việc mở cửa phòng học, nội quy của phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập [H9.9.2.4]. Phòng Quản trị được giao nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, tham mưu Nhà trường cải tạo, sửa chữa phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH của GV, SV [H9.9.2.5]. Trong phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường có phân hệ quản lý phòng học, phòng thực hành thực tập và đã giúp việc sắp xếp, quản lý lịch sử dụng phòng học và dự báo được nhu cầu sử dụng phòng học để bố trí trong những trường hợp cần thiết [H9.9.2.6].

Hàng năm, thông qua Hội nghị Người lao động, Nhà trường lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm đối với nhu cầu dạy, học và NCKH [H9.9.2.7]. Đồng thời, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của CB, GV, SV về phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm với kết quả thể hiện CB, GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của phòng học, giảng đường, phòng thực hành thí nghiệm của Nhà trường [H9.9.2.8].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đáp ứng đủ phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ hoạt động dạy học, NCKH và yêu cầu của từng ngành đào tạo.
- Các phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm của Nhà trường được bố trí hợp lý.

3. Tồn tại:

Một số phòng học khu C và khu E của cơ sở 1 chưa đảm bảo việc chống nóng trong mùa hè.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017-2018, Nhà trường tiến hành nâng cấp những phòng học dãy nhà khu C và E của cơ sở 1 của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.3: Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

1. Mô tả:

Để triển khai việc mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NKCH một cách có hệ thống và đồng bộ, Nhà trường đã ban hành Quy định về mua sắm trang thiết bị và hằng năm Nhà trường thực hiện mua và cấp các trang thiết bị cần thiết theo đề xuất của các khoa, bộ môn nhằm đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo [H9.9.3.1]. Nhà trường hiện có 664 máy tính, 35 máy chiếu đa năng và 43 bộ âm ly được trang bị cố định tại phòng học, phòng máy thực hành nhằm đáp ứng hoạt động đào tạo và NKCH cũng như yêu cầu của từng ngành đào tạo [H9.9.3.2]. Phòng làm việc của GV, nghiên cứu viên được Nhà trường trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị phục vụ cho đào tạo và NCKH như máy tính, máy in, scanner và một số khoa liên quan đến công nghệ, do đặc thù riêng được trang bị các thiết bị, máy móc phù hợp theo yêu cầu [H9.9.3.2].

Phòng Quản trị thiết bị là đơn vị chức năng có nhiệm vụ quản lý tất cả các trang thiết bị phục vụ dạy học và nghiên cứu của Nhà trường [H9.9.3.3]. Phòng Quản trị thiết bị phân công cán bộ phụ trách từng khu giảng đường để mở, tắt, theo dõi, kiểm tra, sửa chữa máy móc, thiết bị kịp thời nhằm phục vụ tốt nhất yêu cầu dạy học của GV, SV [H9.9.3.4]. Nhà trường đã ban hành quy trình sửa chữa, bảo dưỡng các loại thiết bị phục vụ giảng dạy và sử dụng sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH [H9.9.3.5].

Định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản, trang thiết bị trong Trường để theo dõi, đánh giá và tính khấu hao, qua đó thể hiện trang thiết bị dạy và học của Nhà trường đang được sử dụng có chất lượng tốt [H9.9.3.6]. Bên cạnh đó, thông qua Hội nghị Người lao động, Nhà trường lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của trang thiết bị dạy học đối với nhu cầu dạy, học, NCKH và tiến hành khảo sát ý kiến của CB, GV và SV về trang thiết bị dạy học với kết quả đánh giá hài lòng về số lượng và chất lượng của trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, NCKH của Nhà trường [H9.9.3.7], [H9.9.3.8].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường trang bị đầy đủ các trang thiết bị dạy học, hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Các trang thiết bị dạy và học của Nhà trường được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả.

3. Tồn tại:

Việc mua sắm một số trang thiết bị ở phòng thực hành đôi lúc còn chậm.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017-2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường xác định chính xác số lượng trang thiết bị dạy học cần thiết và chuẩn bị nguồn kinh phí để đảm bảo việc mua sắm kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.4: Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

1. Mô tả:

Hiện tại, Nhà trường trang bị 12 máy chủ, 35 máy chiếu đa năng và 664 máy tính phục vụ công tác quản lý của các phòng ban và học thực hành công nghệ thông tin của Khoa Tin học, Khoa Ngoại ngữ [H9.9.4.1]. Hệ thống mạng wifi phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường cho phép CB, GV, SV dễ dàng truy cập [H9.9.4.2]. Tất cả các máy tính trong Nhà trường được nối mạng internet với tốc độ đường truyền cao, băng thông rộng, phục vụ 24/24 rất thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học [H9.9.4.2].

Để đảm bảo hệ thống mạng của Nhà trường luôn ổn định, Nhà trường đã thành lập tổ Quản trị Công nghệ thông tin và được trang bị đầy đủ phương tiện để quản lý, khai thác mạng và hướng dẫn việc sử dụng các thiết bị tin học cho CB, GV, SV [H9.9.4.3]. Hệ thống website của Nhà trường và của các đơn vị luôn được quan tâm, duy trì, cải tiến; trong đó Ban Biên tập website chịu trách nhiệm về các nội dung thông tin trên website của Trường [H9.9.4.5]. Để chuẩn hóa việc trao đổi thông tin, Nhà trường đã cung cấp địa chỉ email công vụ cho tất cả CB, GV, NV [H9.9.4.6].

Nhằm phục vụ tốt nhu cầu hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH của CB, GV, NV, Nhà trường đã trang bị các phần mềm ứng dụng có bản quyền cho tất cả các hoạt động chính như: Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo Edusoft; Trang thông tin quản lý đào tạo và đăng ký môn học trực tuyến; phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0 cho Thư viện - Tư liệu; phần mềm kế toán Misa cho phòng Tài vụ; gói phần mềm Microsoft Office 365 for Education dành cho giảng viên và sinh viên: Đăng ký theo mail có tên miền bdu.edu.vn tại website <https://products.office.com/vi-vn/student/office-in-education>; gói phần mềm của Công ty AutoDesk – for Education dành cho giáo dục (Autocad, 3d Max...): Đăng

ký theo mail có tên miền bdu.edu.vn tại website <https://www.autodesk.com/education/free-software/all> [H9.9.4.4].

Hàng năm, thông qua Hội nghị Người lao động, Nhà trường lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thiết bị tin học và tiến hành khảo sát ý kiến của CB, GV và SV với kết quả đánh giá hài lòng về các thiết bị tin học của Nhà trường phục vụ hoạt động dạy học, NCKH và công tác quản lý [H9.9.4.7], [H9.9.4.8].

2. Điểm mạnh:

- Hệ thống máy vi tính, máy chiếu đa năng và các thiết bị tin học hiện có của Nhà trường đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của đội ngũ CB, GV và SV.

- Hệ thống phần mềm quản lý hiện có của Nhà trường có bản quyền, đáp ứng yêu cầu hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH.

3. Tồn tại:

Một số máy tính cũ nên không thể cập nhật các phần mềm mới.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường rà soát và tiến hành nâng cấp, thay thế các máy tính cũ nhằm đồng bộ hóa các trang thiết bị tin học của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.5: Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả:

Hiện nay, tổng diện tích lớp học của Nhà trường là 17.046m², trong đó tại Cơ sở 1 là 10.369m², Cơ sở Hoàng hoa Thám là 1.870m², Cơ sở 2 là 2.280m², Cơ sở Bến Cát – Dĩ An là 793m² và Phân hiệu Cà Mau là 1.734m² [H9.9.5.1]. Với quy mô 4.850 sinh viên chính quy như hiện nay thì tỷ lệ bình quân diện tích chỗ học là

3,5m²/sinh viên và so với quy định của TCVN 9381 - 1985 “Diện tích lớp học dành cho sinh viên các trường đại học là 1,5m²/1 sinh viên”, Nhà trường có đủ diện tích lớp học cho SV học tập [H9.9.5.1], [H9.9.5.2].

Nhà trường đã kết hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị và cá nhân liên kết đầu tư xây dựng khu nhà ở ký túc xá SV với hiện tại toàn bộ 15 cơ sở ký túc xá sinh viên đều là nhà kiên cố với tổng diện tích sàn sử dụng là 14.651m², trong đó cụ thể tổng số có 703 phòng với diện tích bình quân mỗi phòng là 21m², bố trí 2-3 sinh viên/phòng và như vậy bình quân 7,8m²/sinh viên [H9.9.5.3]. Ở ký túc xá và trong mỗi phòng ở có trang bị các trang thiết bị cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày, hệ thống nước sinh hoạt đảm bảo thường xuyên, có khu vệ sinh sạch sẽ và hệ thống PCCC đảm bảo [H9.9.5.4].

Nhằm tạo điều kiện tối đa cho người học có môi trường học tập và sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, Nhà trường đã xây dựng 01 nhà thi đấu đa năng với tổng diện tích 600m², phòng tập Taekwondo có diện tích là 90m² và sân bãi phục vụ hoạt động thể dục thể thao là 4.540m² [H9.9.5.5]. Ngoài ra, Nhà trường còn có 02 Hội trường với sức chứa từ 300 - 800 chỗ ngồi, được trang bị các hệ thống âm thanh, ánh sáng hiện đại, đảm bảo phục vụ các chương trình văn hóa văn nghệ của SV Nhà trường [H9.9.5.6].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đảm bảo đủ diện tích lớp học theo quy định để triển khai hoạt động đào tạo và có ký túc xá, trang thiết bị, sân bãi phục vụ nhu cầu sinh hoạt, rèn luyện của người học.

- Hệ thống phòng học, giảng đường được xây dựng đúng quy định về diện tích và các tiêu chuẩn có liên quan, đáp ứng tốt yêu cầu học tập của người học.

3. Tồn tại:

Diện tích Nhà thi đấu đa năng còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động thể thao có quy mô lớn.

4. Kế hoạch hành động:

Trong giai đoạn từ nay đến 2020, Nhà trường nâng cấp, mở rộng diện tích Nhà thi đấu đa năng nhằm tổ chức các hoạt động thể dục thể thao quy mô hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.6: Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

1. Mô tả:

Trong thời gian qua, Nhà trường quan tâm đầu tư xây dựng CSVC, trong đó bố trí khu hành chính riêng làm nơi làm việc của Ban Giám hiệu, các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc [H9.9.6.1]. Các thành viên Ban Giám hiệu, Trưởng các phòng đều được bố trí phòng làm việc riêng [H9.9.6.1], [H9.9.6.2]. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học liên hệ giải quyết công việc trong quá trình học tập và rèn luyện, Nhà trường đã bố trí Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên và các đoàn thể, Phòng Tài vụ, Trung tâm Khảo thí, Phòng Tuyển sinh cùng một khu nhà với diện tích rộng rãi, thoáng mát [H9.9.6.3].

Nhà trường hiện có 14 khoa trong đó văn phòng các Khoa được bố trí tập trung ở khu giảng đường A và lãnh đạo các khoa, các trung tâm được bố trí phòng làm việc riêng với đầy đủ các trang thiết bị cần thiết [H9.9.6.3], [H9.9.6.4]. Ngoài ra, Nhà trường bố trí phòng sinh hoạt chung cho các Khoa cũng như phòng của các bộ môn để hội họp, làm việc, sinh hoạt chuyên môn [H9.9.6.3], [H9.9.6.4]. Nhà trường bố trí hợp lý phòng làm việc cho các phòng chức năng, khoa và đơn vị trực thuộc tùy thuộc vào số CB, GV, nhu cầu tiếp SV và đảm bảo tỷ lệ diện tích làm việc trung bình của mỗi CB, GV, NV ở mỗi đơn vị [H9.9.6.5].

Nhà trường bố trí phòng làm việc chung cho GV có học hàm đang công tác tại Trường [H9.9.6.3]. Bên cạnh đó, Nhà trường đầu tư xây dựng 05 phòng nghỉ cho CB, GV và 02 nhà khách, mỗi nhà khách có 05 phòng nghỉ với đầy đủ tiện nghi để phục vụ cho các đối tác của Nhà trường đến làm việc trong thời gian dài [H9.9.6.3],

[H9.9.6.6]. Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể về CSVC và là cơ sở để phát triển CSVC Nhà trường trong thời gian tới [H9.9.6.7].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường có đủ phòng làm việc cho CB, GV, NV cơ hữu theo quy định.
- Nhà trường quan tâm xây dựng nhà nghỉ, nhà khách để CB, GV nghỉ ngơi vào thời gian nghỉ trưa.

3. Tồn tại:

Số kho để đồ dùng, tài liệu lưu trữ còn hạn chế do số lượng cần lưu trữ vượt quá sức chứa hiện có.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường rà soát, sắp xếp quỹ phòng hiện có nhằm tăng thêm số lượng kho lưu trữ phục vụ hoạt động lưu trữ của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.7: Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả:

Về diện tích đất, hiện nay Nhà trường đang quản lý và sử dụng 27.813,1m²; trong đó, tại Bình Dương là 21.893,2m² (cơ sở 1: 8.854,4m²; cơ sở 2: 3.129,2m²; cơ sở Hoàng Hoa Thám: 5.254,2m²; Cơ sở Dĩ An - Bến Cát: 4.248,4m²; Nhà khách và Căn-tin: 407m²) và tại Cà Mau là 5.919,9 m² [H9.9.7.1].

Với sự ủng hộ nhiệt tình của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trong dự án xây dựng cơ sở Phân hiệu tại Cà Mau, Nhà trường đang đầu tư mở rộng Phân hiệu tại Cà Mau với diện tích 131.997,7m² [H9.9.7.2]. Đối chiếu với TCVN 3981-1985, tương ứng với quy mô sinh viên là 4.850 sinh viên như hiện nay và với dự án mở rộng Phân hiệu đang triển khai, Nhà trường có đủ diện tích đất theo quy định [H9.9.7.2].

Nhà trường đã sử dụng diện tích đất hiện có để xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác hành chính, hoạt động dạy học, nghiên cứu của đội ngũ CB, GV, NV

và SV cũng như hệ thống hội trường, sân bãi, ký túc xá phục vụ hoạt động rèn luyện cũng như nhu cầu sinh hoạt của SV [H9.9.7.3]. Hiện nay, diện tích đất của Nhà trường bình quân trên mỗi SV là: 5,74 m² và diện tích xây dựng tính bình quân trên mỗi SV là: 4,4 m² [H9.9.7.4]. Hằng năm, tại Hội nghị Người lao động, Nhà trường đánh giá hiệu quả sử dụng quỹ đất hiện có và đề ra các biện pháp nhằm tối ưu hóa việc sử dụng diện tích đất phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu cũng như tăng cường nguồn thu cho Nhà trường [H9.9.7.5].

2. Điểm mạnh:

- Diện tích sử dụng đất và diện tích mặt bằng tổng thể của Nhà trường đủ theo quy định.
- Nhà trường sử dụng hợp lý diện tích đất hiện có.

3. Tồn tại:

Việc đầu tư mở rộng Phân hiệu tại Cà Mau còn chậm theo tiến độ dự án.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tập trung nguồn lực nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư mở rộng Phân hiệu tại Cà Mau.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.8: Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường.

1. Mô tả:

Trong quá trình hoạt động và phát triển, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược của từng giai đoạn, trong đó có nội dung chiến lược phát triển CSVC của Nhà trường [H9.9.8.2]. Từ năm 2002 – 2014, Nhà trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 17.644,8m² và Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cấp chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 5.919,9m². [H9.9.8.1]. Ngoài ra, Nhà trường thuê thêm phần đất tại cơ sở Dĩ An và Bến Cát để phục vụ công tác đào tạo với tổng diện tích là 4.248,4m² [H9.9.8.1]. Từ năm 2014 – 2017, Nhà trường được Ủy ban nhân dân tỉnh

Cà Mau cho phép xây dựng mở rộng Phân hiệu Trường Đại học Bình Dương tại Cà Mau nhằm mở rộng cơ sở đào tạo với diện tích đất dự kiến sử dụng là 13.997,7m² [H9.9.8.3].

Nhà trường đã xây dựng và từng bước quy hoạch tổng thể theo từng thời kỳ phát triển nhằm đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, trong đó luôn chú trọng công tác nâng cấp bổ sung và cải tạo nhằm nâng cấp CSVC cả về số lượng và chất lượng [H9.9.8.4].

Đối với việc xây dựng cơ sở vật chất của Nhà trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chấp thuận dự án đầu tư mở rộng Phân hiệu Trường Đại học Bình Dương tại Cà Mau, dự kiến đến tháng 7/2019 hoàn thành hạng mục Khu hành chính, học tập và đến tháng 5/2022 hoàn thành các hạng mục còn lại như Khu thực nghiệm, Khu dịch vụ, Khu ký túc xá và nhà công vụ [H9.9.8.5]. Với CSVC sau khi dự án hoàn thành góp phần đáp ứng tốt yêu cầu của công tác công tác đào tạo, NCKH của CB, GV, SV Nhà trường [H9.9.8.5].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển CSVC trong từng giai đoạn, đáp ứng quy mô phát triển của Trường.

- Nhà trường chú trọng phát triển CSVC nhằm đảm bảo phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH.

3. Tồn tại:

Nhà trường đã xây dựng sơ đồ quy hoạch tổng thể và đang chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017 2018, Nhà trường tích cực, khẩn trương hoàn tất các hồ sơ để cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tổng thể, làm cơ sở phát triển CSVC đồng bộ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.9: Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả:

Để bảo vệ tài sản, trật tự an toàn cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, tại Bình Dương, Nhà trường hợp đồng thuê bảo vệ với Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Á Châu, gồm 15 người chia ca trực 24/24 giờ [H9.9.9.1]. Lực lượng bảo vệ được quy định chức năng nhiệm vụ rõ ràng, trang bị các công cụ hỗ trợ như máy bộ đàm, gậy cao su và cùng một số vật dụng hỗ trợ khác [H9.9.9.1]. Đồng thời, tại Phân hiệu Cà Mau, Nhà trường đã thành lập đội tự vệ [H9.9.9.2]. Nhà trường còn lắp đặt hệ thống camera an ninh tại những vị trí trọng yếu nhằm tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ tài sản trong khu vực Trường [H9.9.9.7].

Bên cạnh lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Ban Thanh tra - Giáo dục - Giám thị thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra các hoạt động phục vụ đào tạo và an ninh học đường nhằm đảm bảo môi trường học đường của Trường [H9.9.9.3]. Trong các ngày lễ, tết, Nhà trường luôn phân công cán bộ trực, sẵn sàng giải quyết các tình huống nếu có xảy ra [H9.9.9.4].

Trong thời gian qua, công tác phòng cháy chữa cháy đã được Nhà trường đầu tư trang bị các phương tiện kỹ thuật, cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn và thành lập đội phòng cháy chữa cháy theo quy định [H9.9.9.5]. Tại các phòng thực hành, thí nghiệm đều có nội quy, quy định sử dụng an toàn các thiết bị trong phòng nhằm phòng tránh cháy nổ cũng như có các biện pháp xử lý nếu xảy ra cháy nổ [H9.9.9.6].

Hàng năm, Nhà trường phổ biến, thông báo các văn bản của các cơ quan quản lý về đảm bảo an ninh trật tự, các nội quy, quy định của Nhà trường đến toàn thể CB, GV, NV và SV nhằm đảm bảo bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn của CB, GV, NV và SV [H9.9.9.8]. Đồng thời, Nhà trường thực hiện báo cáo hàng năm về việc đảm bảo tình hình an ninh, trật tự, trong đó tất cả CB, GV, SV luôn được bảo vệ tài sản, đảm bảo an ninh, trật tự trong khuôn viên Trường [H9.9.9.9].

Nhà trường ký kết và thực hiện quy chế phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác ANTT trong việc quản lý SV và giữ gìn ANTT trên địa bàn Trường đóng [H9.9.9.10]. Nhà trường đã được Công an tỉnh Bình Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương công nhận là đơn vị đạt tiêu chuẩn về an toàn, an ninh [H9.9.9.11].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp nhằm bảo vệ tài sản, đảm bảo an ninh, trật tự cho đội ngũ CB, GV, SV.
- Nhà trường có lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp, được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.
- Nhà trường đã làm tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương nhằm đảm bảo ANTT trên địa bàn.

3. Tồn tại:

Hoạt động tập huấn cho đội tự vệ của Nhà trường chưa được tổ chức thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017-2018, định kỳ hằng năm Nhà trường phối hợp tổ chức và mời báo cáo viên tập huấn cho đội tự vệ của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Nhà trường có thư viện, hệ thống phòng học, giảng đường đáp ứng phục vụ hoạt động dạy học, NCKH của CB, GV, SV. Đồng thời, các trang thiết bị phục vụ dạy học và thiết bị tin học được Nhà trường mua sắm, trang bị đầy đủ cho công tác quản lý và hoạt động đào tạo, nghiên cứu. Bên cạnh đó, Nhà trường có đủ diện tích lớp học theo quy định cho hoạt động dạy và học, có ký túc xá cho người học, có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

Nhà trường chú trọng công tác bảo vệ tài sản, đảm bảo trật tự, an toàn, an ninh trong trường học và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác ANTT, bảo vệ tài sản, phòng chống thiên tai.

Tuy nhiên, hiện nay Nhà trường chưa thực hiện liên kết, khai thác nguồn tài nguyên thông tin với các thư viện nước ngoài, diện tích Nhà thi đấu đa năng còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động thể thao có quy mô lớn. Trong thời gian tới, Nhà trường tiến hành ký kết và khai thác nguồn thông tin, cơ sở dữ liệu của các thư viện ở nước ngoài cũng như đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà thi đấu đa năng của Trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

TIÊU CHUẨN 10: TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Mở đầu

Tài chính và quản lý tài chính đóng vai trò rất quan trọng trong việc tồn tại và phát triển bền vững của nhà trường. Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu nhà trường luôn ý thức cao về công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính đúng theo các quy định của Nhà nước, đồng thời thực hiện chuẩn hóa, công khai và minh bạch. Nhà trường luôn chủ động tạo nguồn thu từ thu học phí và từ các khoản thu sự nghiệp khác. Các nguồn kinh phí của Nhà trường thu được sử dụng đúng mục đích và hợp lý nhằm phục vụ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường. Nhà trường luôn sử dụng và quản lý có hiệu quả các nguồn lực tài chính, đảm bảo tiết kiệm nhằm góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, GV, nhân viên. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ, đồng thời thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính.

Tiêu chí 10.1. Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học.

1. Mô tả:

Căn cứ các văn bản quy định của Bộ Tài chính, đồng thời căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Nhà trường, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và với đặc điểm là trường ĐH tư thục tự chủ về tài chính, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch hằng năm về nguồn thu và tự chủ nguồn thu, trong đó tập trung đa dạng hóa các nguồn thu hợp pháp nhằm tăng nguồn thu hằng năm cho Nhà trường [H10.10.1.1], [H10.10.1.2], [H10.10.1.3], [H10.10.1.4].

Các nguồn thu được nêu rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường [H10.10.1.2]. Các nguồn thu tài chính của Nhà trường bao gồm: nguồn thu học phí và nguồn thu hành chính sự nghiệp [H10.10.1.4]. Nguồn thu học phí được thực hiện thông qua quyết định về học phí hằng năm [H10.10.1.5]. Đối với nguồn thu sự

nghiệp bao gồm: Nguồn thu học phí từ các hệ đào tạo, lệ phí trong công tác đào tạo; Thu hành chính sự nghiệp gồm: cung ứng dịch vụ cho thuê mặt bằng giữ xe và cho thuê đặt trụ ATM, thuê Hội trường [H10.10.1.4].

Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch cụ thể để tăng các nguồn thu hợp pháp, đáp ứng về tài chính cho các hoạt động của Trường, trong đó tăng cường hoạt động đào tạo các hệ chính quy, củng cố và khai thác tìm các nguồn thu tài chính thông qua việc mở rộng mô hình đào tạo không chính quy, hệ đào tạo từ xa [H10.10.1.4]. Đồng thời, hằng năm Nhà trường tiến hành kiểm tra, rà soát, đánh giá nguồn thu [H10.10.1.6]. Trong 5 năm gần đây, Nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc thu các nguồn tài chính theo kết luận của kiểm toán [H10.10.1.7].

Các nguồn thu hợp pháp được Nhà trường sử dụng, phân bổ hợp lý phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH, thực hiện nhiệm vụ chính trị và phát triển Trường như: các phong trào thi đua, hoạt động đoàn thể, nâng cao thu nhập cho cán bộ, GV và nhân viên, tăng cường cơ sở vật chất... [H10.10.1.8]. Thông qua ý kiến của cán bộ, GV tại Hội nghị Công đoàn của Nhà trường hằng năm thể hiện Nhà trường đảm bảo việc chi tài chính cho hoạt động đào tạo và NCKH [H10.10.1.9].

Trong những năm gần đây chi phí đào tạo chất lượng tăng cao nhưng học phí hằng năm tăng không quá 10% và do một số ngành đào tạo đặc thù có kết quả tuyển sinh không được tốt nên ảnh hưởng đến nguồn thu của Nhà trường.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường chủ động trong xây dựng kế hoạch và áp dụng các giải pháp tự chủ về tài chính.
- Tất cả các nguồn thu của nhà trường đều hợp pháp và tăng dần qua từng năm.
- Nguồn thu của Nhà trường đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học.

3. Tồn tại:

Nguồn thu từ học phí của một số ngành đào tạo đặc thù còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Nhà trường tiến hành rà soát và chấm dứt đào tạo đối với các ngành đào tạo tuyển sinh kém, đồng thời mở các ngành đào tạo mới phù hợp với nhu cầu của xã hội và của tỉnh Bình Dương.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 10.2. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và theo quy định.

1. Mô tả:

Công tác lập kế hoạch tài chính của Nhà trường được thực hiện theo từng học kỳ của năm học; căn cứ vào yêu cầu về đào tạo, NCKH, nhu cầu tăng cường cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và các hoạt động khác của Trường [H10.10.2.1]. Hằng năm, Nhà trường luôn chú trọng và hoàn thiện việc lập kế hoạch tài chính theo đúng thời gian, nội dung, biểu mẫu, thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo hướng dẫn của Nhà trường [H10.10.2.2]. Bên cạnh đó, kế hoạch tài chính được xây dựng dựa trên tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động và ước tính chi tiêu của năm trước, tiến hành đúng theo quy định của Nhà trường, đồng thời dựa trên các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của các lĩnh vực hoạt động do các đơn vị trực thuộc đề xuất, nhằm đáp ứng cho hoạt động đào tạo, NCKH, đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và các hoạt động chung của Nhà trường [H10.10.2.3], [H10.10.2.4], [H10.10.2.5], [H10.10.2.6], [H10.10.2.7]. Các kế hoạch được tính toán kỹ lưỡng, chặt chẽ, rõ ràng, chính xác nhiệm vụ chi của học kỳ năm học trong phạm vi dự toán chi và có điều chỉnh để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh [H10.10.2.3]. Kế hoạch tài chính hằng năm được Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt và thông báo đến các đơn vị trực thuộc làm cơ sở để thực hiện [H10.10.2.2].

Công tác quản lý tài chính và giám sát hoạt động tài chính là trách nhiệm chung của Nhà trường, trong đó Phòng Tài vụ là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện các chuẩn mực, quy định của pháp luật về tài chính [H10.10.2.7]. Nguồn tài chính được quản lý tập trung, mọi khoản thu, chi đều được

thể hiện trong báo cáo tài chính của Trường [H10.10.2.8]. Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện báo cáo công khai tài chính tại Hội nghị Công đoàn [H10.10.2.9].

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, Nhà trường đã sử dụng phần mềm kế toán Hành chính Sự nghiệp, phần mềm thuế Thu nhập cá nhân và phần mềm Quản lý học phí [H10.10.2.10]. Nhà trường đã liên kết với ngân hàng để tự động hóa trong việc thu học phí, chi trả thù lao giảng dạy, các giao dịch dịch vụ và chuyển khoản các khoản thu nhập cho CB, GV, NV [H10.10.2.11].

Từ năm 2012 đến nay, thông qua các đợt kiểm tra, thẩm tra của các cơ quan chức năng và kiểm toán đều xác nhận kết quả hoạt động tài chính của Nhà trường đã thực hiện đúng, đầy đủ, phù hợp với các quy định của Nhà nước và Quy định về quản lý tài chính của Nhà trường [H10.10.2.7], [H10.10.2.12].

2. Điểm mạnh:

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính của Nhà trường được tuân thủ đúng theo quy định hiện hành; được công khai, minh bạch; đáp ứng các nhiệm vụ đào tạo, NCKH và đảm bảo ổn định cuộc sống của CB, GV, NV Nhà trường.

Công tác quản lý tài chính của Nhà trường được áp dụng tin học hóa, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

3. Tồn tại:

Một số đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm chưa phù hợp nên ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 - 2018, Phòng Tài vụ hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị trực thuộc trong công tác lập kế hoạch tài chính hằng năm; đồng thời Phòng Tài vụ tăng cường nhắc nhở các đơn vị lập kế hoạch tài chính đúng thời hạn, phù hợp nhằm đảm bảo thời gian ban hành kế hoạch tài chính hằng năm của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 10.3. Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.

1. Mô tả:

Nguồn tài chính của Trường được phân bổ hợp lý dựa trên các văn bản quy định của nhà nước và các chế độ định mức chi tiêu của Nhà trường được quy định rõ ràng trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H10.10.3.1], [H10.10.3.2], [H10.10.3.3], [H10.10.3.4]. Hằng năm, căn cứ tình hình thực tế của Trường như: quy mô đào tạo, hoạt động NCKH, kế hoạch hoạt động của các đơn vị, kế hoạch tài chính, nguồn tài chính sẽ được phân bổ phù hợp cho các hoạt động của các đơn vị trong toàn Trường [H10.10.3.5]. Việc phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch, hiệu quả được thể hiện qua các kế hoạch dự toán kinh phí; được thực hiện một cách dân chủ, công khai trong báo cáo tài chính hằng năm của Trường [H10.10.3.6].

Trên cơ sở kế hoạch tài chính hằng năm, Nhà trường đã sử dụng tất cả các nguồn lực tài chính một cách hợp lý, minh bạch và hiệu quả đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ, mục tiêu phát triển của Nhà trường [H10.10.3.5]. Việc phân bổ hợp lý đã góp phần tăng đầu tư CSVC của Nhà trường, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH, tăng phúc lợi tập thể, tăng thu nhập cho CB, GV, NV [H10.10.3.5], [H10.10.3.6].

Nguồn chi của Nhà trường cơ bản tập trung cho hoạt động đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo, trong đó chiếm đến 50% ->55%, cụ thể chủ yếu chi trả các chế độ cho CB, GV, NV (tiền lương, tiền giảng dạy, tiền quản lý, thu nhập tăng thêm,...), chi trả học bổng cho SV và các chế độ khác đúng theo quy định của nhà nước [H10.10.3.5], [H10.10.3.6]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy, xây dựng thêm các phòng học, nhà làm việc, KTX, nhà xưởng thực hành và các hệ thống sân, đường trong khuôn viên Trường [H10.10.3.5], [H10.10.3.6]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên dành kinh phí cho việc mua sách và nâng cấp phần mềm thư viện, phần mềm giảng dạy, góp

phần thực hiện nhiệm vụ đào tạo; đồng thời chú trọng tăng kinh phí chi cho NCKH của GV và SV [H10.10.3.5], [H10.10.3.6].

Để đảm bảo sử dụng tài chính một cách hợp lý và có hiệu quả, Nhà trường đã thường xuyên xem xét, sửa đổi, điều chỉnh định kỳ Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động [H10.10.3.1]. Tại Hội nghị Công đoàn hằng năm, Nhà trường công khai các nguồn thu chi cho toàn thể CB, NV trong Trường nhằm minh bạch tài chính, đồng thời lấy ý kiến phản hồi từ các bộ phận trực thuộc về hoạt động tài chính để điều chỉnh kế hoạch thu chi hợp lý hơn [H10.10.3.7]. Trong công tác quản lý tài chính, Nhà trường luôn thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật và trong 05 năm qua không có vi phạm về sử dụng tài chính [H10.10.3.8].

2. Điểm mạnh:

Các quy định về sự phân bổ và sử dụng các nguồn tài chính của Nhà trường được xây dựng chi tiết, cụ thể, công khai và đúng quy định.

Công tác quản lý tài chính của Nhà trường được thực hiện chặt chẽ, công khai, minh bạch đúng quy định và được tin học hóa.

3. Tồn tại:

Do hằng năm có một số hoạt động phát sinh trong thực tiễn nên việc phân bổ kinh phí còn có những hạng mục chi chưa được thể hiện trong kế hoạch tài chính.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2018, Phòng Tài vụ tăng cường hướng dẫn và kiểm tra kế hoạch tài chính của từng đơn vị trực thuộc nhằm kiểm soát và giảm đến mức thấp nhất các hạng mục chi ngoài kế hoạch.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Kết luận tiêu chuẩn 10:

Công tác tài chính và quản lý tài chính có vai trò quan trọng đối với các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là với mô hình trường ngoài công lập. Trong những năm qua, Nhà trường đã chủ động áp dụng nhiều biện pháp để tự chủ tài chính,

trong đó tập trung xây dựng kế hoạch tài chính theo hướng chuẩn hóa, công khai, minh bạch, đúng quy định; đồng thu tăng nguồn thu hợp pháp cho Nhà trường.

Công tác quản lý tài chính của Nhà trường luôn được thực hiện đúng quy định của Nhà nước, đồng thời đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả trong triển khai các hoạt động theo đúng kế hoạch, góp phần đáng kể vào quá trình xây dựng và phát triển của Nhà trường.

Tuy nhiên, nguồn thu từ học phí của một số ngành đào tạo đặc thù và từ hoạt động NCKH còn hạn chế. Trong thời gian tới, Nhà trường tiến hành rà soát, chấm dứt đào tạo đối với các ngành đào tạo tuyển sinh kém, đồng thời mở các ngành đào tạo mới phù hợp với nhu cầu của xã hội và của tỉnh Bình Dương. Bên cạnh đó, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH và chuyên gia công nghệ, đồng thời động viên, khuyến khích, tăng cường chế độ khen thưởng đối với các nhóm nghiên cứu, GV nhằm nâng cao số lượng đề tài NCKH các cấp để từ đó góp phần tăng cường nguồn thu cho Nhà trường từ hoạt động NCKH.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0